



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ liên lạc: **11502 Daniel Avenue, Garden Grove, CA 92840 — U.S.A.**

Tel.: (714) 266-4171 | Email: baivochanhphap@gmail.com | Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Pixabay**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, những bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- TẾT VỀ LÚC XA QUÊ (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 6
- THÔNG BÁO ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2568 – DL 2024 (TT. Thích Thanh Minh), trang 7
- PHẬT GIÁO TRUYỀN BẢ TỪ ĐÔNG QUẢ TÂY PHƯƠNG (HT. Thích Trí Chơn dịch) trang 8
- CHẾT AN LÀNH (Quảng Tánh), trang 12
- HT. THÍCH TUỆ SỸ - CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ... (Nguyễn Siêu), trang 13
- CHUÔNG SỚM, KHÓI SƯƠNG (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 16
- THỜI GIAN – Ý THỨC (TN Tịnh Quang), trang 17
- TỪ LÝ LUẬN TỚI GIẢI THOÁT (Nguyễn Giác), trang 19
- GIỌT TRĂNG GẦY (thơ Phổ Đồng) trang 22
- 12 ĐOÀN KHÚC THƠ ĐẠO MÙA XUÂN (thơ Diệu Viên), trang 24
- SƠ QUÁT VỀ NHÂN DUYÊN TRONG ĐẠO PHẬT... (Khánh Hoàng), trang 25
- LAU SẠCH TỰ TÂM (Nhóm Áo Lam), trang 30
- TAM VIÊN (Kiều Mỹ Duyên), tr. 31
- CÂY CHỒI CỦA NGÀI CHU LỢI BÀN ĐÀ GIÀ (Huệ Trân – Hạnh Chi), trang 33
- LÊN NON (thơ Trần Hoàng Vy), trang 34
- VỊ PHẬT CỦA CHÍNH MÌNH (TM Ngô Tăng Giao), trang 38
- TU TRONG ĐẠO PHẬT (TN Hằng Như), tr. 39
- RÂM THÁNG GIÊNG, THẦN CHÚ, THỨC GIẢ (thơ Xuyên Trà), trang 42
- CƯỜI VỚI NẮNG MỘT NGÀY SAO CHÓNG THỂ (Nguyễn Thị Khánh Minh), trang 43
- MƯA TRƯỜNG SON (thơ TiTi Vũ), trang 44
- TUỆ SỸ, MỘT VỊ BÒ TÁT HAY MỘT TRÍ GIẢ... (Nguyễn Bá Chung – Tâm Quảng Nhuận dịch), trang 45
- BÁNH ÍT LÁ GAI (Tiểu Lục Thân Phong), trang 47
- MỘT GÁNH HỒNG TRẦN, THẦN PHỤC THỜI GIAN (thơ Thy An), trang 48
- TRUYỆN CỰC NGẮN (Steven N), trang 49
- GIÓ BỤI PHONG TRẦN (thơ Vĩnh Hữu Tâm Không), trang 51
- THÂN TRỌNG VỚI THUỐC HO, CẢM LẠNH (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 52
- GIÁC NGỘ TỪ SINH (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 54
- ĐEM CHÁNH NIỆM VÀ TÌNH THƯƠNG VÀO NHÀ TÙ TIỂU BANG CA (Bạch Xuân Phê), tr. 55
- LỜI RU CỦA BIÊN, CHÙA LÁ SEN (thơ Tôn Nữ Mỹ Hạnh) trang 57
- THE STORY OF THERA SANTAKAYA (Daw Tin), trang 58
- TRÊN HÀNH TRÌNH THỜI GIAN, VỚI BÔNG HOA THẮT SÙNG (thơ Tịnh Bình), trang 59
- NẤU CHAY: XÀ-LÁCH RAU CŨ (Lily), trang 60
- CỜ TRỜI tập 1 – chương 9 (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61
- HY SINH (Truyện cổ Phật Giáo), trang 69



Báo Chánh Pháp số 149, tháng 04.2024, do Phật Học Viện Quốc Tế (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

DANH VÀ THỰC

Danh và *thực* trong đời sống xã hội là nói cái tên gọi và thực chất, chức danh và khả năng, danh vị và tài đức. Danh mà không đi đôi với thực thì gọi là *hữu danh vô thực* (1). Tổ chức có nhiều kẻ hữu danh vô thực rất dễ dẫn đến sự phân rã, suy yếu, thất bại. Xã hội có quá nhiều kẻ hữu danh vô thực chắc chắn sẽ dẫn đến rối loạn, suy đồi, khó tiến bộ. Ở những địa vị cao trong giai tầng xã hội, danh với thực mà quá cách biệt thì nói không ai nghe, trên dưới không đồng lòng, dù có kể sách gì hay cũng không thực hiện được chu toàn.

Thuyết chính danh (2) của Khổng Tử là nhằm bổ khuyết cho vẫn nạn ấy, tức là kéo cái thực cho đồng nhất hoặc gần với cái danh, sao cho tên gọi phù hợp với tài năng, đức độ. Nếu cái danh được trao cho một người không phải do hiền năng của người ấy, thì người nhận cái danh phải cố gắng làm sao cho năng lực tự thân của mình xứng đáng với cái danh được trao truyền.

Phật giáo cũng nói về hai chữ Danh và Thực (Thật) này, nhưng ở một bình diện khác.

Danh là ngôn ngữ, lý luận; *thực* là thực tại, chân lý. Giống như ngón tay chỉ mặt trăng, danh chỉ mô tả thực tại, là biểu tượng của thực tại chứ không phải là thực tại tuyệt đối. Nhưng thực tại tuyệt đối nếu không có danh ngôn biểu thị thì sẽ không thể tỏ ngộ, không thể thấy hay nắm bắt được (3). Hơn nữa, biểu tượng của chân lý không thể nghĩ bàn, đối với người thiên trí, nếu không có lý giải, minh họa tỉ mỉ thì không dễ gì thấu đạt. Đó là lý do Đức Phật thuyết pháp suốt 45 năm. Đó là lý do có tam tạng thánh điển.

Áp dụng vào đời sống thường nhật, danh và thực của Nho hay của Phật, đều ít nhiều ảnh hưởng.

Trong khi ngoài đời cũng như trong đạo, nhan nhản những người hữu danh vô thực, thì bậc thượng trí nương nơi trung đạo, vượt ngoài danh vị và thực tế, vượt khỏi danh ngôn và thực tại, vượt lên ngôn ngữ tương đối và sự thật tuyệt đối, trầm

lặng chứng ngộ cảnh giới bất khả tư nghì – và nơi vô trụ xứ ấy, không ngọn gió thể gian (4) nào có thể thổi tới. Sống, không cần danh; thì chết, có cầu chi những danh vị hão huyền (5). Tán dương hay chỉ trích, đối với bậc đã đứng ngoài ba cõi, chẳng khác gì rải hoa hay xả rác vào hư không tịch tịnh. Nơi hư không vô tận ấy, chẳng có hoa hay rác nào có thể bám víu; nơi đại nguyện vô cùng của bậc trí giả thượng thừa kia, mọi tốt-xấu khen-chê đều như bụi tro tan trong lòng biển lớn.

- 1) *Hữu danh vô thực* 有名無實: chỉ có cái tên suông chứ thực chất không có gì.
- 2) Chính danh 正名: học thuyết quan trọng của Khổng Tử (551 – 479 trước Tây lịch) trong việc trị quốc và tổ chức xã hội. Theo học thuyết này, từ vua quan đến hàng thứ dân, mỗi người đều làm đúng địa vị và bổn phận của mình theo tên gọi (chính danh) thì kỷ cương xã hội, phép tắc quốc gia mới được thiết lập; không chính danh thì xã hội sinh hỗn loạn.
- 3) “*Thật phi ngôn bất ngộ*” 實非言不悟 – chân lý mà không có ngôn thuyết thì không thể nào dẫn đến tỏ ngộ (lời của Tăng Duệ [371–438], trong bài tựa Trung Luận).
- 4) Tâm ngọn gió thể gian (bất phong, bất thể phong) thường làm động tâm người gồm có: lợi (được), suy (mất), hủy (nhục), dự (vinh), xưng (khen), cơ (chê), khổ (buồn), lạc (vui).
- 5) “... *Sống, tuy có danh nhưng không cần, không bám vào nó. Sống an nhiên với tâm niệm rời đây thân và danh này cũng mục nát với cỏ cây. Nếu có tài, gặp cơ duyên thích hợp thì đem ra phụ giúp cho đời, đem khả năng của mình ra để phục vụ nhân sinh. Hợp thời thế thì làm, bằng không thì cũng chẳng buồn bã chi... Cho tới khi mình chết, mình an tâm, an toàn. Chết đi về đâu, không cần biết. Chỉ cần biết mình đã làm những điều chân chánh, hợp đạo lý, thì khi chết nhất định sẽ đến những chỗ an toàn...*” (Kinh Kim Cang Giảng Giải - Tuệ Sỹ)

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

PAKISTAN: Đại biểu nước ngoài thăm các di tích Phật giáo cổ xưa

HARIPU, Khyber Pakhtunkhwa: Phật tử và các nhà lãnh đạo tôn giáo từ nhiều nguồn gốc khác nhau - đến từ Mã Lai, Tích Lan, Trung Quốc và các quốc gia khác - đã vinh dự tham dự Hội nghị Phật giáo Quốc tế lần thứ hai được tổ chức tại Pakistan.

Là một phần của chuyến thăm, các vị khách quý đã bắt đầu hành trình khám phá di sản lịch sử phong phú, bao gồm các địa điểm khảo cổ nổi tiếng Khanpur, Jaulian và Bảo tháp Bhamala, tất cả đều giữ một vị trí quan trọng trong Danh sách Di sản Thế giới.

Khi đến những kỳ quan lịch sử nói trên, các phái đoàn nước ngoài này cùng với các giáo sư từ các trường đại học khác nhau đã tham gia vào các nghi thức tôn giáo trang trọng, hòa mình vào bầu không khí tâm linh của những thánh địa. Chuyến thăm của họ không chỉ là khám phá mà còn là thể hiện sự tôn kính và ngưỡng mộ đối với những nỗ lực bảo tồn được thực hiện ở Khyber Pakhtunkhwa.

(The Express Tribune - March 5, 2024)



Đoàn đại biểu ngoại quốc viếng các di tích Phật giáo cổ xưa tại Khyber Pakhtunkhwa, Pakistan
Photos: The Express Tribune

ẤN ĐỘ: Hội Phật giáo Từ Tế khởi công xây dựng "Làng Tình yêu Vĩ đại" ở Bồ đề Đạo tràng

Hội Phật giáo Từ Tế, tổ chức từ thiện và nhân đạo toàn cầu có trụ sở tại Đài Loan, đã tổ chức lễ khởi công vào ngày 25-2 cho một dự án mới mang tên Làng Tình yêu Vĩ đại ở Silaunja, Bồ đề Đạo tràng, Ấn Độ.

"Dự án này sẽ cung cấp 36 ngôi nhà an toàn và bảo đảm cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Lễ động thổ vào ngày 25-2 đã ca ngợi sự đoàn kết và nhân ái, khi các tình nguyện viên chung tay với chính quyền địa phương và các thành viên cộng đồng," Hội Từ Tế phát biểu.

Trước khi khởi công xây dựng Làng Tình yêu Vĩ đại, các tình nguyện viên đã tiến hành khảo sát từng nhà để hiểu rõ hơn về nhu cầu của từng hộ gia đình. Những ngôi nhà ở Làng Tình yêu Vĩ đại sẽ được thiết kế phù hợp với hoàn cảnh đặc biệt của cư dân, nhằm mang đến một môi trường thoải mái và hỗ trợ cho mỗi gia đình.

"Ngôi làng này không chỉ có gạch và vữa. Nó có ý nghĩa về việc xây dựng một tương lai nơi các gia đình có thể triển vọng và trẻ em có thể mơ ước lớn lao," Hội Từ Tế giải thích.

(Buddhistdoor Global - March 2, 2024)



Hội Phật giáo Từ Tế tổ chức lễ khởi công dự án mới mang tên Làng Tình yêu Vĩ đại ở Silaunja, Bồ đề Đạo tràng, Ấn Độ



Các tình nguyện viên Hội Từ Tế tiến hành khảo sát từng nhà của dân làng
Photos: Hội Từ Tế

HOA KỲ: Tu viện Phật giáo ở Hawaii kỷ niệm cột mốc quan trọng với 75,000 bữa ăn được quyên góp

Chùa Phật giáo Honoka'a Hongwanji, liên kết với trường phái Phật giáo Jodo Shinshu, đã tổ chức lễ phát bữa ăn thứ 75,000 vào ngày 16-2-2024. Ủy ban Hòa bình của chùa này đã cung cấp bữa ăn miễn phí hàng tuần cho cộng đồng trong 5 năm, được phối hợp và điều hành hoàn toàn bởi các tình nguyện viên ở thị trấn nhỏ Honoka'a trên đảo Hawaii. Chương trình có tên là "Cho con cháu và tổ tiên của chúng ta ăn".

Người nhận bữa ăn thứ 75,000 là Pedro Sanches, cư dân Honoka, người đã đến trong sự cổ vũ của các tình nguyện viên và thị trưởng của thị trấn, Mitch Rothas.

Chương trình phối hợp với các doanh nghiệp địa phương, nông dân và nhà cung cấp sản

phẩm để bảo đảm có đủ thực phẩm mỗi tuần. Các đầu bếp và chủ nhà hàng địa phương cũng đã đóng góp kiến thức chuyên môn của họ.

Vào thứ Sáu hàng tuần từ 4-5:30 chiều, thức ăn được cung cấp bởi các tình nguyện viên. Họ hợp lực để tạo ra những bữa ăn nóng buổi tối và phân phát khoảng 1,300-1,800 kg hàng tạp hóa và sản vật cho hơn 200 gia đình. Họ cũng giao hàng tận nhà cho những người có nhu cầu và cung cấp sách cho trẻ em.

(NewsNow – March 4, 2024)



Chùa Hongwanji ở Honoka'a, liên kết với trường phái Phật giáo Jodo Shinshu, cung cấp bữa ăn miễn phí hàng tuần (ảnh trên) và phân phát hàng tạp hóa và sản vật cho cộng đồng



Photos:
bigislandvideonews.com

THÁI LAN: Học sinh Pattaya kỷ niệm Ngày Makha Bucha tại chùa Wat Chaimongkhon

PATTAYA, Thái Lan – Các giáo viên và học sinh từ Trường Thành phố Pattaya 8 đã tập trung tại chùa Wat Chaimongkhon vào ngày 23-2 để tôn vinh Ngày Makha Bucha, thể hiện cam kết của trường trong việc bảo tồn văn hóa Thái Lan và truyền thống Phật giáo.

Các hoạt động trong ngày tại Trường Thành phố Pattaya 8 được thiết kế cẩn thận để truyền tải ý nghĩa của Ngày Makha Bucha rơi vào ngày 24-2. Học sinh tham gia vào các buổi học để khám phá nguồn gốc và thực hành của ngày này, thúc đẩy sự hiểu biết sâu

sắc hơn về các truyền thống Phật giáo.

Điểm nổi bật trong ngày là lễ rước long trong tại Chùa Wat Chaimongkhon, khi các học sinh cùng kính đi quanh khuôn viên chùa. Các nghi lễ bao gồm tạo công đức, cúng dường và nghe thuyết pháp đều được tuân thủ, thể hiện bản chất của Ngày Makha Bucha.

Khi màn đêm buông xuống, ánh nến chiếu sáng ngôi chùa trong chuyến đi vòng quanh nhà thờ trong bầu không khí thiêng liêng. Giữa tiếng tụng kinh và hương trầm, các học sinh đón nhận hành trình tâm linh tượng trưng cho lễ phải và sự giác ngộ.

(tipitaka.net – March 6, 2024)



Học sinh Trường Thành phố Pattaya 8 tập trung tại chùa Wat Chaimongkhon vào ngày 23-2 để tôn vinh Ngày Makha Bucha
Photos: Pattaya Mail

ẤN ĐỘ: Tổ chức phi lợi nhuận Phật giáo FHSM tân trang trường học nông thôn cho người nghèo ở huyện Jhajjar

Hội Thánh Đệ (FHSM), tổ chức phi lợi nhuận Phật giáo dẫn thân, công bố rằng họ đã hoàn thành việc cải tạo và cung cấp vật tư cho một trường học nông thôn ở huyện Jhajjar, bang Haryana, Ấn Độ. Dự án kết thúc vào ngày 9-2-2024, là một phần trong nỗ lực không ngừng của FHSM nhằm hỗ trợ các làng Dalit và các cộng đồng kém may mắn ở Ấn Độ.

"Gần đây, chúng tôi đã tân trang lại một trường học nông thôn ở Làng Fatehpur bằng cách cung cấp sách, đồng phục, giày dép, đĩa, văn phòng phẩm, áo len và học bổng cho học sinh ở đó" Chủ tịch FHSM, Thượng tọa Gauthama Prabhu, nói, "Ngoài ra, chúng tôi cũng đã sơn lại toàn bộ khu trường học, sửa chữa những hư hỏng và cải tạo khu trường học với việc cung cấp bồn chứa nước uống, hệ thống lọc thẩm thấu ngược, và máy làm mát nước."

Có trụ sở chính tại Chennai, thủ phủ của bang Tamil Nadu, và hoạt động tại 9 bang của Ấn Độ, FHSM được thành lập và hướng dẫn bởi các nguyên tắc của Phật giáo dẫn thân vào xã hội, tập trung vào việc giúp đỡ các cộng đồng thiếu thốn và bị gạt ra ngoài lề xã hội.

(NewsNow – March 4, 2024)



Tổ chức Phật giáo FHSM tân trang trường học nông thôn cho người nghèo ở huyện Jhajjar—Photos: FHSM



HOA KỲ: Chuyên gia Hàn Quốc về văn bản Phật giáo chép tay đến thăm Đại học Yale

New Haven, Connecticut - Kim Kyeong-Ho, một chuyên gia về 'sageong' (sao chép kinh điển Phật giáo bằng tay) sẽ giám sát cuộc triển lãm các tác phẩm của ông và các văn bản Phật giáo viết tay khác tại Đại học Yale. Cuộc triển lãm có tựa đề 'Sao chép Văn bản Thiêng liêng - Một Thực hành Tâm linh' kéo dài đến ngày 11-8-2024 và mở cửa cho công chúng. Việc xem trực tiếp tác phẩm của ông sẽ diễn ra tại Thư viện Tưởng niệm Sterling của Đại học Yale.

Với bút vẽ của mình, ông Kim không chỉ sao chép các ký tự viết của mỗi bản thảo, mà còn cả hình ảnh các vị phật, bồ tát và các hình tượng khác tô điểm cho mỗi trang. Tay nghề của ông tinh xảo đến mức chỉ một sự xáo trộn nhỏ nhất cũng có thể gây ra sai sót.

Đối với ông Kim, những lỗi như vậy đòi hỏi phải khởi động lại hoàn toàn. Vì vậy, ông làm việc chậm rãi và có phương pháp, cẩn thận đặt từng nét bút mới. "Một dòng có thể mất vài phút," ông nói, và mô tả rằng quá trình này là "tính thẩm mỹ của sự chậm rãi".

Trong studio tại nhà của mình ở Hàn Quốc, Kim giữ nhiệt độ phòng ở khoảng 38°C để làm chậm quá trình khô của lớp keo mà ông bôi lên trang.



Có niên đại từ thế kỷ 14, bức 'sageong' lâu đời nhất của Hàn Quốc tại trường Đại học Yale được viết bằng cùng loại mực vàng và giấy chàm mà Kim sử dụng ngày nay.

Ông Kim đã cống hiến cả cuộc đời mình để phục hưng nghệ thuật kinh điển Phật giáo viết tay, và đã được vinh danh với danh hiệu "Người thừa kế Truyền thừa Nghệ thuật Truyền thống của Sageong" tại Hàn Quốc.

(Buddhistdoor Global - March 12, 2024)

TRUNG QUỐC: Ngôi chùa Phật giáo cổ được tìm thấy ở tỉnh Sơn Tây

Một ngôi chùa Phật giáo có niên đại từ triều đại Bắc Ngụy (386-534) đã được tìm thấy ở quận Bình Thành thuộc thành phố Đại Đồng, tỉnh Sơn Tây, phía bắc Trung Quốc.

Được cho là một ngôi chùa chính thức hoặc thuộc hoàng gia, chùa cổ này nằm cách tàn tích cung điện của triều đại Bắc Ngụy khoảng 300 mét, với một ngôi chùa ở trung tâm, Viện khảo cổ học tỉnh Sơn Tây cho biết.

Các nhà nghiên cứu đã tìm thấy một hồ hình vuông chứa ngọc trai, đồ trang sức bằng san hô và những chiếc nhẫn bằng đồng ở giữa phần nền móng chùa. Hơn 200 bức tượng Phật được bảo quản tốt cũng được phát hiện bên trong chùa. Những tượng này có một số được trang trí bằng lá vàng.

Phó giám đốc Viện là Li Shuyun cho biết: Người ta cho rằng ngôi chùa được vẽ bằng những bức bích họa vì di tích bức tường bong tróc của nó gây liên tưởng. "Đây là di tích nền móng chùa được bảo tồn tốt nhất mà Đại Đồng từng phát hiện, cung cấp tài liệu nghiên cứu vật lý quan trọng cho việc nghiên cứu hình thức kiến trúc của các ngôi chùa Phật giáo vào thời điểm đó," ông Li nói thêm.

Chuyên gia Kim Kyeong-Ho và một bản 'sageong' của ông

Photos: wshu.com & koreaherald.com



(azertag.az - March 12, 2024)



Tượng Phật tại ngôi chùa có niên đại từ triều đại Bắc Ngụy (386-534) được tìm thấy ở tỉnh Sơn Tây, phía bắc Trung Quốc—Photo: azertag.az

THÁI LAN: Quỹ Trung tâm Thiên Phụ nữ Quốc tế công bố Nữ Phật tử xuất sắc cho năm 2024

Ngày 8-3-2024, trùng với Ngày Quốc tế Phụ nữ, Quỹ Trung tâm Thiên định Phụ nữ Quốc tế (IWMCF) đã chọn ra 31 người nhận Giải thưởng Phụ nữ Xuất sắc trong Phật giáo năm 2024.

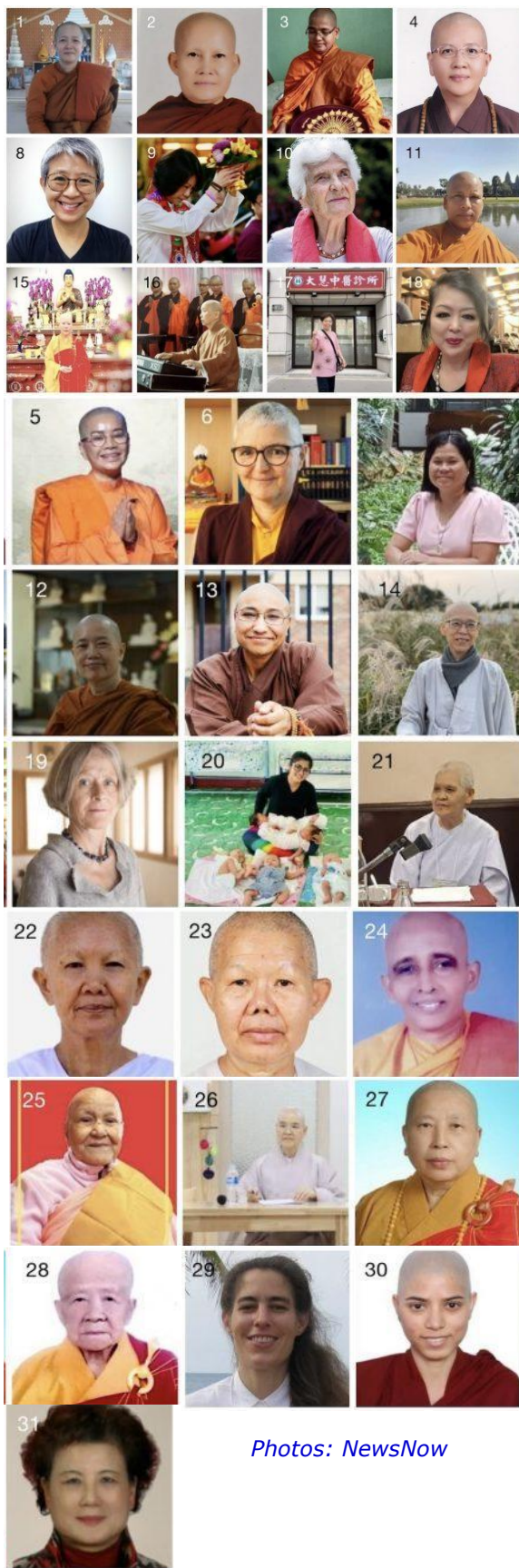
Là sáng kiến của 2 tu sĩ Phật giáo, Tỳ kheo ni Rattanavali từ Thái Lan và Tỳ kheo ni Tiến sĩ Lee từ Hoa Kỳ, tổ chức IWMCF lần đầu tiên bắt đầu trao Giải thưởng Phụ nữ Xuất sắc trong Phật giáo cho phụ nữ Phật giáo vào năm 2002 - nhân Ngày Quốc tế Phụ nữ của Liên Hợp Quốc - như một cách để công nhận và nêu bật những đóng góp toàn cầu của họ.

Giải thưởng IWMCF công nhận những thành tựu và sự xuất sắc trong 4 hạng mục: Thực hành Thiên định; Công tác Xã hội và Phát triển Cộng đồng; Hoằng Pháp; và Hoạt động Hòa bình.

Có trụ sở tại Thái Lan, IWMCF được hình thành để thúc đẩy bình đẳng giới trong Phật giáo qua việc thành lập các nữ tu sĩ làm lãnh đạo xã hội, bằng cách cung cấp: thiên định và thực hành Phật giáo cho phụ nữ và trẻ em gái; Giáo pháp cho phụ nữ và trẻ em gái; đào tạo sau đại học cho nữ tu sĩ; Giải thưởng Phụ nữ Xuất sắc trong Phật giáo hàng năm; và Dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông dành cho nữ giảng viên Đạo Pháp.

(NewsNow - March 12, 2024)

31 người nhận Giải thưởng Phụ nữ Xuất sắc trong Phật giáo năm 2024 của IWMCF:



Photos: NewsNow



TẾT VỀ LÚC XA QUÊ

*Tết về lòng thốn thức hồn quê,
 Ngoảnh mặt đã hơn bốn chục hè (*)
 Thăm thăm xa vời lân góc rề,
 Mang mang mơ ước mãi ngày về.
 Dòng suối, bờ khe nước róc rách
 Con đê, đồng lúa hạt sum sê.
 Thương nhớ càng nhiều càng chua xót,
 Sụt sùi gò má lệ dầm dề...!*

*Dầm dề nước mắt mãi lưng tròng,
 Vọng hương cố hương mãi luống trông.
 Bát nước, lò hương không người giữ,
 Hàng cau, vườn chuối chẳng ai trông.
 Bạn bè luống tuổi không còn mấy,
 Thân thích già nua có như không!
 Đón Tết, mừng Xuân thêm sâu thẳm,
 Càng nghĩ càng thêm tủi cõi lòng...*

*Thêm tủi cõi lòng... dạ chán chê,
 Chán chê nhưng Tết vẫn trở về.
 Trở về hướng vọng theo cố quận...
 Cố quận ngắm nhìn cảnh đồng quê.
 Nhìn ngắm đồng quê đầy vẻ đẹp,
 Quê đây vẻ đẹp ước hẹn thề.
 Hẹn thề xưa ấy nay nhớ lại,
 Nhớ lại Tết về đượm hồn quê.*

Quý đông Quý Mão - Jan. 01st, 2024

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM NAM CALIFORNIA
BAN TỔ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2568-DL 2024**

Tel.: (714) 878-3739

Vietnamese American United Buddhist Congregation
- Vietnamese Buddhist Community of Southern Calif.
- Buddha's Birthday Festival Celebration Organizing Committee 2568 -2024

**THÔNG BÁO số 1 của Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản
Phật Lịch 2568 – DL 2024**

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Thiên Đức Tăng, Ni, Kính thưa quý Đồng hương Phật tử,

Hòa cùng với niềm vui của người con Phật trên khắp thế giới đón mừng ngày đản sinh, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và các Chùa, các Tự Viện tại miền Nam California, sẽ long trọng tổ chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2568 vào **Thứ bảy 4 tháng 5 và Chủ Nhật 5 tháng 5 năm 2024 tại Garden Grove Park, thành phố Garden Grove, Orange County, California, Hoa Kỳ.**

Chương Trình Đại Lễ Phật Đản năm nay rất phong phú và lợi lạc, như thuyết pháp, văn nghệ cúng dường Phật Đản, xe hoa trưng bày, diễu hành trên các đại lộ Little Saigon, cúng dường trai Tăng tạo phúc cho đồng hương Phật Tử, nghi thức Khánh Đản với sự chứng minh và hành lễ của hàng năm trăm chư tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni tại miền Nam Calif. cũng như đến từ các tiểu bang Hoa Kỳ và nhiều nơi khác trên thế giới.

Ngày thứ bảy 4 tháng 5 năm 2024 từ 5 đến 5 giờ 30 chiều chương trình cung thỉnh chư hương linh từ Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ và Tượng Đài Thuyền Nhân về an vị tại lễ Đài Garden Grove Park, sau đó là cầu nguyện Thế Giới Hòa Bình, Tự Do Dân Chủ Nhân Quyền, và Toàn Vẹn Lãnh Thổ cho Việt Nam, lúc 5 giờ 30 chiều là chương trình Cất Băng Khánh Thành và Thắp Nến,

Ngày Chủ Nhật 5 tháng 5 năm 2024, Chương Trình Đại Lễ sẽ kéo dài từ 8 giờ sáng đến 9 giờ tối đặc biệt có nhiều gian hàng văn hóa Phật giáo và gian hàng phân phối thức ăn chay miễn phí cho đồng hương, văn nghệ cúng dường Đức Phật Đản Sanh. Chương trình văn nghệ bắt đầu lúc 9 giờ sáng, cúng dường trai Tăng lúc 11 giờ, nghi lễ chính thức mừng Khánh Đản sẽ diễn ra vào lúc 12 giờ trưa Chủ Nhật và nghi thức Hành Chánh lúc 1 giờ chiều, sau đó là chương trình văn nghệ tiếp tục đến 9 giờ tối.

Thay mặt Ban Tổ Chức, thành tâm kính mời quý vị đại diện các tôn giáo bạn, các đoàn thể và hội đoàn, các cơ quan truyền thông báo chí nhín ít thời giờ đến tham dự. Chúng con cung thỉnh tôn đức Tăng, Ni, chư vị Viện Chủ các Tự Viện hoan hỷ tham dự, hỗ trợ và góp lời cầu nguyện cho Đại Lễ Phật Đản thành tựu viên mãn

Chúng tôi xin kêu gọi quý đồng hương và Phật tử phát tâm hỗ trợ về tinh thần, tài chánh, công sức để góp phần công đức cúng dường Đại Lễ Phật Đản.

Trân Trọng Thông Báo và Kính Mời.

Santa Ana, ngày 08 tháng 02 năm 2024

Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2568 - DL 2024

Tỳ Kheo Thích Thánh Minh

Mọi chi tiết cần thiết xin liên lạc **(714) 878-3739**

PHẬT GIÁO TRUYỀN BÁ TỪ ĐÔNG QUA TÂY PHƯƠNG

Nguyên tác: ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA
Chuyển ngữ: *H.T. Thích Trí Chơn*
Trích từ sách “Kindness, Clarity and Insight”

TÀI LIỆU / SỰ KIỆN



Kính thưa quý vị,

Chúng tôi rất hân hạnh được gặp gỡ để hầu chuyện với quý vị hôm nay tại nơi đây, vì mỗi người chúng ta đang đi tìm hiểu về giá trị và ý nghĩa đích thực của sự sống. Vài hôm trước nhiều lần tôi đã nói rằng cùng với những tiến bộ vật chất, sự phát triển đời sống tinh thần và nội tâm của con người cũng rất cần thiết và hữu ích. Ngay các bạn cũng nhận thấy rằng một người có ý chí vững mạnh, khi gặp khó khăn họ dễ dàng khắc phục vượt qua. Trong trường hợp của đất nước Tây Tạng và kinh nghiệm chính bản thân, tôi biết rằng điều ấy là đúng sự thật.

Người nào trong vai trò lãnh đạo với những trách nhiệm nặng nề như tôi hiện nay mà gặp phải nhiều vấn đề khó khăn rắc rối như vậy, chắc hẳn tinh thần của họ khó tránh khỏi bị khủng hoảng và lo âu. Nhưng quý vị hãy nhìn kỹ nét mặt của tôi lúc nào cũng bình thản, an lành và tự tại. Hẳn nhiên chúng tôi nhận thức biết rõ vấn đề của quê hương chúng tôi là trầm trọng và nghiêm ngặt nhưng chúng tôi đành phải chấp nhận vận mệnh không may đó để cố gắng khắc phục vượt qua. Nhờ tinh thần cương quyết dũng mãnh, rõ ràng đã ảnh hưởng và giúp tâm chúng tôi có đủ nghị lực để đối phó với các vấn đề khó khăn.

Theo Phật giáo vì mọi người đều có khả năng thành Phật giống nhau cho nên khi thực hành lời Phật dạy, thì chúng ta sẽ gặt hái được nhiều lợi ích thiết thực. Không cần chờ hưởng phước báu ở kiếp sau, mà nếu chúng ta có lòng thương cứu giúp mọi người thì ngay trong đời này, chúng ta sẽ cảm thấy được nhiều hạnh phúc và an lạc.

Mặc dù tâm đại bi của chư Bồ Tát căn bản thường được giải thích trong các kinh điển đại thừa, nhưng ngoài ra, chúng ta thấy toàn bộ tư tưởng

Phật giáo lúc nào cũng xây dựng trên nền tảng của lòng từ bi này. Tất cả những lời Phật dạy có thể diễn đạt theo hai câu: theo tinh thần của giáo lý Đại Thừa thì “Các bạn nên cứu giúp mọi người” và Nguyên Thi hay Tiểu thừa là “Nếu không có thể thì quý vị đừng gây tổn hại cho bất cứ ai”. Nó đề cao tinh thần đạo đức là khuyên chúng ta nên chấm dứt các hành động làm đau khổ mọi kẻ khác. Cả hai lời dạy vừa kể được xây dựng trên tư tưởng của tình thương và lòng từ bi.

Nếu thực hành, trước hết chúng ta nên kiểm soát ngăn ngừa chính mình không gây các hành động ác làm hại chúng sanh được càng nhiều càng tốt. Sau đó, khi chúng ta đã phát triển được một vài tánh tốt, chúng ta bắt đầu nhắm đến mục đích giúp đỡ kẻ khác. Ban đầu, đôi lúc chúng ta cần sự yên tĩnh sống cách biệt mọi người để tu tập, nhưng sau khi đã đạt kết quả làm chủ được nội tâm, chúng ta nên tiếp xúc, dẫn thân phục vụ cho xã hội con người trong mọi lãnh vực như y tế, giáo dục và chính trị v.v...

Có một số người tự nhận là Phật tử thường hay phô trương sự tu hành của mình qua hình thức mặc một chiếc áo đặc biệt khác lạ hay áp dụng một phương thức tu hành lập dị và đôi khi thực sống ẩn dật xa rời quần chúng. Hành động như vậy là sai lầm. Trong kinh đức Phật dạy “Muốn có an lạc, con người cần sửa ở nội tâm chứ không phải thay đổi hình thức bên ngoài”. Điều đó rất quan trọng. Vì mục đích chính của sự thực hành theo Phật giáo đại thừa là phục vụ cho mọi chúng sanh; do đó, chúng ta không thể tự mình sống tách rời xã hội. Trái lại để cứu giúp mọi người chúng ta phải sống trong cuộc đời. Đây là điều thiết yếu thứ nhất.

Thứ hai, đặc biệt theo Phật giáo là khi thực hành chúng ta cần sử dụng cả khối óc lẫn con tim. Về mặt đạo đức, chúng ta nên có lòng từ bi, cùng lúc chúng ta cũng phải có trí tuệ. Cho nên sự kết hợp giữa từ bi và trí tuệ rất cần thiết. Thiếu trí tuệ các bạn khó có thể thành tựu trong việc thấu hiểu sâu xa Phật pháp. Đây là điều căn bản. Ngoài ra chúng ta cũng cần có sự phối hợp giữa văn (nghe biết) tư (suy nghĩ) và tu (thực hành). Đại sư Tây Tạng Drom-Don (1004-1064) đã nói “Khi tôi lắng nghe, tôi cũng cố gắng suy nghĩ và thiền định. Khi tôi suy nghĩ, tôi càng lắng nghe và thiền định hơn. Khi tôi thiền quán tôi vẫn tiếp tục lắng nghe và suy tưởng”. Ngài bảo như vậy là “Tôi đã giữ được sự quân bình giữa sự nghe biết (văn), suy nghĩ (tư) và thực hành (tu)”.

Khi lắng nghe, điều quan trọng là tâm của quý

vi phải chú ý suy nghĩ đến những điều mà chúng ta đã nghe. Việc học hỏi những lời dạy trong tôn giáo không giống như sự tìm hiểu về các biến cố của lịch sử. Mà hành giả cần phải sử dụng đến trí óc, chú tâm nghiên cứu các điều răn dạy của đạo giáo. Kinh Phật dạy rằng sự tu tập của chúng ta giống như tấm gương. Các hành động, nơi thân miệng và ý của quý vị chẳng khác cái mặt được soi hiện ra trên tấm gương đó, nhờ vậy mà chúng ta tìm thấy các điều sai quấy lỗi lầm của mình để sửa đổi.

Lúc đang học hỏi sự thực hành, chúng ta cần áp dụng nó trong đời sống tu tập của chính mình. Tôi xin kể quý vị nghe câu chuyện sau đây: Ngày xưa khi đạo sư Tây Tạng Ga-Dam-Ba đang nghiên cứu về giới luật. Ngài đọc thấy đức Phật dạy chư Tăng không nên dùng tọa cụ làm bằng da thú vật. Từ đó, ngài đem cát tẩm da gấu không ngồi trên đó nữa. Ngày nọ, ngài lại đọc thấy trong luật đức Phật cho phép vào mùa đông lạnh lẽo, hoặc khi đau ốm bệnh tật, các tỳ kheo có thể dùng tọa cụ bằng da được; tức khắc ngài liền lấy nó ra lại để ngồi. Như vậy tôn sư Ga-Dam-Ba thực tế là biết áp dụng các giới luật ngài đã học. Cho nên, muốn thu được nhiều kết quả tốt trong việc tu tập, chúng ta nên cố gắng ứng dụng các điều mình đã học vào thực hành.

Điều thứ ba, tôi mong rằng quý vị đừng kỳ vọng quá nhiều. Chúng ta đang sống trong thời đại của máy vi tính và điện toán cho nên các bạn có thể lầm tưởng nghĩ rằng sự tu tập cải đổi nội tâm cũng giống như bộ máy tự động, chỉ cần bấm nút một cái là mọi vật đều thay đổi. Nó đâu phải như vậy. Trái lại muốn điều phục được tâm con người chẳng phải là việc dễ dàng mà cần có thời gian.

Về khoa học kỹ thuật, nhất là chinh phục ngoại giới, không phải chỉ trong một thời gian ngắn con người có thể đạt được kết quả vĩ đại là phóng phi thuyền lên các hành tinh xa xôi như hiện nay, mà phải mất hàng trăm năm nghiên cứu qua nhiều thế hệ, thế hệ đại tiến bộ hơn nhờ vào thế hệ trước. Tuy nhiên sự thăng hoa tinh thần, phát triển đời sống tâm linh đạo đức thì rất khó khăn, bởi lẽ việc tu tập cá nhân không thể chuyển tiếp từ thế hệ này qua thế hệ khác được. Cuộc sống và hành động của bạn trong đời trước sẽ ảnh hưởng nhiều đến kiếp này và nghiệp gây ra trong hiện tại của mình là nhân tạo ra quả cho đời sau. Cho nên việc làm ác hay thiện của người này không thể truyền lại cho kẻ khác. Tất cả mọi việc tu tập hành động thiện ác, hạnh phúc hay đau khổ đều tùy thuộc nơi bạn và cần có thời gian.

Tôi gặp nhiều Phật tử Tây Phương lúc đầu rất hăng hái tinh tấn tu tập nhưng sau vài năm họ sanh tâm biếng nhác giải đãi và đôi khi hoàn toàn không muốn thực hành gì nữa hết. Lý do là vì ngay từ đầu họ nôn nóng muốn thấy có kết quả tu học liền. Nhưng theo lời dạy trong cuốn "Bồ Tát Đạo Hành" của ngài Tịch Thiên (Shantideva) thì hành giả cần phải tập hạnh nhẫn nhục hoặc có lòng khoan dung.

Bạn không chỉ rộng lượng đối với kẻ thù mà còn phải hy sinh chịu đựng với quyết tâm để tránh khỏi rơi vào tình trạng biếng nhác và chán nản. Bạn cần phải kiên trì tập hạnh nhẫn nhục. Điều này rất quan trọng.

Hãy lấy trường hợp của tôi để làm ví dụ. Tôi sinh ra trong một gia đình tin Phật tại một xứ sở mà toàn dân chúng hầu hết đều theo Phật giáo, mặc dù cũng có nhiều người theo Thiên chúa, Hồi giáo và đạo Bon, là tín ngưỡng cổ truyền của Tây Tạng. Tôi

được học hỏi Phật pháp bằng tiếng mẹ đẻ và có duyên vào chùa tu rất sớm, ngay từ lúc còn nhỏ. Như vậy xét về phương diện thực hành giáo lý, thì tôi gặp nhiều thuận lợi dễ dàng hơn các bạn. Vào lúc tuổi tôi độ chừng mười lăm hay mười sáu, tôi bắt đầu nỗ lực siêng năng tu tập cho mãi đến hôm nay. Nhìn lui lại những năm trước đây so sánh với hiện tại, tôi nhận thấy tôi đã tiến bộ khá nhiều trên con đường tu tập. Cho nên sự kiên trì nhẫn nại, luôn luôn tinh tấn hành trì giới luật không phút nào thối tâm giải đãi là điều hết sức quan trọng.

Các bạn nên biết sự phát triển tu tập ở nội tâm cần có thời gian và diễn tiến từ từ. Quý vị có thể tự nghĩ "Hôm nay tâm mình có được một chút thanh tịnh, và an vui trong lòng". Nếu so sánh với thời gian năm, mười hay mười lăm năm về trước các bạn nhận thấy rằng mình đã có đôi phần tiến bộ trong sự tu tập. Cho nên bạn hãy

thử so sánh tâm niệm của mình không phải chỉ với ngày hôm nay và hôm qua, hoặc tuần trước hay tháng rồi; cũng không phải năm ngoái, nhưng mà năm năm trước đây rồi bạn mới thấy rõ là nội tâm mình có phần nào phát triển trong sự tu luyện. Do đó, muốn đạt kết quả tốt, tiến bộ trong việc tu hành thì chúng ta cần tinh tấn, thường xuyên cố gắng mỗi ngày trong sự hành trì tu tập.

Đôi lúc người ta hỏi tôi Phật Giáo, một nền giáo lý cổ thời truyền vào từ phương Đông chẳng rõ nó có thích hợp với dân chúng Tây Phương không? Tôi đã trả lời rằng mục đích căn bản của các tôn giáo là nhằm giải quyết những vấn đề khổ đau của nhân loại. Là con người, bất luận ở Đông hay Tây Phương, da trắng, đen vàng hoặc đỏ, thì tất cả đều có những sự khổ sanh, già, bệnh, chết giống nhau. Chừng nào còn những nỗi khổ đau căn bản này, và con người còn cần đến tôn giáo để cứu khổ thì chúng ta khỏi phải nêu câu hỏi là Phật giáo du nhập Tây Phương có thích hợp hay không?

Một vấn đề khác liên quan đến đời sống tinh thần. Có người thích món ăn này, kẻ nọ lại chuộng thức ăn khác. Tương tự như vậy, vài cá nhân nghĩ nên theo tôn giáo này tốt và lợi ích hơn, có kẻ lại chọn theo đạo khác cao siêu, thực tế và tiến bộ hơn. Do đó mà trong xã hội chúng ta ngày nay con người cần đến nhiều tôn giáo khác nhau và hẳn nhiên trong số đông người Tây Phương cũng sẽ có người hâm mộ Phật giáo vì sự lợi ích thiết thực của nó.

Khi chúng tôi nói đến điều tinh túy và cốt lõi



HT. THÍCH TRÍ CHƠN
(1933—2011)

của tôn giáo thì khỏi cần nêu câu hỏi thích hợp hay không, một khi giáo lý căn bản của đạo giáo không thể thay đổi được. Một nhà sư Miến Điện theo Phật giáo Nam Tông tôi gặp gần đây tại Châu Âu và qua nếp sống tu hành thích nghi của ông ở đây, tôi nhận thấy chúng ta cần phân biệt giữa di sản văn hóa của quốc gia địa phương với những điều căn bản của Phật giáo.

Tôi muốn nói đến sự khác biệt giữa những lời dạy của đức Phật với các hình thức, lễ nghi bên ngoài của Phật giáo. Tại Ấn Độ, Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản hay bất kỳ ở đâu, giáo lý tinh túy của đạo Phật vẫn giống nhau, không có gì thay đổi; nhưng di sản văn hóa của mỗi quốc gia có thể khác biệt. Do đó, tại Ấn Độ, Phật giáo hòa nhập với nền văn hóa Ấn Độ, ở Tây Tạng thì văn hóa Tây Tạng và Nhật Bản thì văn hóa Nhật Bản v.v... Theo quan điểm này, khi Phật giáo được truyền vào Châu Âu, nó cũng sẽ hòa nhập với nền văn hóa của các nước Tây Phương.

Những giáo lý căn bản của Phật giáo sẽ không biến thể tại bất cứ quốc gia nào mà nó du nhập vào, tuy nhiên, các lễ lược và nghi thức không nhất thiết phải duy trì cứng ngắt mà chúng có thể tùy tiện thay đổi để cho thích hợp với hoàn cảnh mới. Và trong môi trường đó, chúng sẽ phải cải cách như thế nào, chúng tôi khó có thể biết. Vấn đề này chắc cần phải có thời gian. Lần đầu tiên khi Phật Giáo từ Ấn Độ truyền vào Tây Tạng không ai có thể bảo rằng "Phật giáo được du nhập vào vùng đất mới này, từ nay chúng ta nên thực hành tu tập như thế này hay thế kia". Không ai quyết định gì được. Nó phát triển dần dần, và qua thời gian một truyền thống Phật giáo mới được thành hình.

Trường hợp ở Tây Phương cũng vậy, tương lai một nền Phật giáo hòa hợp với nếp sống văn hóa các nước Âu Châu sẽ ra đời. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, thể hệ hôm nay của các bạn, những người đang bắt đầu gieo trồng các ý tưởng Phật giáo vào những quốc gia này có trách nhiệm duy trì phần giáo lý căn bản và tìm cách thích nghi nó với sinh hoạt của xã hội mới.

Nhằm thực hiện điều này, chúng ta cần phải sáng suốt để tìm hiểu. Quý vị không nên có tư tưởng cực đoan bảo thủ hay quá dễ dàng cởi mở đều không tốt mà chúng ta nên theo con đường Trung Đạo. Trong bất cứ môi trường nào, điều quan trọng là chúng ta cần giữ thái độ trung dung. Ngay cả việc tiêu thụ thức ăn hàng ngày, chúng ta cũng tránh tình trạng thái quá mà phải có chừng mực. Thực vậy, ăn nhiều quá sẽ hại bao tử, còn ít quá sẽ thiếu dinh dưỡng. Cho nên, trong cuộc sống thường nhật chúng ta cố gắng áp dụng con đường ở giữa, nghĩa là không ăn uống quá sung sướng hay quá cực khổ.

Cùng thế ấy, chúng ta nên có nhận thức đầy đủ về môi trường và di sản văn hóa nơi chúng ta đang sống để biết điều gì còn giá trị hữu ích và điều gì không thích hợp đối với cuộc sống của chúng ta hôm nay.

Ví dụ, trường hợp văn hóa của Tây Tạng, một vài phong tục tập quán thời xưa không còn thích hợp cho ngày nay. Trong hoàn cảnh mới, các tổ chức và sinh hoạt của xã hội hiện nay đã thay đổi; do đó một vài nếp sống văn hóa có thể trở nên không còn cần thiết để duy trì. Tương tự như vậy, tại Hoa Kỳ và Gia Nã Đại, nếu một vài khía cạnh của nền văn hóa cổ thời không còn phù hợp với đời

sống văn minh hiện đại thì chúng cần phải cải đổi và chỉ nên duy trì các phong tục tập quán nào tốt đẹp và hữu ích, Các bạn nên cố gắng kết hợp nền văn hóa đó với Phật giáo.

Nếu quý vị thực tâm muốn tu tập theo giáo lý đức Phật thì điều quan trọng nhất là sự thực hành. Học hỏi Phật pháp và dùng nó như công cụ để chỉ trích các học thuyết hay tôn giáo khác là sai lầm. Mục đích duy nhất của tôn giáo là điều phục chính mình chứ không phê bình chê bai kẻ khác. Tốt hơn nên tự chỉ trích chúng ta. Ta tự hỏi đã diệt trừ được bớt tánh sân hận nơi mình chưa?

Ta đã dứt bỏ được bao nhiêu phần trăm lòng tham và các tánh xấu như đố kỵ ganh ghét, kiêu căng, ngã mạn nơi tâm mình? Những ác tánh này chúng ta cần phải kiểm soát mỗi ngày với sự hiểu biết Phật pháp của chúng ta. Quý vị đã nghe rõ chưa?

Là Phật tử, khi thực hành giáo lý đức Phật, chúng ta nên kính trọng các tôn giáo khác như Thiên Chúa, Tin Lành, Do Thái và Hồi Giáo v.v... Chúng ta cũng hoan hỷ công nhận và tán dương sự đóng góp của những đạo giáo đó qua nhiều thế kỷ cho xã hội con người và hiện tại. Chúng ta cần nỗ lực trong cố gắng chung để phục vụ cho nhân loại. Sự tôn kính với tấm lòng cởi mở và khoan dung đối với các tín ngưỡng khác là điều thiết yếu mà những người Phật tử mới như chúng ta cần nên ghi nhớ.

Phật giáo có nhiều tông phái và pháp môn tu hành khác nhau. Người Phật tử chân chính không nên có ý nghĩ đề cao giáo phái này và kích bác giáo phái nọ, hoặc khen pháp môn tu này hay hơn pháp môn tu kia v.v... Chủ trương bè nhóm và chỉ trích giáo lý, hay chê bai các tông phái khác là điều không tốt, gây tai hại mà chúng ta nên tránh.

Điều quan trọng nhất là sự tu tập trong cuộc sống hằng ngày rồi từ từ các bạn sẽ nhận chân giá trị của Phật giáo. Học hỏi giáo lý không chỉ nhằm đến việc mở rộng kiến thức mà cốt yếu là điều phục, phát triển sự tu tập ở nội tâm. Quý vị cố gắng thực hiện điều ấy vì nó là một phần trong đời sống của chúng ta. Nếu các bạn chỉ biết giữ chặt giáo pháp của đức Phật trong một tòa nhà và khi quý vị rời ngôi nhà không còn tu tập nữa thì các bạn cũng không gặt hái được kết quả gì.

Tôi mong rằng quý đạo hữu cố gắng thực hành những lời Phật dạy với tất cả sự thành tâm, hầu đóng góp nhiều lợi ích tốt đẹp cho xã hội Tây Phương. Đó là lời cầu nguyện và sự mong ước của tôi.

VẤN ĐÁP

Hỏi: Kính thưa ngài! Làm sao con người có thể khắc phục được tâm bất an và sợ hãi?

Đạt Lai Lạt Ma: Cách hay nhất là trước khi làm việc gì, chúng ta nên nghĩ đến hậu quả của nó. Thông thường khi gặp một việc xấu, chúng ta cho đó là điều rủi và lúc việc tốt xảy đến, chúng ta nói rằng đó là điều may. Thực ra kỹ bảo rằng do điều rủi với may thì hoàn toàn không đúng mà hành động của chúng ta còn chi phối bởi luật nhân quả. Tùy theo nhân thiện hay ác gây ra mà chúng ta sẽ gặp điều tốt hay xấu, may hoặc rủi, thành công hay thất bại. Ngoài ra theo Phật giáo còn do hành động hay nghiệp báo của chúng ta gây ra trong quá khứ. Phương cách khác để diệt trừ tâm lo sợ là chúng ta tự hỏi người đang sợ hãi là ai, có thực không? Ta

đang ở đâu? Ta là ai? Bản chất của ta là gì? Ngoài cái thân xác vật lý hay thay đổi này có cái Ta thực sự không? Suy nghĩ như vậy sẽ giúp tâm bạn bình an không còn lo sợ nữa. Đôi khi do tưng niêm thần chú, cầu nguyện Phật gia hộ, nỗi lo sợ nơi quý vị cũng sẽ tan biến đi.

Hỏi: Tại Hoa Kỳ thanh niên nam nữ tự do trong việc lập gia đình, và khi mà giá trị đạo đức thời xưa không còn được tôn trọng nữa, vậy làm cách nào để sự liên hệ, gắn gũi giữa hai phái nam và nữ có thể giữ đúng theo tinh thần của Phật giáo?

Đạt Lai Lạt Ma: Có nhiều trường hợp áp dụng khác nhau. Các Tăng Ni theo luật Phật chế thì không được lập gia đình. Người nào không thể sống độc thân có thể làm cư sĩ tại gia.

Hỏi: Xin Ngài cho biết về vấn đề tình yêu và hôn nhân.

Đạt Lai Lạt Ma: Tôi không biết nhiều để nói. Theo tôi trai gái yêu nhau là việc bình thường, tuy nhiên nếu tiến đến hôn nhân, thành lập gia đình thì nên cẩn thận, đừng hấp tấp phải suy nghĩ kỹ là các bạn chắc chắn sẽ ăn ở trọn đời với nhau không. Điều đó rất quan trọng, vì nếu quý vị không tìm hiểu thông cảm trước và vội vàng lấy nhau thì sau một tháng hay một năm bắt đầu cãi cọ gây gỗ sẽ dẫn đến sự đổ vỡ và ly dị. Theo luật pháp, vợ chồng có thể ly dị, nhưng tôi nghĩ nếu chưa có con cái thì không sao, chứ đã có con thì không mấy tốt đẹp. Cho nên đôi nam nữ khi kết hôn chỉ nghĩ đến việc yêu thương và dục tình không thôi thì chưa đủ, mà các bạn còn có trách nhiệm luân lý đối với con cái. Nếu cha mẹ ly dị, những đứa con sẽ đau khổ, không phải tạm thời mà suốt cả cuộc đời của chúng. Đứa con sẽ noi gương cha mẹ. Nếu cha mẹ sống hằng ngày luôn luôn bất hòa hay tranh chấp, cãi cọ thì vô tình sẽ gây ảnh hưởng xấu đến những đứa con trai cũng như gái sau này. Đây là một thảm họa. Do đó tôi khuyên các bạn, muốn có một cuộc hôn nhân chân chính, không nên xúc tiến nhanh chóng mà phải thận trọng. Sau một thời gian hiểu biết, thông cảm rồi mới cưới lấy nhau thực sự. Như vậy các bạn sẽ có hạnh phúc trong hôn nhân. Gia đình các bạn hạnh phúc sẽ mang lại sự hạnh phúc cho toàn nhân loại thế giới.

Hỏi: Tôi là một người quá đam mê trần tục làm sao tôi có thể tu Thiền được.

Đạt Lai Lạt Ma: Bạn không nên chán nản. Tất cả mọi người đều có khả năng như nhau. Bạn nghĩ: "Tôi không có khả năng" là hoàn toàn sai lầm. Bạn tự lừa dối mình. Tất cả chúng ta ai cũng có nghị lực, ý chí, tại sao bạn lại không? Nếu bạn có quyết tâm, bạn có thể làm bất cứ việc gì. Khi cảm thấy chán nản bạn nên suy nghĩ thế này: Tại sao Đức Đạt Lai Lạt Ma ngài có thể làm bất cứ việc gì, rồi thì bạn nỗ lực cố gắng, bạn cũng sẽ thành công vậy. Cho nên theo Phật giáo, bạn là vị thầy, và chủ nhân của chính mình. Bạn có thể thực hiện những điều bạn muốn.

Hỏi: Trong việc tu tập, vị thầy đóng vai trò như thế nào? Nên cần có người hướng dẫn không?

Đạt Lai Lạt Ma: Vâng, tùy theo môn học. Giáo lý phổ thông, quý vị có thể tìm đọc qua các sách Phật pháp cơ bản để hiểu mà không cần đến thầy. Trường hợp muốn nghiên cứu thâm nhập kinh tạng Phật giáo nên có thầy giải thích hướng dẫn, nếu không thì các bạn không thể thấu hiểu được.

Hỏi: Ngài thường khuyên nên có lòng từ bi giúp đỡ mọi người. Nhưng làm sao chúng tôi có thể

thực hiện điều đó ở xã hội tây phương?

Đạt Lai Lạt Ma: Nếu muốn làm việc thiện, các bạn chỉ cần giúp một người cũng vẫn được. Quý vị có nhiều cơ hội để giúp đỡ những kẻ khác trong các lãnh vực như giáo dục, tại trường học, công sở v.v... Một số linh mục và nữ tu Thiên Chúa giáo đã thực hiện nhiều công tác từ thiện xã hội mà tôi rất thán phục. Người Phật tử chúng ta nên bắt chước họ. Do đó tôi nghĩ trong lãnh vực giáo dục và y tế các bạn có thể trực tiếp tham gia giúp đỡ mọi người được.

Ngay cả khi làm việc tại hãng xưởng hay công sở, tuy không trực tiếp giúp đỡ người khác, nhưng bạn tiếp quý vị đã đóng góp cho xã hội. Mặc dù các bạn làm được hãng trả lương, nhưng phần nào quý vị cũng đã giúp cho mọi người. Do đó, khi làm việc các bạn nên suy nghĩ thế này: "Công việc tôi đang làm đây nhằm giúp đỡ những kẻ khác". Trường hợp các bạn đang làm súng, đúc đạn mà quý vị vẫn nghĩ rằng "Tôi đang làm việc này để giúp đỡ mọi người" thì cũng hơi khó, và có vẻ đạo đức giả, phải không?

Hỏi: Con người có thể đạt được sự giác ngộ giải thoát mà không cần lìa bỏ xa lánh cuộc đời?

Đạt Lai Lạt Ma: Chắc chắn được. Từ bỏ thế gian có nghĩa chúng ta nên xa lánh mọi thú vui dục lạc của trần tục, chứ không phải là sống biệt lập tách rời cuộc đời. Mục đích chính của Phật giáo là phục vụ cứu độ chúng sanh. Muốn giúp đỡ mọi người, chúng ta cần phải có mặt trong xã hội, chứ không nên tự mình sống lìa xa quay lưng với quần chúng.

Hỏi: Thưa Ngài! Ngài đã có dịp đi thuyết giảng viếng thăm nhiều nơi, ngài có cảm tưởng thế nào về đất nước Hoa Kỳ?

Đạt Lai Lạt Ma: Đây là một quốc gia vĩ đại. Con người hoàn toàn tự do trong sự chọn lựa và chấp nhận bất cứ tư tưởng, truyền thống hay tôn giáo nào mà họ ưa thích và tôn kính. Điều đó rất tốt. Tôi nhận thấy người dân Mỹ có tinh tình ngay thẳng thành thực, với tâm hồn rộng lượng cởi mở, thích giúp đỡ mọi người. Tôi rất ngưỡng mộ và mến yêu đất nước này.

(Trích từ sách "Kindness, Clarity and Insight" của Đức Đạt Lai La Ma, do HT. Thích Trí Chơn dịch)



CHẾT AN LÀNH

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Chết an lành là mong mỗi to lớn và sau cùng của một kiếp nhân sinh. Ngoài đời hằng mong sinh thuận tử an. Trong đạo cũng cầu an tường xả báo, thân thần thị tịch. Mong cầu thì như vậy nhưng sự thật luôn phủ phàng. Một cái chết với thân đầy đau đớn, tâm mê mờ hoảng loạn sẵn sàng chờ đợi bất cứ ai.

"Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thằng, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ các Tỳ-kheo vào lúc xế trưa từ tỉnh tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà, cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi sang một bên, bạch rằng:

- Làm thế nào một Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành?

Tôn giả A-na-luật-đà

đáp:

- Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiên; đó gọi là Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành.

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

- Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết an lành, mạng chung an lành chăng?

Tôn giả A-na-luật-đà

đáp:

- Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo chứng đắc như ý túc về thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận trí, lậu tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật rằng 'Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Đó là Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành.

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

- Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết an lành, mạng chung an lành chăng?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

- Chư Hiền, Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết được an lành, mạng chung được an lành".

(Kinh Trung A-hàm, phẩm Lệ, kinh A-na-luật-đà, số 218 [lược])

Chết an lành là mong mỗi to lớn và sau cùng của một kiếp nhân sinh. Ngoài đời hằng mong sinh thuận tử an. Trong đạo cũng cầu an tường xả báo, thân thần thị tịch. Mong cầu thì như vậy nhưng sự

thật luôn phủ phàng. Một cái chết với thân đầy đau đớn, tâm mê mờ hoảng loạn sẵn sàng chờ đợi bất cứ ai.

Thời Thế Tôn còn tại thế, các Tỳ-kheo cũng ứ tư về vấn đề này. Tôn giả A-na-luật-đà là bậc thiên nhãn, thấu rõ lẽ tử sinh nên đã khai thị cho các Tỳ-kheo, những ai chứng đắc thiên thứ tư (Tứ thiên) mới được gọi chết an lành.

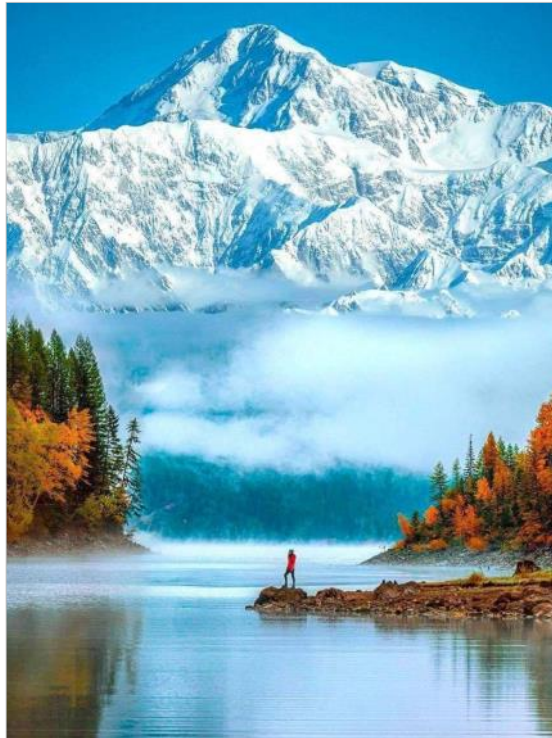
Bốn thiên chính là nội dung của Định học Phật giáo. Với sự hỗ trợ của giữ giới, tiết độ trong ăn uống, hộ trì các căn, chú tâm cảnh giác, chánh niệm tỉnh giác, đoạn trừ năm triền cái (hôn trầm, nghi ngờ, sân hận, trạo cử, tham dục) bằng cách phát triển năm thiền chi (tâm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm) liền chứng thiên thứ nhất (Sơ thiên). Thiên thứ nhất, thiên thứ hai (Nhị thiên), thiên thứ ba (Tam thiên) có bản chất an tịnh và hỷ lạc. Sự hỷ lạc này vì diệu và sung mãn vượt thẳng tất cả dục lạc của thế gian.

Thiên thứ tư (Tứ thiên) là xả niệm thanh tịnh, nhất tâm an tịnh tuyệt đối. Chứng đến Tứ thiên có thể xem là người phúc lạc, an lành bậc nhất. Những ai thuần thực Tứ thiên cho đến khi mạng chung mới có thể gọi chết an

lành. Với cơ sở này, xem ra việc an tường xả bỏ báo thân chẳng phải dễ dàng. Từ đây có thể thấy, tất cả những vật hay việc ngoài thân như chức vụ, địa vị, danh xưng, chùa to, tài sản lớn, tín đồ đông v.v... đều không giúp ích cho việc chết an lành, thậm chí ngược lại.

Đoạn kinh này cảnh tỉnh chúng ta về một cái chết chẳng lành nếu mãi mê hưởng ngoại mà buông rơi thiên định. Nhắc nhở chúng ta không tin tưởng mơ hồ sẽ có kết quả tốt đẹp như "nhẹ gót về Tây", "an tường thị tịch" nếu chưa chứng đến Tứ thiên. Nhân quả luôn rõ ràng, sống an lạc mới mong chết an lạc.

Từ Tứ thiên, tiếp tục phát huy thiền quán quét sạch mười kiết sử lần lượt chứng đắc từ Sơ quả Tu-đà-hoàn, Nhị quả Tư-đà-hàm, Tam quả A-na-hàm, Tứ quả A-la-hán. Bậc A-la-hán mới thực sự chết an lành, "tịch diệt vi lạc".



HÒA THƯỢNG THÍCH TUỆ SỸ CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ, MANG TÍNH TRUYỀN THỪA CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

Nguyễn Siêu

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Dòng lịch sử thì cứ tuôn chảy; tuôn chảy một cách thâm lặng, nhưng miên man, rất rào, bất tận... Dòng lịch sử ấy, bánh xe lịch sử ấy đã và đang nghiền nát tất cả mọi chướng vật cản trở phía trước, và cuốn trôi đi tất cả rong rêu rác rưởi vào biển cả để hòa tan theo tính mặn của biển và nước xanh của lòng đại dương.

Sự cuốn đi và nghiền nát của lịch sử đã cho chúng ta thấy những dữ kiện lịch sử trọng đại, những sự chân thật bất hư, những hùng tâm vì quê hương, dân tộc. Đạo pháp mang tính sử mệnh, và tính mệnh bất vong để dựng thành những chứng tích lịch sử đầy hùng tráng ngạo nghễ trên đầu ngọn sóng.

I. Sát Cánh Với Các Bậc Tôn Túc Lãnh Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Thời Sơ Kỳ

Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ là chứng nhân sống trên dòng lịch sử thời đại. Một thời Hòa Thượng đã thân cận với các bậc Tôn Túc lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sau khi được thành lập vào năm 1964. Dù sự sát cánh một cách thâm lặng, nhưng đã nội hàm một cách minh nhiên, hiện thật kể từ khi Hoà Thượng đứng trên bục giảng của Viện Đại Học Vạn Hạnh – là vị Giáo sư chính ngạch, mô phạm, cho sự giảng dạy đối với sinh viên của Viện, cũng như làm chủ bút tạp chí Tư Tưởng, Vạn Hạnh thời bấy giờ. Trên có Hòa Thượng Thích Minh Châu Viện Trưởng, dưới là các Giáo sư phân khoa đều tỏ một niềm quý kính. Là một vị Giáo sư trẻ, tuổi đời chưa là bao, ấy vậy mà đảm nhận một trọng trách giáo dục cho một thế hệ người qua tinh thần phụng sự mang tính Phật pháp thực dụng, thi thiết làm lợi lạc nhân sinh. Tính phụng sự Phật pháp trong ý thức thời đại, mà chúng ta nghe các bậc Tổ Đức nói: "gia bản tri hiếu tử, quốc loạn thức tôi trung".

Chính tâm nguyện trung thành hy hiến cho lý tưởng phụng sự Đạo pháp, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất của các bậc Thầy Tổ, Tiền Nhân, đã đem xương máu thịt da này mà phụng cúng cho

sự trường tồn của tự tánh giác ngộ giải thoát. Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã đồng hành với các bậc Tôn Túc. Chúng ta đọc qua bài "Tường Trình về Chuyến Đi Chữa Bệnh của Đại Lão Hoà Thượng Thích Huyền Quang". Hòa Thượng Tuệ Sỹ viết: "Trước đó ngày 03/03/2003, con đang nhập thất, nhận được giấy thị giả đưa vào. Ghi rằng: 'Hoà Thượng từ Quảng Ngãi cần nói chuyện với Thầy.' Sau khi nổi điện thoại xong, Hoà Thượng Huyền Quang gọi vào, nói rằng;



Từ trái: HT. Thích Quảng Độ, HT. Thích Huyền Quang, TT. Thích Tuệ Sỹ (Đại Hội Nguyên Thiều 2003)

Tôi đi Hà Nội, Thầy đi với tôi nghe.

Tôi thưa:

Dạ Ông kêu thì con đi.

Hòa Thượng Huyền Quang dạy:

Ông kêu thì đi nha, nhưng Thầy đi với tư cách Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo chứ không chỉ là thị giả đâu nghe.

Con sẽ đến Hà Nội trong ngày mồng 4."

"... Hòa Thượng Huyền Quang sau khi mổ vẫn khỏe khoắn bình thường. Đến chiều, lúc 15 giờ, ông Phạm Thế Duyệt, chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam đến thăm, ông nói:

Sau khi bình phục xin mời Hoà Thượng đến thăm

Mặt Trận;

Hòa Thượng Huyền Quang nói: Ngài nhận lời với điều kiện là chính phủ phải trả lời cho rằng, GHPGVNTN có tội gì với đất nước mà bị cấm hoạt động? Ông Phạm Thế Duyệt nói, mời Hoà Thượng đến rồi sẽ bàn."

Trong Đại Hội Nguyên Thiều, Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã được Đại Hội Đại Biểu thỉnh cử giữ vai trò Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, kiêm Tổng Thư Ký Viện, mà lời nói của Hoà Thượng Huyền Quang ở trên đã khẳng định rằng: "Thầy đi trong cương vị là Tổng Thư Ký Viện Hoá Đạo GHPGVNTN, chứ không phải là một thị giả." Đây là bước ngoặt lịch sử thứ nhất mà Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã nghiêm túc phụng hành, từ ý chỉ của Hoà Thượng Huyền Quang Viện Trưởng Viện Hoá Đạo, khi Hòa Thượng bị giam cầm nơi Quảng Ngãi, còn Hoà Thượng Quảng Độ thì lưu vong nơi Vũ Đài Miền Bắc, biệt xứ.

II. Bị Tù Đầy, Nhưng Không Quên Bản Hoài Phụng Sự Hiến Dâng

Hòa Thượng Tuệ Sỹ như là một hiện thân Bồ Tát. Sống đời bình thường của một Tỷ Kheo Tăng dưới các mái Tự Viện, Phật Học Viện... thì Hòa Thượng là một Giáo Thọ sư, một Tư Tưởng gia, một trời văn học lung lẫy, tài hoa trên đầu ngọn bút tài tình, trác việt. Một bậc chân tu, như Bồ Tát hóa thân vào đời vào ác năm trước để độ sinh, dưới mọi hình tướng đâu đâu cũng thấy hiện thân của một Thầy tu, lâu lâu Tam Tạng Kinh điển, trác trác rạn ngời Phật tâm, sáng soi một niềm bình an cho tất cả. Sự bình an này dù bị tù đầy nơi chân trời góc biển, từ núi rừng hoang vắng cheo leo nơi sườn núi cao hay biển sâu hồ thẳm. Từ trại tù Xuân Phước, Hòa Thượng đã viết thư gửi về cho Hoà Thượng Huyền Quang Viện Trưởng Viện Hoá Đạo GHPGVNTN trình bày lập trường của mình và nêu cao ý chí trong sáng vì Giáo Hội, vì Phật Pháp trong giai đoạn lịch sử nghiệt ngã đau thương, nhưng không vì vậy mà không nói, không ý kiến để cho thời gian dầy lù và tan dần theo năm tháng. Hòa Thượng Tuệ Sỹ nói: *"Để chuẩn bị đầy đủ cơ sở dữ kiện cho Đại Hội, xin đề nghị 4 điểm mà toàn thể Tăng già và Phật tử có thể tham gia thảo luận trong quá trình chuẩn bị Đại Hội:*

Việc nhà nước chuẩn y và phong tặng các phẩm hàm Hoà Thượng, Thượng Toạ cho các Tỷ Kheo, và Tỷ Kheo Ni là một xúc phạm đối với Giáo chế của Đức Phật được truyền thừa trong luật Tạng...

Luật điển Ba La Đề Mộc Xoa cấm các Tỷ Kheo và Tỷ Kheo Ni tham gia các cơ cấu quyền lực; nói theo ngôn ngữ hiện đại, đó là Đại Biểu Quốc Hội. Các vị ấy như thế đang tự mình làm môi giới nối dài cánh tay quyền lực lung lạc Giáo Hội...

Nhà nước cộng sản bằng cái gọi là Pháp chế Xã Hội Chủ Nghĩa đặt Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam làm một thành viên của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam. Như thế chỉ công nhận Giáo Hội tồn tại như một hội đoàn thế tục ngang hàng với các hội đoàn khác dưới quyền lãnh đạo của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam. Về mặt pháp lý, Phật Giáo Việt Nam đang bị đặt trở lại đạo dụ số 10 của chính quyền Ngô Đình Diệm. Phật tử Việt Nam dẫu hy sinh thân mình để đốt cháy đạo dụ ấy. Đó là nỗi đau của Dân tộc và Đạo Pháp.

Bằng lý tưởng Tịnh Độ nhân gian, bằng giáo lý Phật tánh bình đẳng, Phật tử Việt Nam bằng tinh thần hy sinh vô úy, khẳng định mình bạch sứ mệnh của mình trong thời đại văn minh dân chủ, Giáo Hội phải nêu cao ngọn đuốc Từ Bi và Trí Tuệ; lãnh đạo Phật tử tiến tới và xây dựng một xã hội an lạc, bình đẳng và nhân ái." Phật lịch 2537. Trại tù Xuân Phước ngày 15 tháng Giêng, 1994. Tuệ Sỹ, kính bạch."

Ông bà mình đã nói: "Lửa thử vàng, gian nan thử sức." Nhưng đối Hòa Thượng Tuệ Sỹ thì bản án tử hình là thử sức, còn tù đầy, giam cầm, rừng thiêng nước độc là thử tấm lòng trung trinh, một dạ sắt son và sáng rực như vàng trong lò lửa cháy, nhưng vẫn tươi nhuận tinh ròng, không hề nhạt phai. Vàng thật không sợ chi lửa. Ý chí sắt son, phụng sự và hiến dâng cho Đạo, Hòa Thượng không sợ gì tù ngục cách ngăn. Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã giương cao ngọn cờ bình đẳng giác ngộ, vô sở úy đại hùng, kim cương bất hoại. Dù ở trong tù nhưng không sợ cái tù của thế nhân. Dù ở trong xà lim, tối tăm chật chội, nhưng vẫn luôn thắp sáng ngọn đèn

chánh pháp. Thắp sáng ngọn đèn nơi chính mình. *"Đương tự xí nhiên, xí nhiên ư pháp, vật tha xí nhiên. Đương tự quy y, quy y ư Pháp, vật tha quy y."* Vượt ngàn sự hiểm nguy, Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã có mặt trong Đại Hội để đóng góp ý kiến xây dựng và kiến toàn pháp lý, pháp nhân của Giáo Hội, một cách hiển nhiên, thường tại.

Con người có thể bẻ cong lịch sử, bôi xóa và lãng quên theo tính bất lương của mình, nhưng không bao giờ có thể bẻ cong, và bôi xóa tính chân thật của lịch sử máu và nước mắt của giống nòi, của đạo pháp và quê hương. Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã khẳng định điều này qua bức tâm thư từ trại tù Xuân Phước, Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã đồng đặc chí Bi Hùng ấy:

*"Sư tử hồng thời phương thảo lục
Tượng vương hồi xứ lạc hoa hồng."*

III. Từ Nhân Chứng Lịch Sử Đến Khả Tính Kế Thừa Ngôi Vị Lãnh Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Từ chùa Từ Hiếu - 59 lô D, Đường Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, Sài Gòn. Tâm Thư 15 ước Nguyễn Tăng Già Hòa Hợp, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Đệ Ngũ Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Kính gửi chư Tôn Trưởng Lão, Chư Hòa Thượng Giáo Phẩm GHPGVNTN. Đồng kính gửi chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Toạ, Chư Đại Đức Tăng Ni... *"Tôi Sa Môn Thích Quảng Độ, trong cương vị lãnh đạo tối cao của Giáo Hội, tự nhận trách nhiệm lịch sử này trước uy đức của lịch đại Tổ Sư, và cũng trong trách nhiệm lịch sử này, với ý hướng kịp thời ngăn chặn bánh xe phân hoá không lao xuống vực thẳm ô nhiễm hủy diệt, tôi đã quyết định, bằng quyết định số 12/TT/VTT/QĐ, Phật lịch 2562, Sài Gòn ngày 19 tháng 10 âm lịch Mậu Tuất (tức 25/11/2018), đình chỉ mọi hoạt động của Giáo Hội; để Tăng Già có thời gian thể hiện bản thể thanh tịnh và hòa hợp, làm nơi quy ngưỡng vững chắc cho bốn chúng hòa hợp đồng tu, hòa hợp hành đạo và hóa đạo, phụng sự Dân tộc và Đạo Pháp, trong lý tưởng phụng sự hoà bình dân tộc và nhân loại."* Hòa Thượng Quảng Độ viết tiếp: *"Tôi nay tuổi đã ngoài 90, trí lực đã đến lúc suy kiệt, với chút hơi tàn của sinh mệnh, tự thấy không còn khả năng gánh vác trọng trách trước lịch sử tồn vong, suy thịnh của Dân tộc và Đạo Pháp, duy chỉ còn đủ sức để giữ một điều cương lĩnh mong manh của Giáo Hội, ước nguyện duy nhất trong những ngày còn lại của tuổi đời là được thấy uy đức Tăng già sáng chói, bản thể thống nhất được xác lập. Tăng già thanh tịnh hòa hợp là sở y vững chắc cho Giáo Hội, là chỉ nam hướng đạo cho bốn chúng đệ tử hòa hợp đồng tu, cùng hòa hợp trong lý tưởng phụng sự dân tộc và nhân loại như Hiến chương Giáo Hội đã công bố..." Phật lịch 2562, Chùa Từ Hiếu, Sài Gòn ngày 26 tháng 03 năm 2019, tức ngày 21 tháng 02 năm Kỷ Hợi. Căn bạch, Sa môn Thích Quảng Độ."*

Nội tâm của một đấng cha già, để lại Tâm thư cho dân con thừa tự di sản, đây là nền văn hóa của Việt Tộc. Tâm nguyện di huấn của chư vị Tôn túc lãnh đạo Giáo Hội lưu lại di ngôn cho hàng kế thừa truyền đăng tục diệm để cho "Tổ ấn trùng quang, đèn Thiên rực sáng" mà nghiêu chinh phụng hành, ấy là cái đức, cái tâm: "Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh." mà Hòa Thượng Quảng Độ đã để lại cho hàng tứ chúng đệ tử Phật.

Tiếp theo, Hoà Thượng Quảng Độ còn ban

hành quyết định một cách xác thực và rõ ràng để cho mọi người cùng hiểu và thi hành quyết định này. Những tưởng xin được trích đôi điều để tất cả chúng ta thấy đó là một văn kiện hợp pháp, hợp hiến. Văn kiện này đã đi vào lịch sử minh nhiên của Phật Giáo Việt Nam hôm nay. "Phật lịch 2562. Số: 12/TT/VTT/QĐ. Quyết định của Đức Đệ Ngũ Tăng Thống giải tán nhân sự Viện Hóa Đạo và tạm ngừng hoạt động, chờ Đại hội bất thường GHPGVNTN công cử nhân sự mới.

Nhận xét rằng, ngày 03 tháng 10 năm 2018 từ Sài Gòn tôi viết bức Tâm thư đưa ra hai quyết định gửi phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế phổ biến. Thứ nhất, bãi nhiệm chức vụ Tổng Thư Ký, cùng các chức vụ khác trong Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo của Phật tử Nguyễn Chánh - Lê Công Cầu kể từ ngày ký Tâm Thư. Thứ hai, bãi truất chức vụ Xử Lý Thường vụ Viện Tăng Thống dự tính trao cho Hòa Thượng Thích Tâm Liên như đã viết trong bản Di Chúc gửi sang phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế ở Paris để ban hành và công bố ngày nào tôi không còn nữa. Nhưng hai quyết định đề ra trong Tâm Thư đã không được thi hành trong thời gian tôi vắng mặt. Phật tử Lê Công Cầu vẫn tiếm danh Tổng Thư Ký cho phát hành những văn kiện bất hợp lệ của Viện Hóa Đạo.

Nhận xét rằng, trong thời gian một tháng vừa qua tôi vắng mặt ở Sài Gòn, Hòa Thượng Thích Tâm Liên đã không có một buổi họp nhân sự Viện Hóa Đạo nào để thỉnh ý chư Tăng, phác hoạch chương trình hoạt động của Viện Hóa Đạo trong nước cũng như sinh hoạt hải ngoại của GHPGVNTN. Trái lại, Hòa Thượng còn nhân danh Viện Hóa Đạo ký và phát hành nhiều văn kiện đi ngược lại đường lối, lập trường và Hiến chương của GHPGVNTN tu chính lần cuối, thông qua năm 2015...

Nay Quyết Định

Điều 1: Thu hồi và hủy bỏ Giáo chỉ số 18 Tấn phong Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo nhiệm kỳ 2018-2020 của Viện Tăng Thống ký ngày 08 tháng 08 năm 2018.

Điều 2: Thu hồi và hủy bỏ Di Chúc viết vào tháng 05 năm 2017 và đã gửi sang Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế ở Paris để ban hành và công bố ngày nào tôi không còn nữa...

Điều 3: Bãi nhiệm vĩnh viễn chức vụ Viện Trưởng Viện Hoá Đạo của Hòa Thượng Thích Tâm Liên; và bãi nhiệm vĩnh viễn chức vụ Tổng Thư Ký và mọi chức vụ trong Viện Hóa Đạo của Phật tử Nguyễn Chánh Lê Công Cầu.

Điều 4: Giải tán mọi nhân sự và chức vụ trong Ban Chỉ Đạo Viện Hoá Đạo nhiệm kỳ 2018-2020 quy định trong Giáo Chỉ số 18 do viện Tăng Thống ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2018...

Điều 7: Giáo chỉ này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các điều khoản, Văn Kiện, Quyết Định, Giáo chỉ trái với Quyết định này đều bị hủy bỏ..."



Phật lịch 2562, Sài Gòn ngày 19 tháng 10 âm lịch Mậu tuất, tức ngày 25 tháng 11 năm 2018 Đệ Ngũ Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (ấn ký)

Chặng đường lịch sử của GHPGVNTN đến đây đã chuyển sang một khúc quanh lịch sử mới. Tất cả những gì của một thời khủng hoảng, bi thương, lộng quyền của nội trùng giờ đã chấm dứt theo quyết định trên. Hòa Thượng Quảng Độ đã làm như chứng nhân của mốc lịch sử, tiếp theo là Quyết Định Số T4/QĐ/TT/VTT của Đệ Ngũ Tăng Thống GHPGVNTN ủy thác quyền điều hành Viện Tăng Thống cho Hòa Thượng Tuệ Sỹ. "Căn cứ vào Hiến chương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bản tu chính lần cuối qua ngày 04 tháng 12 năm 2015. Với lý tưởng hòa bình bất bạo động của Giáo lý Đức Phật, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ra đời năm 1964 với lập trường kiên định và thuần khiết là để phụng sự nhân sinh và Dân tộc, vì vậy vận mệnh của Giáo Hội tùy thuộc vào

vận mệnh của Dân tộc, Đất nước Việt Nam sẽ thoát qua cơn quốc nạn và pháp nạn, không thể nào đứng ngoài quy luật tất yếu của thịnh suy.

Nay Quyết Định...

Điều hai: Thỉnh cử Hoà Thượng Thích Tuệ Sỹ thay tôi đứng đầu vào vị trí của Viện Tăng Thống, bảo đảm tiếp tục sứ mạng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong tương lai. Tôi hoàn toàn tin tưởng và ủy thác trọng trách này cũng như trao toàn quyền cho Hòa Thượng Tuệ Sỹ điều hành mọi hoạt động của Giáo Hội.

Chùa Từ Hiếu, Sài Gòn ngày 24 tháng 05 năm 2019

Tức ngày 20 tháng 04 năm Kỷ Hợi

Đệ Ngũ Tăng Thống

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Sa Môn Thích Quảng Độ Ấn Ký."

Quyết Định như một lời Cáo Bạch của bậc Tôn túc gửi đến cho đương sự cũng như bố cáo một cách rộng rãi cho tứ chúng đệ tử Phật - Tăng tín đồ Phật Giáo Việt Nam biết mà thi hành các Phật sự còn ngổn ngang, rất cần nhiều bàn tay, khối óc tiếp sức để cho con đường hành đạo từ 2000 năm qua trên quê hương được suôn sẻ thành tựu tốt đẹp.

Đứng trước sứ mệnh quê hương, trước sự tồn vong của dân tộc, và sự hưng suy của Giáo Hội, Hòa Thượng Tuệ Sỹ chấp tay cúi đầu y giáo phụng hành như lễ nghi khiêm cung của một môn hạ. Trong thư khâm thừa Quyết định của Đệ Ngũ Tăng Thống GHPGVNTN, Hòa Thượng Tuệ Sỹ viết

"Ngưỡng bạch chư Tôn Hòa Thượng,

Khâm thừa Quyết Định của đức Đệ Ngũ Tăng Thống, tôi Tỳ Kheo Thích Tuệ Sỹ, tự xét chướng thâm huệ thiển, nhưng Tổ giáo nghiêm, vô khả nại hà, nay phụng phục đề đầu phụng chỉ..."

*Thị Ngọc Am, PLD 2563
Tháng 03, ngày 15
Tuệ Sỹ (ký tên)*

Người trao Quyết Định thì đã trao.
Người thừa hành Quyết Định thì đã thừa
hành. Thừa hành trong ngôi vị Chánh Thư
Ký Xử Lý Viện Tăng Thống. Do vậy mà
Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã thỉnh cử thành
phần nhân sự cho Hội đồng Lưỡng viện từ
quốc nội ra hải ngoại, những mong là
không cô phụ sự ủy thác của quý Ngài
lãnh đạo Giáo Hội, như đức Đệ Nhất Tăng
Thống, Trưởng Lão Hòa Thượng Thích
Tịnh Khiết; Đức Đệ Nhị Tăng Thống,
Trưởng Lão Hoà Thượng Thích Giác
Nhiên; Đức Đệ Tam Tăng Thống, Trưởng
Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu; Đức Đệ
Tứ Tăng Thống, Trưởng Lão Hoà Thượng
Thích Huyền Quang, cũng như dòng lịch
sử Lịch Đại Tổ Sư Phật Giáo Việt Nam từ
buổi bình minh cho đến hôm nay, năm
2023.

Viết lại những dữ kiện của khúc
quanh lịch sử này như là một sự khẳng
định minh nhiên, mà nhân vật, chứng
nhân của một thời lịch sử còn đó, còn như
ngày hôm nay đang đối diện, đang tọa
đảm chưa hề một mây may phôi pha, mờ
nhạt. Sự thật như lời kinh siêu độ chiều
nay đã làm cho bao người mở mắt để
thấy, lắng tai để nghe tiếng sấm sập của
bánh xe lịch sử còn in dấu hôm nay và
cho đến ngàn vạn năm sau. Pháp lý của
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
còn tòa rạn và nêu cao cho nhiều thế hệ
tôn ngưỡng, mà thắm thấu bao sự hy
sinh thân mạng, một đời lưu vong, đọa
đày biệt xứ. Người thừa hành pháp lý
Giáo Hội cũng mang tính hội đủ pháp
nhân, được đương thừa trên dòng lịch sử
ấy.

Hòa Thượng Huyền Quang, Hòa
Thượng Quảng Độ, Hòa Thượng Tuệ Sỹ
như đỉnh trầm hương ba chân, như kiền
đồng vững chắc, không nao núng những
thể lực vô minh trừ dập mà luôn an tâm
để hộ quốc, hộ dân, hộ Pháp ngày một âu
ca, thanh bình, hạnh phúc. Ấy là chí
nguyện của những bậc Bồ Tát hóa thân,
vì đời ác năm trước mà thị hiện, để thị
thiết những khả tính tu trì, chứng ngộ của
Đạo Pháp đến vạn loài chúng sinh trong
Pháp giới.

San Diego, California
ngày 05 tháng 10 năm 2023
Thích Nguyên Siêu



CHUÔNG SỚM

*Chấp tay mười phương xanh vô lượng
Đêm hạ nồng sẽ đập cánh bay lên
Phù sinh trôi, phù sinh trôi ngát ngưỡng
Bát trắng đầy vừa chạm giêng mưa nghiêng.*

*Chùng rắt mong manh chùng thông thả
Mộng mạ đương xanh với đất bùn
Tựa lưng thở nhẹ cùng thiên hạ
Gió dậy hồn nhiên gió tứ phương.*

*Bờ đất bờ mây bờ hoa tạn
Đại bàng vừa đập tạ trùng dương
Bàn tay vừa xếp đầy hoa nắng
Sẽ thấy đêm khơi ngọn lửa hồng.*

*Chuông sớm vừa buông vừa run rẩy
Núi rừng thức giấc với hương lan
Vàng ỳ thắm thắm mùa hoa cải
Vạt nắng vừa lên giữa đại ngàn.*

KHÓI SƯƠNG

*Ngôi yên đó, ngó mơ hồ
Bốn phương thơ thới một tờ giấy không
Rền trong đá tiếng ngựa hồng
Đất đai máy động dòng kinh tâm
Trăm năm hạt bụi tơ tâm
Bông tiêu sái bông phiêu trầm khói sương.*

thơ LÝ THỪA NGHIỆP

THỜI GIAN – Ý THỨC

Thích Nữ Tịnh Quang

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Trước hết, thời gian vật lý là khách quan và tồn tại bên ngoài tâm trí con người và là một phần của thế giới tự nhiên; thứ hai, thời gian tâm lý chủ quan và có sự tồn tại phụ thuộc vào ý thức.

Thời gian không có hình thái nhưng thời gian cũng là hiện tượng. Các hiện tượng được xác lập bởi ý thức nên thời gian cũng được cho là hiện hữu. Các nhà Triết học đương đại đều thống nhất quan điểm về hai tính năng của thời gian: Thời gian vật lý (những hiện tượng xảy ra trong thế giới tự nhiên) không qua sự tham dự của ý thức và thời gian tâm lý (thời gian của ý thức). Bergson (Triết gia ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo) cho rằng thời gian phụ thuộc vào ý thức, nó chỉ tồn tại trong ký ức của chúng ta, thời gian là sự vận hành và tạo tác chứ không gì khác (Time is invention and nothing else Henri Bergson).

Theo định nghĩa của khoa học hiện đại, thời gian trong một giây trôi qua trong 9.192.631.770 sự tuần hoàn của bức xạ được phóng ra bởi sự chuyển chuyển giữa hai cấp độ của nguyên tử Caesium 133. Điều này có thể tương đương với nhất 'Sát-na' khoảnh *ksana* / 刹那) của Phật giáo.

Thời gian đơn giản là có thể phát hiện, và có thể thay đổi đo lường được (trong vũ trụ). Để đo bất cứ điều gì bạn phải có điểm khởi đầu, hoặc là zero, và điểm bạn đang đo. Nếu không có sự thay đổi ở bất cứ đâu trong một hệ thống, không có sự khác biệt giữa điểm bắt đầu tùy thuộc và bất kỳ điểm nào khác thì không có cách nào để đo thời gian. Hãy nhớ từ Toán học và Vật lý rằng Δt , là sự thay đổi theo thời gian. Vì vậy, nếu $\Delta t = 0$, thì sự giải phương trình thời gian (t), bạn có được $t = 0$. Vì vậy, nếu không có thay đổi, không có thời gian để có thể đo lường.

Như thế cấu trúc của con người để thấy sự thay đổi và tan rã. Thời gian và sự tồn tại vật chất chỉ là một thế giới tạm thời như một khúc dạo đầu cho trải nghiệm bất tận về cuộc sống vĩnh cửu.



Triết gia Immanuel Kant và Gottfried Leibniz (đồng quan điểm Phật giáo) cho rằng thời gian không đề cập đến bất kỳ loại 'vật chứa' nào mà các sự kiện và vật thể 'đi qua', cũng không phải bất kỳ thực thể nào 'trôi chảy' mà đó là một phần của cấu trúc trí tuệ cơ bản (cùng với không gian và số) mà chính con người sắp xếp và so sánh các sự kiện. Như thế, thời gian không phải là một sự kiện cũng không phải là một điều, và do đó, bản thân nó không thể đo lường được và cũng không thể di chuyển được. Và vì không thể xác định và di chuyển, dĩ nhiên thời gian chính là Ý thức.

Các sự kiện xảy ra xung quanh chúng ta hay trên thế giới, hay chỉ là những suy nghĩ chúng ta có, dường như được sắp xếp theo một cách nào đó. Một cái luôn xảy ra sau cái kia. Một số sự kiện dường như xảy ra cùng một lúc nhưng hầu hết chúng ta có thể sắp xếp rõ ràng những gì chúng ta có thể gọi là chuỗi sự kiện nhân quả. Tất cả các sự kiện bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi sự kiện A mà chúng ta nói là trong tương lai A. Tất cả các sự kiện đã ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến A được cho là trong quá khứ của nó. Đối với tất cả những gì chúng ta biết, các sự kiện không thể là cả trong quá khứ và tương lai của một sự kiện khác. Nhân quả dường như tạo thành một chuỗi. Thật ý nghĩa khi gắn nhân các sự kiện trong chuỗi nhân quả bằng các con số, trong đó một sự kiện nằm trong tương lai của một sự kiện khác sẽ có số lượng cao hơn. Số ghi nhận này chúng ta gọi thời gian; thời gian của sự kiện này đồng thời với nhiều sự kiện khác.

Và Làm thế nào chúng ta phân biệt được nguyên nhân và kết quả? Phân biệt quá khứ với tương lai? Điều gì xác định hướng của thời gian? Một câu trả lời của các nhà vật lý điển hình sẽ là quy luật thứ hai của nhiệt động lực (the second law of thermodynamics), điều này dĩ nhiên là bị cắt ngắn, chưa được giải quyết, nhưng nó rõ ràng có liên quan đến sự không thể đảo ngược của một số sự cố. Ví như một số thủy tinh có thể rơi xuống đất và vỡ tan nhưng chúng ta (hầu như) sẽ không bao giờ quan sát được một loạt các mảnh vỡ nổi lên từ mặt đất tự lắp ráp thành một tấm kính. Điều này có thể được kết nối với dòng thông tin trong các quy trình ngẫu nhiên, nhà toán học gọi đó là quá trình lọc tự nhiên của không gian xác suất của một quá trình ngẫu nhiên, hay là quá trình 'vô ký' của Ý thức.

Sự liên quan đến thời gian là không gian tiến triển hoặc dường như tiến triển. Chúng ta có một khái niệm nào đó về 'nhANH' và 'chẬM', nhưng nó xuất phát từ đâu? Để hiểu điều này, người ta phải xác định một cách để đo thời gian bằng cách sử dụng đồng hồ. Một cái đồng hồ là làm những gì tương tự lặp đi lặp lại hoài. Chúng ta gọi hai đồng

hồ là 'đồng bộ hóa', khi các tỷ lệ tương đối mà thao tác thực hiện công việc của chúng (tích tắc) là giống nhau cùng một thời gian. Bây giờ chúng ta thấy rằng thế giới có rất nhiều đồng hồ được đồng bộ hóa, bao gồm cả cơ thể của chúng ta, đó là nơi mà khái niệm của chúng ta về tốc độ di chuyển bắt nguồn.

Nếu đem con người so sánh với đá, dĩ nhiên đá sống lâu hơn con người, đá vốn là tử vật, còn chúng ta là hoạt vật nên có sinh diệt tương tục. Nếu tàng thức (A-lại-gia) không tiếp nhận chúng tử, sự hoạt động của năm âm lập tức bị đình chỉ, không có dấu hiệu của sinh mạng, sắc thân chỉ giống như hư vọng.

Ngũ uẩn giống như cơ khí nhơn, đều là do thức A-lại-gia khống chế. Nếu như kho dự trữ của tàng thức không có tài nguyên và nhiên liệu luôn luôn cung ứng thì cơ chế vận chuyển sẽ đình chỉ. Nếu công tắc của dòng điện ý căn không kích hoạt, nguồn tài liệu cũng không thể vận chuyển đến cơ thể, thân năm ấm không thể vận hành.

Sắc thân không khác gì hư vọng, không có một điểm chân thật tính, sự tồn tại của hiện tượng chỉ dưới con mắt bệnh, mê hoặc nhân tâm mà thôi. Nên thời gian là ý thức, nếu rõ được được như thế là rõ được thời gian.

Chúng ta sống trong thế giới của ý thức, hẳn nhiên, thời gian được xác lập bởi ý thức. Trong các kinh văn Phật giáo, thời gian được nhắc đến song song với các khái niệm đối với hiện tượng thay đổi. Hiện tượng hằng chuyển (tạm gọi là vô thường) và tâm hành trên sự chuyển động của hiện tượng đó, và 'khổ' coi như xuất hiện: "chấp trước (cúc hiện tượng) là gốc rễ của khổ đau" (upadhi dukkhassa mūlanti Majjhima Nikāya/Devadaha Vagga).

Phật giáo cho rằng nếu không có duyên khởi (ngã+pháp), sẽ không có khái niệm về thời gian. Nhân duyên liên quan đến thời gian chúng minh điều kiện không ổn định và hay thay đổi của sự vật (由假說我法有種種相轉_唯識三十頌); như thế, thời gian không tồn tại riêng biệt với những điều kiện độc lập, thời gian chỉ là một khái niệm được phát minh bởi ý thức từ việc cảm nhận quá trình trở thành của các pháp. Từ kinh nghiệm của ý thức, chúng ta cho rằng có sự tồn tại của thời gian thực sự. Theo Abhi-dhamma (Narada Maha Thera), thời gian là khi một ý thức (niệm) của chúng ta sinh khởi đi qua ba giai đoạn, giai đoạn đầu tiên được gọi là sự xuất hiện hoặc nguồn gốc (uppada), giai đoạn thứ hai là sự thay đổi hoặc phát triển (thiti) và giai đoạn cuối cùng là chấm dứt hoặc giải thể (bhanga). Thời gian là một ý thức được theo sau bởi một ý thức khác. Quá khứ đã biến mất; tương lai vẫn chưa đến; ý thức, sự vật chưa bao giờ đứng yên nên không có quá khứ, hiện tại và tương lai (過去心不可得 現在心不可得 未來心不可得_金剛經) ngoài sự tồn tại của khái niệm khoảnh khắc thời gian, khoảnh khắc đang trở thành.

Như thế, khái niệm ở trên dòng chảy của thời gian liên tục nên nó không thực thể. Con nước trước và con nước sau không phải một. Chấp rằng khái niệm, quan điểm của 'tôi' hay dính tới 'tôi' là một nhận thức sai lầm về thực tại thời gian; Phật nói: người chấp trước đối với tri giác và quan điểm, là kẻ cứ lang thang trong thế gian mãi tạo nên những sai lầm (Saññāca ditthiñca ye aggahesum Te ghaṭṭayantā vicaranti lo- keti_ Magandiya



Sutta). Trên dòng chảy thời gian, nếu chúng ta không gán những tri giác và quan điểm, những kinh nghiệm cá nhân tham gia, chỉ đứng bên ngoài 'chiếu kiến' hiện tượng một cách khách quan, chúng ta mới có khả năng trải nghiệm trực tiếp với thời lượng ở nơi trực quan sinh động liên tục của không gian. Nơi căn thân khí giới, đối với thanh sắc, cảnh tượng mà không lâm chấp, phân biệt thì tất cả đều là không hoa thủy nguyệt, sao có thể phiền não vì chúng (根身器界一切鏡相, 皆是空花水月, 迷著計較, 徒增煩惱_六祖神奇預言).

Thời gian tồn tại như một trật tự khi chúng ta thấy năm tháng, chu kỳ sinh lão bệnh tử... như là thời gian thực hữu, nhưng cái mà ta gọi là 'hiện tại' (món quà ta có' là ở trong quá khứ của ta và trong tương lai của ta. Trong quá khứ của ta, bởi vì khoảnh khắc mà ta đang nói đã xa ta (chuyển động); trong tương lai của ta, bởi vì khoảnh khắc này đang diễn ra trong tương lai: đó là tương lai mà ta đang có, và ta có thể khắc phục hiện tại không thể phân chia được; yếu tố vô cùng của đường cong samsara thời gian, đó là hướng của tương lai nó sẽ chỉ ra. Như thế, thời gian mà chúng ta đang nói, đang có thực sự nó không có ở bây giờ, nó là thể tính của quá khứ và đi về tương lai, nên sự giải thoát thực sự chính là không trụ, không trụ ở hiện tượng, không trụ ở ý thức mới có thể nhận ra được rằng vạn pháp vốn là thể tánh nhất như (依無住本, 立一切法無住之本本乎無住, 若能徹住則萬法一如_佛果園悟真覺禪師心要). Thể tánh của thời gian là nhất như, như thế, không thể qua lăng kính ý thức vận veo, chấp trước, sở hữu, xác định đối với ba thời rồi phát sinh khổ lạc. Kinh ghi: "Ai đối với quá khứ, hiện tại, và vị lai mà không đắm không chấp thì ta gọi là Brahmin-Người cao thượng (yassa pure ca paccha ca majjhe ca natthi kibcanaj, akibcanaj anadanaj tam ahaj brumi brahmanaj_DP 421).

Pháp giới được tạo nên bởi tư tưởng (應觀法界性, 一切惟心造_華嚴經). Trong pháp giới mà không khởi động niệm khi kiến sắc văn thính, đó là người không bị sự chi phối của thời gian. Khi ý thức được tập trung, thuần tịnh, sự trống rỗng của ý niệm như cánh đồng quang đặng trong một đêm trăng sáng, chúng ta có thể thấy rõ ánh trăng tâm vốn chưa hề bị tác động của trần cảnh và thời gian chi phối, chỉ một vắng thanh tịnh (一切眾生皆自空寂, 真心无, 本来自性清淨_禪源諸詮).

TỪ LÝ LUẬN TỚI GIẢI THOÁT

Nguyên Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Chúng ta thường nghe dặn dò rằng, hãy tu đi, đừng nói nhiều, đừng lý luận nhiều, đừng dựa vào chữ nghĩa biện biệt sẽ dễ loạn tâm, hãy ngồi xuống hít thở, hãy ngồi xuống quán sát tâm mình, hãy ngồi thiền, hãy đi bộ thiền, và vân vân. Những lời dặn dò đó không sai. Tuy nhiên, đối với một số trường hợp, trong kinh ghi rằng, lý luận biện biệt về Chánh pháp sẽ có thể dẫn tới giải thoát, có thể dẫn tới có thể tới thánh quả Bất Lai (A na hàm), chỉ nhờ thườn nghe lý luận và để tâm mình tập theo lý luận đó. Kinh ghi rằng ngay cả khi nằm giường bệnh, đau đớn toàn thân trong giờ cận tử, không thể tập gì được hết, nhưng khi được nghe lý luận biện biệt về Chánh pháp sẽ sinh về cõi trời Đâu suất thiên để học đạo tiếp.

Bài viết này sẽ khảo sát Kinh MN 140 và Kinh MN 143, để thấy cách nương theo lý luận biện biệt để thấy Chánh pháp, và rời xa lìa tham sân si. Chỉ bằng lý luận biện biệt thôi, có lẽ, trong giả định là đã có phần nào Giới hay Định. Trong khi pháp truyền thống là từ Giới sẽ tới Định, và từ Định vào Tuệ, nhưng hai Kinh này chủ yếu là dựa vào lý luận biện biệt. Các phân tích của tác giả trong bài này chỉ có tính tham khảo, vì các sai sót tất nhiên sẽ có do hiểu biết bất toàn của người viết.

Kinh MN 140 nằm trong Trung Bộ Kinh, còn tên là Kinh Giới Phân Biệt. Tương đương bên Tạng A Hàm là Kinh MA 162. Mở đầu Kinh, Đức Phật đi du hành một mình. Đây là điều hiếm hoi, nhưng là một chỉ dấu cho thấy, đây là thời kỳ ban đầu hoằng pháp, có lúc đi du hành đơn độc, bất kể là Đức Phật đã nổi tiếng.

Kinh MN 140 ghi rằng lúc đó, Thế Tôn du hành ở xứ Magadha, đi đến Vương xá, đến nhà thợ gốm Bhaggava; sau khi đến nói với thợ gốm Bhaggava, rằng Đức Phật muốn ở tại chỗ này một đêm.

Thợ gốm đáp rằng, "*Bạch Thế Tôn không có gì phiền phức cho con. Ở đây đã có một vị xuất gia đến ở từ trước rồi. Nếu vị ấy thỏa thuận, bạch Thế Tôn, hãy ở lại tùy theo sở thích.*" Có nghĩa là, thợ gốm nhận ra rằng đây là Thế Tôn, không phải một vị sư vô danh. Nhưng thợ gốm muốn hỏi ý vị sư nào đó đã vào trước, có nghĩa là, anh thợ gốm biết rằng tâm của Đức Phật không chấp nhất nếu Đức Phật bị từ chối trú ngụ đêm. Hãy hình dung ra chuyện thế kỷ 21, khi vị Pháp Chủ của Phật Giáo Việt Nam hay



Thái Lan đi bộ đơn độc tới nhà một anh thợ gốm, xin ngủ qua đêm, và anh thợ gốm nhận ra đúng là Pháp Chủ tới nhà, nhưng anh thợ gốm trả lời rằng hết chỗ rồi, phải xin phép một vị tới trước.

Người được gọi là xuất gia kia, theo kinh ghi lại là Thiện gia nam tử Pukkusati, "*do lòng tin, y cứ Thế Tôn đã xuất gia,*" từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã đến ở trước tại trú xứ của thợ gốm. Rồi Thế Tôn đi đến Tôn giả Pukkusati; sau khi đến nói với Pukkusati, "*Này Tỳ-kheo, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở lại trú xứ này một đêm.*"

Vị tới trước trả lời Thế Tôn: "*Rộng rãi, thưa Hiền giả, là trú xứ của thợ gốm. Tôn giả có thể ở, tùy theo sở thích.*"

Kinh MN 140 ghi rằng: "*Rồi Thế Tôn sau khi bước vào trú xứ của thợ gốm, trải thảm cỏ vào một*

bên, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú niệm trước mặt. Và Thế Tôn trải qua phần lớn đêm ấy, ngồi như vậy. Tôn giả Pukkusati trải qua phần lớn đêm ấy cũng ngồi như vậy."

Thế rồi Đức Phật mới hỏi Pukkusati về chuyện xuất gia, thì ngài Pukkusati nói rằng vị này **chưa từng gặp Đức Phật**, nhưng tự ý xuất gia vì nghe Đức Phật Thích Ca "*là bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác...*" và sẽ y theo pháp của Đức Phật.

Chỗ này làm chúng ta suy nghĩ. Nói theo thời nay, vị Pukkusati này **chưa gọi được là Tỳ kheo, cũng chưa gọi được là sa-di, cũng chưa gọi được là cư sĩ**. Nhưng vì nghe danh Đức Phật, nên khởi tâm say mê tu theo Đức Phật và đã tự cạo đầu, tự gọi là xuất gia, còn mọi chuyện khác thì tính sau.

Một điểm để suy nghĩ nữa, theo một vài Kinh thì Đức Phật có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Đức Phật và ngài Pukkusati ngồi chung phòng cả đêm, nói chuyện... vậy mà vị này qua hình tướng đối diện đã không nhận ra Đức Phật. Nghĩa là, có thể (chúng ta chỉ suy đoán, có thể là sai) rằng các kinh nói rằng Đức Phật có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp chỉ là do đời sau lấy một khái niệm xưa cổ của dân tộc Ấn Độ để nói rằng Đức Phật có vẻ đẹp như truyền thuyết xứ này (người viết thành tâm sám hối khi nêu nghi vấn này, và cũng không muốn tự mình khảo cứu chuyện hình tướng).

Kinh ghi rằng, rồi Thế Tôn suy nghĩ: "*Thiện gia*

nam tử này xuất gia y cứ nơi Ta. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho Thiên gia nam tử ấy."

Và từ đó, hình thành một bài pháp tuyệt vời. Xin chú ý rằng, ngay trong 2 hay 3 dòng đầu tiên (tùy bản Anh dịch), và bản dịch của Thầy Minh Châu, nói lên giáo lý vô niệm của Thiền Tông, rằng ai sống với vô niệm thì được gọi là "ẩn sĩ tịch tịnh."

Bản Việt dịch của Thầy Minh Châu viết trong Kinh MN 140: "Này Tỳ-kheo, người này có sáu giới, sáu xúc xú, mười tám ý hành, bốn thẳng xú, khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. **Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh.**"

Thứ đối chiếu 4 bản Anh dịch về lời dạy này của Đức Phật.

Suddhāso Bhikkhu dịch là: "Standing where one is not flooded by the flow of notions, one is called a 'peaceful sage.'"

Bhikkhu Sujato dịch là: "And when the streams of conceiving do not flow, they are called a sage at peace."

Bhikkhu Bodhi dịch là: "... and when the tides of conceiving no longer sweep over him he is called a sage at peace."

Thanissaro Bhikkhu dịch là: " And when the currents of construing do not flow, he is said to be a sage at peace."

Nghĩa là, qua 4 cách dịch khác nhau, nêu ra cùng một nghĩa của **vô niệm**, tức là, khi **dòng niệm không trôi chảy** nữa, vị đó gọi là người bình an, một nghĩa khác của chữ giải thoát. Vô niệm, nơi đây không có nghĩa là "không suy nghĩ" mà chỉ có nghĩa là "không có dòng niệm trôi chảy" nữa. Vậy thì, làm sao vô niệm?

Kinh MN 140 còn có tên là Kinh Giới Phân Biệt, do Đức Phật giải thích những gì là *sáu giới, sáu xúc xú, mười tám ý hành, bốn thẳng xú* rồi dùng lý luận biện biệt, tất cả cùng một công thức để dẫn tới nhận biết pháp ẩn vô ngã.

Kinh MN 140 viết, qua lời dịch của Thầy Minh Châu:

"**Thế nào là không buông lung trí tuệ? Có sáu giới này: địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Này Tỳ-kheo, thế nào là địa giới? Có nội địa giới và có ngoại địa giới. Và này Tỳ-kheo, thế nào là nội địa giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cố, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cố, thô phù, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỳ-kheo, được gọi là nội địa giới. Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: **"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"**. Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới."** (ngưng trích)

Đức Phật biết rằng ngài Pukkusati là "Tỳ kheo tự phong," chưa thọ giới Tỳ kheo (cũng có thể, lúc



này là sơ kỳ, chưa có giới Tỳ kheo), nhưng Đức Phật không bàn về giới luật với vị này, cũng không bàn về tu định, dù là sơ thiên hay các bậc định khác, mà nói thẳng về pháp quán địa giới trong và ngoài (và tuần tự với thủy giới, vân vân), rằng không hề có cái gì gọi là "tôi, của tôi"....

Điểm cũng nên chú ý: Đa số trường hợp khác, Đức Phật dạy nhận ra vô thường trước khi nói về vô ngã. Câu đầu tiên Đức Phật thường đưa ra ngay đầu cuộc nói chuyện là câu hỏi: "**Mắt có vô thường không, và vân vân.**" Nhưng ở Kinh MN 140, Đức Phật nói ngay về vô ngã. Đặc tính của vô ngã là trừu tượng, khó

nhận biết. Trong khi vô thường dễ nhận biết hơn, vì vô thường là cụ thể, nhận biết ngay được ở thân và tâm của hành giả.

Trong khi đó, lời dạy vô ngã "**Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi**" là cốt tủy của Kinh SN 12.70, còn gọi là Kinh Susima Sutta, trong đó 60 vị sư đắc quả A la hán chỉ bằng quán sát thường trực câu nói đó. Nhóm 60 vị này được Đức Phật gọi là "tuệ giải thoát," vì chưa đắc định, chưa đắc thần thông, nhưng đã đoạn tận lậu hoặc, đã giải thoát.

Trở lại, Kinh MN 140 viết rằng, chỉ nhờ quán như thế, sau khi như thật quán sát các giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với các giới, tâm từ bỏ các giới. Và "*Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới. Lại nữa, khi thức còn lại được trong sạch, trong trắng, vị ấy biết được một số sự việc nhờ thức ấy. Vị ấy thức tri được lạc, thức tri được khổ, thức tri được bất khổ bất lạc.*"

Lúc đó, Kinh MN 140 viết tiếp, khi thọ lạc, hay thọ khổ, hay thọ bất lạc bất khổ khởi lên, hay diệt đi, vị ấy tuệ tri rằng các thọ đó khởi lên, và diệt đi. Tức là, **từ vô ngã, nhận ra vô thường. Vì nhận ra vô thường, nên không chấp thủ.**

Kinh MN 140 viết: "*Ví như, này Tỳ-kheo, như ngọn đèn dầu được cháy đỏ nhờ dầu và tim. Khi dầu và tim diệt tận, và không có vật liệu khác được đem đến, ngọn đèn dầu ấy bị diệt tắt ... Cũng vậy, này Tỳ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu". Khi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu"; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương". Do vậy, Tỳ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng tuệ thẳng xú này. Vì rằng, này Tỳ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh tuệ, nghĩa là trí, biết sự đoạn tận mọi đau khổ."*

Tức là giải thoát. Và cái thấy của giải thoát này là, ý nghĩa chân thực của vô niệm là, theo Kinh MN 140:

"*Khi được nói đến: "Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh", do duyên gì được nói đến như vậy?*

Này Tỳ-kheo, "Tôi là", như vậy là vọng tưởng. "Tôi là cái này", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ là",

như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ không là", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ có sắc", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ không có sắc", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ có tướng", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ không có tướng", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ không có tướng, không không có tướng", như vậy là vọng tưởng. Vọng tưởng, này Tỳ-kheo, là bệnh, vọng tưởng là cục bướu, vọng tưởng là mũi tên. Này Tỳ-kheo, khi vượt khỏi mọi vọng tưởng, vị ẩn sĩ được gọi là tịch tịnh. Nhưng này Tỳ-kheo, vị ẩn sĩ tịch tịnh không sanh, không già, không có dao động, không có hy cầu. Vì không có cái gì do đó có thể sanh, này Tỳ-kheo, không sanh làm sao già được? Không già, làm sao chết được? Không chết làm sao dao động được? Không dao động, làm sao hy cầu?"

Nghĩa là, vị đó nhìn thấy vượt qua tất cả các khẳng định, hoàn toàn không phải là các nghĩa: Tôi là, Tôi là cái này, Tôi sẽ là, Tôi sẽ không là, Tôi sẽ có sắc, Tôi sẽ không có sắc, Tôi sẽ có tướng, Tôi sẽ không có tướng, "Tôi sẽ không có tướng, và không không có tướng" (nghĩa là, Kinh Lăng Già gọi là "**ly tứ cú, tuyệt bách phi**") - là 4 câu, dứt bặt 100 thứ sai lầm).

Điều nên chú ý rằng lý luận này không phải thuần túy trừu tượng, mà là để an tâm, để giải thoát. Vì không phải Đức Phật thì không có tri kiến này. Lúc đó, ngài Pukkusati mới nhận thấy trước mặt ngài là Đức Phật (kinh này không nói chuyện có hay không có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp), mới xin sám hối, và xin "**Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cho con được thọ cụ túc giới trước mặt Thế Tôn.**"

Và theo lời Đức Phật dạy hãy tìm y bất để làm nghi thức xuất gia, Kinh MN 140 ghi lại: "**Trong khi Tôn giả Pukkusati đi tìm y bất, một con bò cuồng chạy, đoạt mất mạng sống của Tôn giả.**"

Bấy giờ một số đồng Tỳ-kheo đi đến với Thế Tôn, và hỏi về Pukkusati thì Đức Phật nói, "**Này các Tỳ-kheo, Thiên gia nam tử Pukkusati, sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh và từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui đời ấy nữa.**" Có nghĩa là, hóa sanh là đã đắc quả A na hàm, còn gọi là quả Bất Lai, hay Bất Hoàn. Nghĩa là, tuy chưa là cư sĩ, chưa là sa-di, chưa là Tỳ-kheo, nhưng ngài Pukkusati chứng quả Bất Lai ngay sau khi nghe bài pháp. Và khi nghe lý luận biện biệt, chỉ có lý luận biện biệt thôi (chưa thực tập) là đủ để giải thoát.

Chúng ta có thể tin rằng, Đức Phật tiên đoán rằng thọ mệnh của Pukkusati sắp ra đi, nên mới thuyết bài pháp có sức mạnh tận cùng; chỉ dùng lý luận để Pukkusati chứng ngộ vô ngã, rồi chứng ngộ vô thường, rồi vào chỗ dứt bặt tất cả các suy nghĩ tư lường về có với không, về không có với không không, và về vân vân.

Một Kinh cũng có sức mạnh tột cùng tương tự là Kinh MN 143, còn gọi là "**Kinh Giáo giới Cấp Cô Độc**" -- khi Cư sĩ Cấp Cô Độc trên giường bệnh, nằm hấp hối. Nghĩa là, giây phút này là khẩn cấp, không có chuyện tu hành chậm trễ gì nữa. Kinh kể rằng, ngài Cấp Cô Độc mới nhờ một người tới "**cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn**" -- sau nghi thức này, vị đó mới thỉnh Tôn giả Sāriputta (Xá Lợi Phất) tới nhà ngài Cấp Cô Độc. Ngài Sāriputta mới chọn Tôn giả Ananda đi theo.

Kinh MN 143 ghi rằng:

"**Tôn giả Sāriputta nói với cư sĩ Cấp Cô Độc: — Này Cư sĩ, ta mong rằng Ông có thể kham nhẫn; Ta mong rằng Ông có thể chịu đựng. Ta mong rằng**

khổ thọ được giảm thiểu, không gia tăng, sự giảm thiểu được rõ rệt, không có gia tăng.

—Thưa Tôn giả Sāriputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Sự khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sāriputta, ví như một người lực sĩ chém đầu (một người khác) với một thanh kiếm sắc bén; cũng vậy, thưa Tôn giả Sāriputta, những ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu con. Thưa Tôn giả Sāriputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sāriputta, như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi xiết chặt; cũng vậy, thưa Tôn giả Sāriputta, con cảm thấy bị đau đầu một cách kinh khủng. Thưa Tôn giả Sāriputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng..." (ngưng trích)

Ngài Cấp Cô Độc đau kinh khủng lắm. Đau toàn thân, không chỉ nơi đầu, theo lời ngài kể nhiều hơn trích đoạn trên. Nếu mà thời nay, khi gặp bệnh nhân đau như thế, các bác sĩ sẽ chích thuốc giảm đau, hay là thuốc ngủ. Tuy nhiên, ngài Xá Lợi Phất nói ngay, chỉ bằng lý luận biện biệt để nhận ra thực tướng, trích:

—Do vậy, này Cư sĩ hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ con mắt, và tôi sẽ không có thức y cứ vào con mắt**". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ tai, và tôi sẽ không có thức y cứ vào tai**". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ mũi ... y cứ vào mũi ... hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ lưỡi ... y cứ vào lưỡi ... hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ thân ... y cứ vào thân ... hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ ý ... y cứ vào ý ... hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ hình dạng, và tôi sẽ không có thức y cứ vào hình dạng**". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ tiếng ... y cứ vào tiếng ... hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ hương ... y cứ vào hương ... hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ vị ... y cứ vào vị ... hãy học tập như vậy. Do vậy ... không chấp thủ xúc ... y cứ vào xúc ... hãy học tập như vậy. Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ pháp, và tôi sẽ không có thức y cứ vào pháp**". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy." (ngưng trích)

Tương tự, ngài Xá Lợi Phất nói y hết như vậy cho trọn thân và tâm, trong và ngoài:

"...không chấp thủ vào mắt (tai, mũi, lưỡi, thân, ý) và không có thức y cứ vào mắt (tai, mũi, lưỡi, thân, ý)..."

"...không chấp thủ vào hình dạng (âm thanh, mùi vị, vị nếm, cảm giác, suy nghĩ tư lường) và không có thức y cứ vào hình dạng (âm thanh, mùi vị, vị nếm, cảm giác, suy nghĩ tư lường)..."

"...không chấp thủ vào nhãn thức (nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, xúc thức, ý thức) và không có thức y cứ vào nhãn thức (nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, xúc thức, ý thức)..."

Tương tự với sắc, thọ, tưởng, hành, thức... với địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới... Nghĩa là, **với tất cả những gì trong và ngoài của thân tâm**. Nơi đây, ngài Xá Lợi Phất

phân tích chi tiết, không để sót, nhưng có một Kinh trong đó Đức Phật nói ngắn gọn hơn, đó là Kinh SN 35.23 (Sabba Sutta) gọi là "Tất cả" – bản tiếng Anh là "The All."

Trong tiếng Việt dịch là "chấp thủ," trong bản tiếng Anh của ngài Sujato dịch là "grasp" (nắm giữ), nhiều vị khác dịch là "cling to" (dính mắc vào). Để đối chiếu cách dịch như sau:

-- "... *Cư sĩ hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ con mắt, và tôi sẽ không có thức y cứ vào con mắt..."*" (bản dịch ngài của Minh Châu)

-- "...*you should train like this: 'I shall not grasp the eye, and there shall be no consciousness of mine dependent on the eye.'*..." (Bản dịch của ngài Sujato)

-- "...*householder, this is how you are to train: 'I will not cling to the eye, and my consciousness will not be dependent on the eye.'*..." (bản dịch của ngài Suddhāso Bhikkhu)

-- "...*householder, you should train yourself in this way: 'I won't cling to the eye; my consciousness will not be dependent on the eye.'*..." (bản dịch của ngài Thanissaro)

-- "... *householder, [said Sariputta,] you should train thus: I will not cling to the eye; the ear; the nose; the tongue; the body; the mind and my consciousness will not be dependent on the eye; the ear; the nose; the tongue; the body; the mind...*" (bản dịch của ngài Andrew Olendzki)

Chỗ này có thể liên hệ tới Kinh Kim Cang, và đặc biệt là câu "ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm" (Không trụ tâm vào bất kỳ nơi nào, tâm Niết bàn sẽ hiển lộ) mà ngài Huệ Năng đã nương vào để giải thoát, và rồi câu này trở thành chìa khóa cốt tủy cho Thiền Tông.

Kinh MN 143 ghi rằng khi nghe thuyết pháp như vậy, cư sĩ Cấp Cô Độc khóc và chảy nước mắt... vì chưa từng được nghe bài pháp như thế. Kinh viết rằng, trích:

"*Rồi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Ānanda sau khi giảng dạy cho cư sĩ Cấp Cô Độc với bài thuyết giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi cư sĩ Cấp Cô Độc, sau khi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Ānanda ra đi không bao lâu, thân hoại mạng chung, và sau khi thân hoại mạng chung liền sanh lên cõi Tusita (Đâu-suất thiên).*" (ngưng trích)

Nghĩa là, giây phút cận tử, nằm giường bệnh với đau đớn toàn thân, chỉ nghe thuyết pháp bằng lý luận biện biệt và nương theo lý luận đó để nhận ra Chánh pháp, ngài Cấp Cô Độc sanh vào cõi trời Đâu suất thiên, nơi Bồ tát Di Lặc đang thuyết pháp.

Như thế, chúng ta thấy Kinh MN 140 và Kinh MN 143 đều dùng lý luận biện biệt để chỉ ra Chánh pháp. Trường hợp cả hai Kinh, thời thuyết pháp có lẽ chỉ dài một hay hai giờ đồng hồ. Trong Kinh MN 140, sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp, vị đương cơ đắc quả A na ham, khi bước ra đường đã gặp nạn, chết liền, và hóa sinh vào Niết bàn. Trong Kinh MN 143, vị đương cơ đau đớn, nằm giường bệnh, nghe ngài Xá Lợi Phất lý luận biện biệt Chánh pháp xong, liền sanh vào cõi trời Đâu suất thiên, nơi có cơ duyên học đạo liên tục.

Như thế, lý luận biện biệt cũng là một chìa khóa để giải thoát, theo mô hình hai Kinh này.

Nguyên Giác

California, những ngày cận Tết Nguyên Đán Giáp Thìn.



GIỌT TRĂNG GÂY

*ai tha hương về rắ
đường mòn rừng núi xưa
dấu rêu phong nạm kín
xanh rờn cỏ nở hoa?*

*từng bước chân hương quện
bướm chập chờn bay theo
sư về cây thay lá
rừng xanh lá đỏ reo.*

*dưới bóng cây nhìn khói
quện mờ bóng làng bên
gió đưa hương thổi mát
lim dim sư nhập thiền.*

*trăng lên nghiêng rừng ngủ
thể nhập giọt trăng gây
soi xuyên nguồn đá cuội
tâm bình giác ngủ say.*

*trăng tàn treo gát núi
sương đọng giọt phù vân
hừng đông bên bờ suối
chim rừng hót ca vang.*

*sư đặt chân xuống suối
nước động vòng tròn loang
đầu nguồn tận cuối bãi
lay động đầu giọt sương.*

*sẵn quanh dòng nước vắng
sư hái trái cây rừng
suối trong đem rửa sạch
mang về chữa hình khô.*

thơ **PHỔ ĐỒNG**

12 ĐOẠN KHÚC THƠ ĐẠO MÙA XUÂN

VỀ NGHE PHÁP

Xuân đến ngàn mai trở sắc vàng
Đường trần rộn rịp đón Xuân sang
Mặc người hối hả chen thị tứ
Ta về nghe Pháp... trí mở mang.

CHÂN TÂM VI DIỆU

Chân tâm vi diệu thật nhiệm mầu
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu
Xưa mê chấp ngã, nhân, sanh thọ
Nay rõ Tâm Nguyên vốn sạch lâu.

THỨC TỈNH

Trời khuya vang vọng tiếng chuông ngân
Thức tỉnh người say giấc mộng trần
Hành giả tọa Thiền tâm định tĩnh
Diệt trừ vọng tưởng trở về Chân.

PHÁP THÂN

Pháp thân thanh tịnh tánh Chân Như
Tâm ta, tâm Phật có khác nào
Tâm ấy phóng quang trùm khắp cõi
Trong ngoài một thể giáp hư không.

PHÁP KHÔNG HAI

Ngoài kia nắng ấm hoa đua nở
Trong này rực rỡ một cành mai
Ngoài ấy, trong này đâu có khác
Ba đời Phật-Tô pháp không hai.

BỜ Ở ĐÂY

Bờ ở đây, bến cũng ở đây
Sâu dăng che kín khuất chân mây
Bâng khuâng nghĩ tượng muôn ngàn lối
Đâu biết bờ luôn ở bến này!

LIÊN HOA

Nắng hè phản chiếu ánh hồng liên
Rực rỡ hoa tươi đậm sắc duyên
Nắng mưa, sương gió hương vẫn đượm
Liên hoa cúng Phật phước vô lường.

TÌM PHẬT

Tôi đi tìm Phật tận trên ngôi
Phật vẫn điềm nhiên chẳng một lời
Liên về tìm Phật trong tâm thiện
Phật bỗng nhìn tôi khẽ mỉm cười.

TÌM TRĂNG

Tâm động tìm Trăng chẳng thấy Trăng
Lặn tăng gợn sóng mặt hồ nhân
Quên hồ, quên sóng tâm thanh tịnh
Liên thấy Trăng trong hiện ánh vàng.

NHỮNG GIỌT MƯA

Những giọt mưa rơi xuống nhiệm mầu
Tươi rừng, cây cỏ, hoa xanh lá
Tươi ruộng đồng lúa mạ tốt tươi
Muôn loài được sống đời no ấm.

GIÔNG CỎ NHƯỜNG XUÂN

Giông cỏ nhường Xuân trải gấm hoa
Nước nguồn trở lại giọt mưa sa
Trăng tròn, gương cũ sau tuần khuyết
Mầm trẻ ngoi trên hạt giống già.

HOA NGÀY XƯA

Trăng trên cao khi mờ khi tỏ
Cánh hồng trần nắng xế mây tan
Cả vũ trụ gom về hoa nhỏ
Hoa ngày xưa đâu khác bây giờ.

thơ **DIỆU VIÊN**

SƠ QUÁT VỀ NHÂN DUYÊN TRONG ĐẠO PHẬT QUA DUY THỨC HỌC

Khánh Hoàng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Theo định nghĩa thông thường, Nhân Duyên là nguyên nhân phát khởi đầu tiên, nguyên nhân chánh yếu (Nhân) và là các điều kiện cần thiết bổ xung, phụ trợ vào Nhân (Duyên) để xuất sinh, cấu thành, hiện khởi tất cả các sự vật, hiện tượng. Nhân Duyên là một trong những đạo lý cao sâu, vi tế, nhỏ nhiệm nhất của đạo Phật bởi chính Nhân Duyên đóng vai trò quyết định trong sự hình thành thể dạng và cảnh tượng xuất sinh, hiện khởi của tất cả các pháp hữu vi. Các pháp hữu vi là tên gọi chung cho các pháp có thể chất cấu tạo do nhân duyên tập hợp đầy đủ mà phát khởi, sinh thành (tạm gọi là nghĩa "Có") rồi cũng do nhân duyên chia lìa thiếu vắng mà tiêu hao, diệt hoại (tạm gọi là nghĩa "Không"). Trong Luận Đại Thừa Bách Pháp (100 pháp), Duy Thức Học phân định tất cả pháp (sự vật) trong vạn hữu vũ trụ ra 100 pháp, chia ra 5 nhóm là Sắc, Tâm vương, Tâm sở, Tâm Bất Tương Ứng Hành, và Vô Vi. Ngoại trừ nhóm pháp Vô Vi (có 6 pháp là: Hư không Vô Vi, Trạch Diệt Vô Vi, Phi Trạch Diệt Vô Vi, Bất Động Diệt Vô Vi, Thọ Tướng Diệt Vô Vi, và Chơn Như Vô Vi); 4 nhóm còn lại có 94 pháp (bao gồm nhóm 8 pháp Tâm Vương, nhóm 11 Sắc pháp, nhóm 51 Tâm Sở, và nhóm 24 Bất Tương Ứng Hành pháp) đều thuộc về pháp Hữu Vi.

Do vậy, có thể xem tất cả các sự vật thuộc về đời sống thường nhật của con người và chúng sanh (các loại sinh vật bao gồm các loại động vật, thực vật, vi sinh vật ...), như thân tâm chúng sanh, các môi trường, hoàn cảnh sinh sống, sinh hoạt, các dạng loại thuộc về Khí Thể Gian (như sông biển, rừng núi, đất đá...), cả các ý niệm về khổ-vui, mau-chậm, nhiễm-tịnh, về bản thân, gia đình, xã hội, quốc gia, đều thuộc về pháp Hữu Vi. Tự trung, pháp Hữu Vi là những pháp có liên hệ, dính mắc đến nhân duyên, là những pháp tuy có tác dụng, nhưng không thường trụ, luôn biến chuyển theo chu kỳ chu kỳ sanh- lão- bệnh- tử (chúng sinh) hoặc thành-trụ- dị- diệt, thành- trụ- hoại- không (Khí Thể Gian, sự vật khách quan bên ngoài). Trái với pháp

Hữu Vi, pháp Vô Vi là những pháp không có tác dụng sanh diệt như pháp Hữu Vi; và cũng không có liên hệ, dính mắc đến nhân duyên nên được xem là pháp thường trụ.

Trong **kinh Lăng Già** [Dịch giả Phạm - Hán: Pháp sư Tam Tạng Ấn Độ Cầu Na Bạt Đà La (394-468); dịch giả Hán-Việt: Hòa Thượng Thích Duy Lực (1923-2000)], phẩm Nhất Thiết Phật Ngữ Tâm, đức Phật đã khai thị cho Bồ Tát Đại Huệ về nghĩa lý của 2 Duyên và 6 Nhân như sau:
"Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Thế Tôn rằng: "Cúi xin Phật thuyết tướng nhân duyên của tất cả các pháp, do giác được tướng nhân duyên, khiến con và các Bồ Tát được lìa tất cả tánh của vọng kiến hữu vô, chẳng vọng chấp các pháp Tiệm sanh, hoặc Đốn sanh, hoặc Tiệm Đốn cộng sanh".

Phật bảo Đại Huệ: Tất cả pháp có hai thứ duyên tướng,

là ngoại duyên và nội duyên.

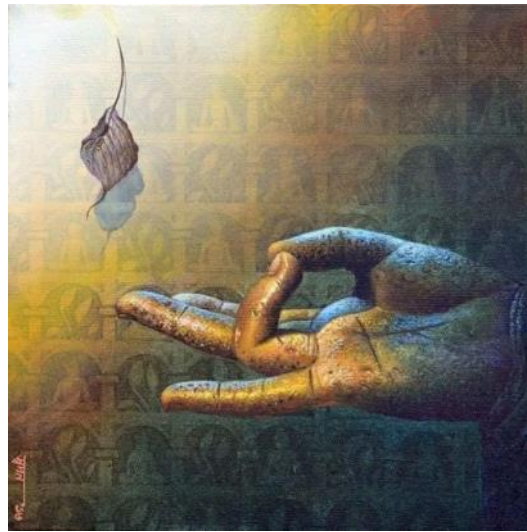
Ngoại Duyên là: Cục đất, cây cọc, bánh xe, sợi dây, nước, gỗ, nhân công, các thứ phương tiện làm duyên, sanh ra cái bình như bình đất, cón các thứ tơ, lụa, lát chiếu, giống mầm, tô lặc v.v... do ngoại duyên phương tiện sanh ra cũng như thế. Ấy gọi là tướng ngoại Duyên. -

Thế nào là Nội Duyên? Vì có vô minh ái nghiệp các pháp hòa hợp gọi là năng duyên, từ đó sanh khởi các pháp ấm, giới, nhập, gọi là sở duyên. Các pháp do tự tâm sở hiện vốn chẳng sai biệt, mà phạm phu vọng chấp, thành có sai biệt, ấy gọi là pháp Nội Duyên.

Đại Huệ! Nói về nhân gồm có sáu thứ, ấy là: Đương hữu nhân, Tương tục nhân, Tướng nhân, Tác nhân, Hiện thị nhân, Đối đãi nhân.

1. Đương hữu nhân: Vì thức thứ tám từ vô thị đến nay hay làm nhân cho tất cả pháp, từ nhân sanh quả, bất khả tư nghĩ, đương lúc đó làm nhân, nên gọi là Đương hữu nhân.

2. Tương Tục nhân: Vì bên trong nương thức thứ tám và thức thứ sáu, phan duyên ngoại cảnh, từ đó pháp trong ngoài làm nhân sanh quả như ngũ ấm chúng tử v.v... do hiện hành luân tập chúng tử,



lại do chúng tử luân tập hiện hành, mà quả nhiễm tịnh theo đó liên tục sanh khởi chẳng dừng, nên gọi là Tướng Tục nhân.

3. Tướng nhân: Do cái đẳng vô gián duyên (duyên chẳng gián đoạn) làm ra tướng vô gián, sanh ra quả tướng tục. Nơi tướng tục có tướng vô gián đã là nơi nhân mà chưa đến nơi quả, vì nó chẳng gián đoạn cho nên tướng tục. Vì ở nơi chính giữa của nhân và quả mà có tướng, nên gọi là Tướng nhân.

4. Tác nhân: Tức là tăng thượng duyên, ấy là tạo nghiệp tăng thượng mà sanh ra quả, cũng như Chuyển Luân Vương, do thân thể chúng đấng Luân Vương làm bản nhân mà bánh xe Thất Bửu từ hư không bay đến, ấy là sự tăng thượng. Vì cảnh chẳng thể sanh quả, phải nhờ tâm làm tăng thượng, Luân Vương mới có thể làm ra thắng nhân. Vì tâm làm tăng thượng duyên cho cảnh (Bánh xe bay), nên gọi là Tác nhân.

5. Hiện Thị Nhân: Sự vọng tưởng sanh rồi thì hiện cái tướng năng tác, sở tác, như cây đèn chiếu soi hiện thị sắc tướng v. v... gọi là Hiện Thị Nhân.

6. Đối Đãi Nhân: Là lúc pháp diệt thì sự tướng tục đoạn dứt, mà ngay đó tánh "chẳng vọng tưởng" sanh khởi. Đại Huệ! Tự tướng vọng tưởng của phàm phu chẳng lần lượt sanh, chẳng cùng lúc sanh. Tại sao? Nếu cùng lúc sanh thì chẳng phân biệt được năng tác, sở tác, vì chẳng có tướng nhân. Nếu lần lượt sanh thì chẳng có tự tướng, cho nên chẳng thể có lần lượt sanh, như chẳng sanh con thì không được gọi là cha. Đại Huệ! Vì cha với con làm nhân đối đãi với nhau, không có cha thì không sanh được con, không có con thì không được gọi là cha; cha con đối đãi nhau mà sanh, nên gọi là Đối Đãi Nhân.

Đại Huệ! nói tóm lại, các thứ tướng sanh đều do các thứ nhân của tự tánh vọng tưởng chấp tướng mà sanh. Vì tự tâm hiện ra thọ dụng mà có tự tướng, cộng tướng, ngoại tánh, phi tánh; thực ra Lần Lượt Sanh và Cùng Lúc Sanh hai thứ đều chẳng thể sanh. Cho nên phải lìa hai thứ kiến chấp đó."

Qua đoạn kinh văn trên, ta có thể rút ra các nhận định như sau:

Ở quyển 1 kinh Lăng Già, Bồ Tát Đại Huệ đã dùng bài kệ để tha thiết, cung kính hỏi đức Phật về độ môn Đại Thừa và diệu tâm Chư Phật, về tất cả tướng trạng, cảnh giới nhị biên trong tâm thức như Niệm Trong Sạch, Niệm Tăng Trưởng, Mê Hoặc, Mê Tăng Trưởng, cách giáo hóa cõi Phật, Chúng Sanh, Ngoại Đạo, Thọ, Vô Thọ... Do vậy, đức Phật đã thuyết về Sanh- Tru- Diệt của 3 thứ thức (Chơn Thức, Hiện Thức, và Phân Biệt Sự Thức) tương ứng với 3 thứ tướng (Chơn Tướng, Nghiệp Tướng, và Chuyển Tướng). Các thứ Thức này có các tướng Sanh- Tru- Diệt như huyền, như hóa, nhưng chúng sanh phàm phu theo nghiệp lực lại bất giác nên cứ bám víu các tướng này mà khởi lên các kiến chấp, gây tạo thêm nghiệp quả khiến cứ mãi chui trôi lăn, phù trầm trong đường sanh tử-luân hồi. Đến quyển 2 kinh Lăng Già, đức Phật đã thuyết về lý Nhân Duyên do Bồ Tát Đại Huệ thị hiện thỉnh cầu tha thiết mong cầu giác liễu được tướng nhân duyên, khiến Ngài và các Bồ Tát "được lìa tất cả tánh của vọng kiến hữu vô, chẳng vọng chấp các pháp Tiềm sanh, hoặc Đốn sanh, hoặc Tiềm Đốn cộng sanh".

Trong các tìm hiểu, suy xét, nhận định về Nhân Duyên, phàm phu thế tục, chúng sanh hữu tình nơi Dục Giới (cả các bộ môn khoa học- kỹ thuật) thường chỉ tập trung nhằm việc giải thích về

căn nguyên và về cấu thành của vũ trụ vạn vật với mục đích khai thác thiên nhiên, xây dựng phương tiện duy trì cùng phát triển đời sống tiện nghi vật chất, an toàn, phong phú, đồ sộ, Khang trang, lộng lẫy, hào nhoáng... Mục đích này nhằm phục vụ cho ý hướng tồn sinh và hưởng thụ của phàm phu mê chấp cảnh vật nơi Dục Giới. Điều này khiến có thêm rất nhiều ràng buộc tham ái, các sinh sôi bám rễ buộc ràng chắc chắn hơn vào cõi Dục. Trái lại, Phật đạo tập trung và nhấn mạnh đến ý hướng giải thoát, ý hướng tu tập Kiến Đạo và Tu Đạo, ý hướng đoạn trừ các vướng mắc, chấp thủ hư huyền để không còn trầm luân sanh tử trong Tam Giới (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới). Điều này khiến Phật đạo xem tất cả môi trường bên ngoài tâm thức chỉ đều thuộc về một nhóm Sắc pháp, một nhóm trong 6 nhóm của Duy Thức Học. Nhóm Sắc pháp này có 11 pháp bao gồm 6 trần cảnh (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) và 5 căn thân: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Như thế, tất cả vũ trụ, thiên nhiên (biển, sông, rừng, núi...), những nơi cư trú, những nơi sinh hoạt của chúng sinh cùng thân thể, dạng tướng thân căn chúng sinh đều chỉ là Sắc pháp. 11 Sắc pháp này không được xem là Nhân mà chỉ là Duyên, là Ngoại Duyên, một trong 2 duyên được nêu ở đoạn kinh văn trên.

Trong ý hướng tu tập giải thoát, kinh Lăng Già minh định 6 Nhân và 2 Duyên được cảm nhận qua lăng kính Duy Thức Học như sau:

Đương Hữu Nhân (tạm gọi là "Nhân Đương Có"): chính là Đệ Bát Thức hay A Lại Da thức. Thức này là "Tâm Sanh Diệt", có tánh vô phú, vô ký; thường xuyên động chuyển ào ạt như thác nước cùng với 5 tâm sở căn bản của nó là Xúc, Tác Ý, Thọ, Tưởng, và Tư. Như được diễn tả bởi 4 câu kệ trong Duy Thức Tam Thập tụng:

"Thị vô phú, vô ký
Xúc đẳng diệt như thị
Hằng chuyển như bộc lưu
A La Hán vị xả."

Tạm dịch:

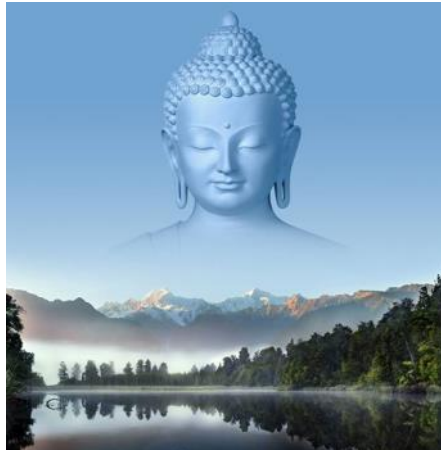
Là vô phú, vô ký
(5 tâm sở) Xúc... cũng như vậy
Luôn chuyển như thác mạnh
Giải vị A La Hán mới xả bỏ.

Tánh Vô Phú của A Lại Da thức được cảm nhận là thể tánh mệnh mang, lồng lồng ('hạo hạo'), hồn nhiên, không bị buộc ràng, không bị vướng chấp không bị vướng chấp bởi bất kỳ ý niệm phân biệt, so sánh, diễn đạt qua ngôn ngữ văn tự nên kinh gọi A Lại Da thức là "bất khả tư nghì". Đây cũng chính là cảnh giới "Vô Sở Trụ", cảnh giới của duy nhất một Xả thọ, không có thọ nào khác (tức là không còn có Ưu thọ, Khổ thọ, Hỷ thọ, Lạc thọ) mà trong kinh Kim Cang đức Phật đã khai thị cho trưởng lão Tu Bồ Đề về phương cách hàng phục và an trụ vọng tâm.

A Lại Da thức được xem là biến thể, hoặc nói rõ hơn có thể xem là thoái thể từ căn nguồn Như Lai Tàng, từ Chơn Như, giác thể thanh tịnh, thường trụ. Chơn Như thật không có biến, không có thoái nhưng chỉ là do chúng sanh phàm phu mê mờ vọng chấp, thủ trước trần cảnh khiến không thấy, không biết, không cùng tương ứng được với Chơn Như. Dù vậy, có thể tạm xem A Lại Da thức là cầu nối giữa Chơn Tâm (Giác Thể thanh tịnh, Chơn Như, Như Lai Tàng) và Vọng Tâm (8 thức Tâm Vương).

A Lại Da có công năng tích chứa chúng tử

nghiệp thức nên thức này còn có tên gọi là Tàng Thức (hoặc "Tạng Thức"). Nhờ vào Tàng Thức, các chủng tử đã được gây tạo bởi 3 nghiệp (thân, khẩu, ý) có nơi tàng trữ, tích chứa thật an toàn, không bị mất mát, hư hao từ đời này qua đời khác trong vô lượng kiếp sống của tất cả chúng sinh. Điều này giúp làm sáng tỏ qui luật Nhân Quả trong đạo Phật "làm lành hưởng phước, gây ác chịu tội" mà không có một phương cách nào có thể khiến giúp thoát ra khỏi "lưới trời lồng lộng", "trời cao có mắt" này ngoại trừ gia công tu tập chuyển hóa tâm thức, tiêu trừ chủng tử tập khí nơi các Thánh Hiền.



Mặt khác, trong 8 thức Tâm Vương, A Lại Da thức còn là căn nguồn sinh xuất ra 7 thức còn lại (gọi là 7 Chuyển Thức) nên A Lại Da thức còn có tên gọi là Căn Bản Thức. Căn Bản Thức là cái nhân mà tất cả chúng sanh đều đang có (nên được gọi tên là "Nhân Đang Có"). Nhưng do vì cái Nhân này quá vi tế, quá thâm sâu và mên mang nên dù là 'đang có' mà chúng sinh, phàm phu lại không thể nhận biết được. Chỉ có những bậc hiền thánh đã Kiến Đạo và đang nỗ lực tu tập tăng tiến đến Kiến Tánh mới bắt đầu từng phần thấy được "Nhân Đang Có" này mà thôi. Tuy nhiên, thấy được "Nhân Đang Có" mới chỉ là "Kiến Đạo" (tương đương với quả vị Tu Đà Hoàn của Thanh Văn thừa, hoặc quả vị Sơ Địa Bồ Tát bên Bồ Tát thừa), cần phải vượt qua "Nhân Đang Có" mới gọi là "Kiến Tánh" (tương đương với quả vị A La Hán của Thanh Văn thừa, hoặc quả vị Bát Địa Bồ Tát bên Bồ Tát thừa). Các kinh luận Phật đạo nêu rõ sau khi Kiến Tánh, A Lại Da thức không còn bị nhiễm ô thêm nữa mà dần dà được thanh tịnh hóa rồi cuối cùng có tên gọi là Vô Cấu thức hoặc Bạch Tịnh thức nơi quả vị Phật.

Trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục có chuyện về ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng (677-744) đến Tào Khê tham vấn Lục Tổ Huệ Năng (638-713). *Tổ hỏi: "Đem vật gì đến?"; Ngài mỉm cười, trả lời không được. Phải đến 8 năm sau, Ngài chợt tỉnh, đến trình Tổ câu trả lời sau: "Nói là một vật là không đúng." Tổ hỏi: "Lại có thể đạt được chăng?" Ngài đáp: "Tu chúng tức chẳng không, nhiễm ô tức chẳng được"...*

Tương Tục Nhân (tạm gọi là "Nhân Liên Tục Tiếp Nối Nhau"): được xem là công năng của các chủng tử và của các hiện hành. Công năng này có 2 chiều trái ngược nhưng lại tương quan mật thiết nhau: chiều chủng tử sinh hiện hành và chiều hiện hành huân chủng tử. Hai chiều hướng này có diễn biến tóm lược như sau: khi Tiền Lục Thức tiếp xúc với 6 cảnh trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) thiện-ác, các chủng tử sẵn có nơi A Lại Da thức (còn được gọi tên là "Bản Hữu Chủng Tử" hoặc là "chủng tử cũ") được kích hoạt, khởi động để phát ra hiện hành lành-dữ là công năng tập khí về phân biệt, nhận biết, so sánh, suy lường, đánh giá, buồn vui, thương ghét... nơi Mạt Na thức tư lương chấp ngã và nơi Ý thức tư duy chấp pháp. Các hiện hành chấp ngã, chấp pháp này chính là kết quả của chiều hướng chủng tử sinh hiện hành. Sau đó, ở chiều

hướng Hiện Hành huân Chủng Tử, các hiện hành (vừa có ở giai đoạn trên) không bị diệt mất đi mà lại được huân tập, tồn tại, và được cất chứa nơi A

Lại Da thức dưới dạng các chủng tử. (các chủng tử này được gọi tên là Chủng Tử Mới Có, hoặc "Tân Huân Chủng Tử", hoặc "Thị Hữu Chủng Tử"). Duy Thức Học gọi 2 chiều hướng công năng chủng tử- hiện hành này là "Do ba pháp cấu thành hai tầng nhân quả". Ba pháp là bản hữu chủng tử, hiện hành chủng tử và tân huân chủng tử; hai tầng nhân quả là chủng tử sinh hiện hành và hiện hành huân chủng tử. Công năng tương tác giữa Chủng Tử và Hiện Hành vừa làm nhân, vừa làm quả cho nhau được gọi là Nhân Quả Đồng Thời. Công năng sinh tạo nhân quả nơi tâm thức cứ thế lưu chuyển mãi, không ngưng nghỉ nên được Kinh gọi là "Tương Tục Nhân". Quả

này được sanh khởi từ sự nương theo tập khí chủng tử của Tương Tục Nhân, tương ưng với Tương Tục Nhân, được gọi tên là Đăng Lưu Quả.

Đây cũng là giai đoạn bắt đầu có sự hòa hợp của Căn, Trần, và Thức (gọi là "Tam Hòa Hợp") để khởi sinh ra 12 Xứ (6 Căn, 6 Trần) và 18 Giới (6 Căn, 6 Trần, 6 Thức) nơi tâm thức. Rồi từ nơi Xứ và Giới, mà các Uẩn cũng được tích tụ, dần dà được hình thành cùng tăng trưởng khiến phủ che, mờ lấp Giác Thể thanh tịnh thường hằng như Kinh chỉ rõ: *"Vi bên trong nương thức thứ tám và thức thứ sáu, phan duyên ngoại cảnh, từ đó pháp trong ngoài làm nhân sanh quả như ngũ ấm chủng tử v.v..."*

Chủng tử là nơi tận cùng có thể nói đến về Lý Nhân Duyên. Vì đó là nơi không thể mô tả, diễn thuyết, lia xa ngữ ngôn thể tục. Chủng tử vô hình, vô tướng mà lại thiên biến vạn hóa, sinh tạo ra tất cả sự vật, hiện tượng trong Tam Giới (Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới). Quan trọng là chủng tử không thể bị hủy diệt bởi gậy dao đạn bom mà chỉ có thể dần dà được chuyển hóa qua tu tập: sau giai đoạn Kiến Đạo, các bậc Thánh Bồ Tát Đăng Địa và các bậc Thánh Văn bắt đầu giai đoạn Tu Đạo, tu tập chuyển hóa chủng tử qua thành tựu 4 chuyển y (chuyển đổi chỗ sở y hay chỗ nương tựa). Đó là chuyển hóa 8 Thức trở về 4 Trí: chuyển Ý Thức về Diệu Quán Sát Trí, chuyển Mạt Na Thức về Bình Đăng Tánh Trí, chuyển Tiền Ngũ Thức về Thành Sở Tác Trí, và chuyển A Lại Da Thức về Đại Viên Cảnh Trí.

Khế Kinh có bài kệ khai thị về chủng tử như sau:

*"Vô thi thời lai giới
Nhứt thiết pháp đẳng y
Do thủ hữu chư thú
Cập Niết Bàn chứng đắc."*

Tam dịch:

Xa xưa chủng tử đã đến
Tất cả pháp đều nương
Do đây có mọi loài sinh vật
Cùng chứng đắc Niết Bàn.
(Chữ "Giới" trong bài kệ này chính là chỉ cho chủng tử).

Điểm đặc biệt khác cần được ghi nhận là cũng

chính do nơi công năng của chủng tử và hiện hành nên khiến có sự hình thành, xuất sinh ra 7 Chuyển Thức. 7 Chuyển Thức này được gọi tên là Tiên Thất Thức (Bảy Thức Trước). 7 Chuyển Thức gồm có Mạt Na thức (Ý, Ý Căn, Đệ Thất Thức) có công năng tư lương chấp ngã; Ý thức (Đệ Lục Thức) có công năng tư duy liễu biệt, chấp trước trần cảnh (chấp pháp); và 5 thức còn lại (gọi là Tiên Ngũ Thức) bao gồm Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức có công năng tiếp nhận trần cảnh để đưa tướng dạng trần cảnh đến Ý Thức liễu biệt. Đây là từ nơi thức A Lại Da nay đã có sự động chuyển theo cảnh trần, về hướng sinh tạo nghiệp quả mà xuất sinh ra Tiên Thất Thức. Các vị thiền sư do đó thường nhắc nhở đệ tử không quên việc này. Có thiền chuyện ngắn như sau: "Một vị tăng hỏi thiền sư Thiên Nhan: "Thế nào là Lý Bản Thường?". Thiền sư Thiên Nhan đáp: "Động". Vị tăng lại hỏi "Khi động thì sao?" Ngài đáp: "Chẳng phải Lý Bản Thường"..."



Tướng Nhân (tạm gọi là "Nhân Hiện Khởi Tướng"): Nếu A Lại Da thức là Đương Hữu Nhân ("Nhân Đang Có"), các Chuyển Thức và các công năng của Chủng Tử cùng Hiện Hành là Tướng Tục Nhân ("Nhân Liên Tục Tiếp Nối Nhau") thì đến đây, các Tướng hiện khởi nơi tâm thức chính là "Nhân Hiện Khởi Tướng". Đó là do từ nơi Chuyển Thức (nội tâm), bắt đầu có thêm sự hoạt động của Ý thức trong sự nhận biết, phân biệt, liễu biệt trần cảnh bên ngoài (ngoại cảnh) mà mạnh nha hiện khởi ra các tướng. Như thế, Tướng Nhân phân định rạch ròi về 2 Duyên (Nội Duyên và Ngoại Duyên) mà đoạn kinh văn trên đã nêu.

Để ngăn tránh việc khởi hiện vọng tưởng rồi bị tác động bởi vọng tưởng, điều cần thiết là cần nhận biết ra Tướng Nhân này càng sớm càng tốt. Như đức Phật đã khai thị cho ngài trưởng lão Tu Bồ Đề trong kinh Kim Cang: "*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*" (Tạm dịch: "Nếu còn chỗ có tướng, đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng không phải tướng, tức thấy Như Lai").

Từ nơi Tướng Nhân, nếu nhanh nhen trở về nguồn Bản Thức mà thấy lại được Bản Giác cũng không xa. Nhà Thiền có rất nhiều câu chuyện nói về Nhân Hiện Khởi Tướng này. Như câu chuyện của ngài Bá Trượng Hoài Hải (724-814) cùng thầy là thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất (709-788): "*Sư theo hầu Mã Tổ đi dạo, có bầy vịt trời bay qua. Mã Tổ hỏi "Là cái gì?" Sư thưa: "Bầy vịt trời". Mã Tổ lại hỏi: "Bay đi đâu?". Sư liền đáp: "Bay mất rồi". Mã Tổ bèn nắm mũi Sư kéo mạnh. Đau quá, Sư kêu la thất thanh. Mã Tổ liền bảo: "Lại nói bay qua mất đi". Ngay dưới lời này, Sư liền tỉnh ngộ*".

Tác Nhân (tạm gọi là "Nhân Tác Dụng"): từ nơi Tướng Nhân, Ý thức lại bắt đầu có thêm tác dụng tạo nghiệp: đó là duyên vào cảnh trần, Ý thức lại

phân biệt đầy đủ và sâu sắc mọi khía cạnh trong ý hướng chấp ngã. Ý hướng chấp ngã này có đủ ở 2 phương diện Ngã Tướng và Pháp Tướng. Từ nơi

chấp mặc Ngã tướng và Pháp tướng, Ý thức khởi lên đủ mọi dạng loại tâm sở thiện và ác (Duy Thức Học liệt kê 51 môn tâm sở thiện và ác) mà trong đó các tâm sở Căn Bản Phiền Não (tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến) là chính yếu nơi phạm phu thường tình.

Các tâm sở thiện hoặc ác nơi Ý thức này chính là Tác Nhân, nhân nơi nội tâm chính yếu để khiến trở sinh ra những quả báo phiền não, vọng tưởng, nghiệp quả. Tác Nhân được kinh Lăng Già gọi là Tăng Thượng Duyên, với ý nghĩa là "*tạo nghiệp tăng thượng mà sanh ra quả, cũng như Chuyển Luân Vương, do thân thể chúng đấng Luân Vương làm bản nhân mà bánh xe Thất Bửu từ hư không bay đến, ấy là sự tăng thượng*".

Để ngăn ngừa, tránh bớt đi sự hiện khởi và hình thành Tướng Nhân, việc giữ Giới cùng gia công tu tập Tịnh Tâm cùng Thiền Định Tỉnh Giác là điều

không thể thiếu sót.

5. Hiện Thị Nhân (tạm gọi là "Nhân Hiện Lộ"): là các vọng tưởng nay đã hiển lộ rõ ràng nơi Ý thức để có ra các sự tướng như phân biệt, đánh giá, định lượng trần cảnh và có thêm đủ thứ phiền não như thương yêu, ghét bỏ, sân giận, u mê...qua các sự tướng đó. Các vọng tưởng này chính là "Nhân Hiện Lộ" và cũng được gọi là Ý nghiệp, nguyên nhân gần nhất để phạm phu chiêu cảm, gây tạo thêm nghiệp quả nơi Thân (cử chỉ, hành động) gọi là Thân Nghiệp và/hoặc nơi Khẩu (lời nói, ngôn ngữ) gọi là Khẩu Nghiệp. Như kinh khai thị: "*Sự vọng tưởng sanh rồi thì hiện cái tướng năng tác, sở tác, như cây đèn chiếu soi hiển thị sắc tướng v. v... gọi là Hiện Thị Nhân*".

6. Nhân Đối Đãi (tạm gọi là "Nhân Đối Ứng Nhau"): Đây là sự đối ứng căn bản trong lý Nhân Duyên của Phật Đạo. Sự đối ứng này là do từ hai bên, bên thứ nhất bao gồm các Nhân sanh khởi vọng tưởng (gồm tất cả các Nhân vừa nêu trên, từ Đương Hữu Nhân đến Hiện Thị Nhân); bên thứ hai chính là Chơn Như thanh tịnh, thường hằng (mà Kinh gọi là "Tánh Chảnh Vọng Tướng"). Khi bên thứ nhất (vọng tưởng) bị hoại diệt, không còn hiện hữu nữa thì không phải là trở thành như ngoan không, trống rỗng, tuyệt đối không có gì mà vẫn còn có tồn tại bên thứ hai (Chơn Như) như Kinh khai thị: "*lúc pháp diệt thì sự tướng tục đoạn dứt, mà ngay đó tánh "chảnh vọng tướng" sanh khởi*".

Nhị tổ Huệ Khả (494 - 601) một hôm đến trước Sơ Tổ Bồ Đề Đạt-Ma (470-543) bạch rằng: "*Bạch Hoà thượng, tâm con chẳng an, xin Thầy dạy con pháp an tâm*". Sơ Tổ nhìn thẳng bảo: "*Đem tâm ra đây, ta an cho*." Ngài sững sờ quay lại tìm tâm, không thấy bóng dáng, bèn bạch: "*Con tìm tâm không thấy*". Tổ bảo: "*Ta an tâm cho người rồi*".

Ngay đây, Ngài biết được đường vào. Trải qua thời gian lâu sau, Ngài lại bạch với Tổ: "Từ nay về sau, con dứt bật hết các duyên". Tổ bảo: "Chớ rơi vào đoạn diệt." Ngài thưa: "Không rơi". Tổ hỏi: "Làm thế nào?" Ngài thưa: "Con thường biết rõ ràng, nói không thể đến". Tổ dạy: "Đây là chỗ truyền của chư Phật, chớ nên hoài nghi".

Thú vị đặc sắc của câu chuyện Thiền này là từ chỗ "tìm không thấy" mà lại "biết được đường vào", từ chỗ "dứt bật hết các duyên" mà lại "thường biết rõ ràng, nói không thể đến", "chỗ truyền của chư Phật, chớ nên hoài nghi": Cái "tâm không an" chỉ là những pháp hữu vi, những Nhân, những Duyên, những chuyển biến và hiện khởi đủ dạng đủ loại từ thô đến tế nơi tâm thức, những huyền hóa, những điện chớp, những bóng trắng dưới nước với phong phú dạng thể, sắc màu... (đây tạm gọi là "Tưởng Có Mà Như Không") mà chúng sanh thường lại cứ ham thích, vô chup, thủ chấp lấy mà cho rằng đó là ta, là của ta... Nếu không còn bị khuất lấp bởi các chấp luyến nhiễm ô, phiền não này, tâm thức sẽ quay hướng về mà thấy lại được cảnh giới Giác Thể thanh tịnh, thường hằng nơi Như Lai Tạng và Chơn Như (đây tạm gọi là "Tưởng Không Mà Như Có"). "Tưởng Có Mà Như Không" và "Tưởng Không Mà Như Có", "Như Không" và "Như Có" đều chỉ là một chữ "Như". Như nơi bài thi kệ của Hòa Thượng Thích Phước Hậu (1866 - 1949):

*"Kính điển lưu truyền tám vạn tư
Học hành không thiếu cũng không dư
Đến nay tính lại đà quên hết
Chỉ nhớ trên đầu một chữ Như"*

Có thể xem chữ "Như" này chính là sự tương ứng với tánh "chẳng vọng tưởng" được nêu trong kinh. Tánh này là chỗ tâm thức đã vượt qua, đã không còn chịu tác động của vọng tưởng, của chủng tử, của Bát Thức Tâm Vương cùng 51 Tâm Sở, của Sắc pháp, và của cả 24 Tâm Bất Tương Ứng Hành pháp... Nên đây là chỗ tuyệt nhiên vắng bóng Nhân- Ngã, Bi-Thủ, vắng bóng Có- Không, vắng bóng Tứ Tướng (Ngã- Nhân- Chúng Sanh- Thọ Giả), cũng vắng bóng Tứ Cú (Có- Không- Vừa Có cũng Vừa Không, Không Có cũng Không Không) nơi kinh Kim Cang, vắng bóng Chứng Đắc, Mạng Căn, Chúng Đồng Phạm... cho đến vắng bóng cả Thời Gian, Không Gian, Số Lượng, Hòa Hợp, và Bất Hòa Hợp nữa... Do vậy, chỉ là do từ nơi vọng tưởng mà lại có sự thọ dụng, chấp trước từ nơi tự tâm khiến sau đó có ra đủ dạng loại tự tướng, cộng tướng, ngoại tánh, phi tánh, lần lượt sanh, và cùng lúc sanh... Ý này được Kinh khai thị: "*Tự tướng vọng tưởng của phàm phu chẳng lần lượt sanh, chẳng cùng lúc sanh. Tại sao? Nếu cùng lúc sanh thì chẳng phân biệt được năng tác, sở tác, vì chẳng có tướng nhân. Nếu lần lượt sanh thì chẳng có tự tướng, cho nên chẳng thể có lần lượt sanh, như chẳng sanh con thì không được gọi là cha. Đại Huệ! Vì cha với con làm nhân đối đãi với nhau, không có cha thì không sanh được con, không có con thì không được gọi là cha; cha con đối đãi nhau mà sanh, nên gọi là Đối Đãi Nhân. Đại Huệ! nói tóm lại, các thứ tướng sanh đều do các thứ nhân của tự tánh vọng tưởng chấp tướng mà sanh. Vì tự tâm hiện ra thọ dụng mà có tự tướng, cộng tướng, ngoại tánh, phi tánh; thực ra Lần Lượt Sanh và Cùng Lúc Sanh hai thứ đều chẳng thể sanh. Cho nên phải là hai thứ kiến chấp đó."*

Luận Đại Thừa Khởi Tín (Tác giả: Tổ Mã Minh, khoảng 500 năm sau Phật Niết Bàn) xác minh sự khởi phát hình thành Chuyển Thức của ba thức cơ bản của Bát Thức Tâm Vương (A Lại Da Thức, Mạt Na Thức, và Ý Thức) qua phân định về Tam Tế (3 tâm thức vi tế) và Lục Thủ (6 tâm thức thô phù) như sau:

1. Ban đầu tạm gọi là có bản thể Giác Tánh thanh tịnh, viên mãn, bất động (đây chính là Bản Giác vô thủy, vô chung).

2. Do tác động từ cảnh trần và nghiệp lực, Bản Giác bị chao động mà sinh khởi ra Tế thứ nhất của Tam Tế là Vô Minh Nghiệp Tướng khiến có xuất hiện ra A Lại Da thức (đây là giai đoạn khởi phát và xuất hiện A Lại Da thức).

3. Từ đó tiếp tục sinh ra Tế thứ hai của Tam Tế là Năng Kiến Tướng (còn gọi là Chuyển Tướng, tức là Kiến Phần của A Lại Da thức).

4. Sau đó, lại có thêm Tế thứ ba của Tam Tế là Cảnh Giới Tướng (còn gọi là Hiện Tướng, tức là Tướng Phần của A Lại Da thức). Từ đây đã có thêm sự xuất hiện của Mạt Na thức (Mạt Na thức chấp Kiến Phần của A Lại Da thức làm Tự Ngã). Đây là giai đoạn khởi phát và xuất hiện Mạt Na thức với các chấp mắc về Năng - Sở, Ngã - Pháp, Có - Không.

Như thế Luận Đại Thừa Khởi Tín Luận gọi chung ba tướng Vô Minh Nghiệp, Kiến Phần, và Tướng Phần của A Lại Da thức là Tam Tế. Tế thứ nhất minh định sự hình thành A Lại Da thức, Tế thứ hai và Tế thứ ba minh định sự hình thành Mạt Na thức. Tam Tế là ba tác năng, động chuyển rất thâm sâu, vi tế nơi tâm thức nên rất khó có thể được nhận biết nếu không có công phu tu tập Thiền Định.

Mạt Na thức sau, khi xuất hiện sẽ tiếp tục phát triển ra Lục Thủ nơi Ý thức. Lục Thủ bao gồm: Thủ thứ nhất gọi là Trí Tướng (tâm thức có thêm phân biệt tốt-xấu, thương-ghét), Thủ thứ hai gọi là Tướng Tục Tướng (vọng niệm tiếp nối liên lạc theo nhau không dứt), Thủ thứ ba gọi là Chấp Thủ Tướng (tâm trở nên chấp luyến, thủ đắc sự vật), Thủ thứ tư gọi là Kế Danh Tự Tướng (tâm giả đặt ra danh tự gọi tên sự vật), Thủ thứ năm gọi là Khởi Nghiệp Tướng (tâm gây tạo nghiệp lành dữ) và Thủ thứ sáu gọi là Nghiệp Hệ Khổ Tướng (tâm phải thọ chịu quả khổ từ nơi Nghiệp đã gây tạo). Tất cả Lục Thủ đều chính là Tướng và Dụng của Ý Thức, khởi phát và xuất hiện từ Ý thức nên có tánh thô phù, dễ nhận biết từ mình (và cả từ người).

Tựu trung, Luận Đại Thừa Khởi Tín qua Tam Tế Lục Thủ cũng đã xác minh tiến trình chuyển biến từ bản thể Như Lai Tạng thanh tịnh ra các thức A Lại Da, Mạt Na và Ý thức cấu nhiễm, cơ sở cho các tác nhân gây tạo nghiệp khổ luân hồi. Bản thể của tâm là Giác Tánh thanh tịnh luôn có sẵn, chỉ vì Tâm bị chao động trước cảnh trần mà khiến có Bất Giác. Bất Giác chính là khởi nguồn cho sự Động Tâm, cũng chính là Vô Minh vi tế nhất, sâu xa nhất so với các Vô Minh thô phù bên ngoài (như các Tâm Sở phiền não Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác Kiến...). Các tông phái đạo Phật đều có cứu cánh nhắm đến chỗ loại trừ, buông bỏ Vô Minh vi tế về sự động tâm này. Như Tịnh Độ tông với pháp môn "Niệm Phật nhất tâm bất loạn", Mật Tông với pháp môn Tam Mật Tương Ứng, Thiền Tông với pháp môn Chỉ Quán ...

(còn tiếp một kỳ)



LAU SẠCH TỰ TÂM

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em (ACE) Lam Viên thương mến,
Hôm nay Nhóm Áo Lam xin kể ACE nghe câu chuyện của tôn giả Cula Pantaka (Tiểu Phan, Tàu dịch là Châu Lợi Bàn đà đà).

Tiểu Phan cùng với anh là Đại Phan (Đại Pantaka) là 2 anh em có ông nội là một vị chủ ngân hàng thường đưa hai cháu đi nghe đức Thế tôn giảng Pháp. Sau đó, Đại Phan gia nhập Tăng đoàn và chẳng bao lâu chứng được đạo quả A la hán. Tiểu Phan cũng theo anh xuất gia nhưng trí thông minh kém, học lâu nhớ mà mau quên [vì trong một tiền kiếp, Tiểu Phan đã trêu chọc một vị tăng nhân ngu tối, nên kiếp này phải sinh ra chậm hiểu mà mau quên]. Đại Phan rất thất vọng và nói rằng em không xứng đáng làm tỳ kheo trong Tăng đoàn.

Một hôm có cư sĩ Jivaka đến cung thỉnh Phật cùng chư Tăng về nhà để dâng cúng thực phẩm. Đức Phật nhận lời và Đại Phan có trách nhiệm sắp xếp chư Tăng đi khất thực. Trong danh sách, tất cả chư Tăng đều được mời nhưng Đại Phan bỏ tên Tiểu Phan ra. Được tin ấy Tiểu Phan rất buồn rầu đau khổ nên định xin đức Thế tôn hoàn tục. Đức Thế tôn đọc được ý nghĩ đó nên bảo Tiểu Phan về am thất của ngài. Ngài lấy ra một chiếc khăn trắng bảo Tiểu Phan ngồi xuống cầm lấy khăn, mặt hướng về phương đông tay chà khăn, miệng đọc 2 tiếng "lau sạch" thôi. Sau đó, đức Phật lên đường đến nhà cư sĩ Jivaka.

Ngồi trong thất của Phật, Tiểu Phan chăm chú làm theo lời Phật dạy, tay chà khăn, miệng đọc "lau sạch!" không ngừng nghỉ. Chẳng bao lâu, cái khăn trắng dính dơ, đổi thành màu ngà. Tiểu Phan thì miệng vẫn đọc, tay vẫn chà. Tiểu Phan nhận ra sự biến đổi của cái khăn và đồng thời trong tám quán tưởng được tính cách vô thường của mọi vật hữu vi.

Bấy giờ đức Phật ở nhà cư sĩ Jivaka, đọc được tư tưởng ấy; Ngài liền dùng thần thông chiếu hào quang lên và hóa hình ra ngồi trước mặt Tiểu Phan, bảo chàng rằng: không phải chỉ có cái khăn lau bị dính bụi dơ thôi, bên trong tâm mọi người đều có ba chất bẩn là tham sân si. Nếu biết "lau sạch" ba chất độc đo trong tâm thì tỳ kheo sẽ đạt được mục tiêu và chứng đắc đạo quả A la hán. Tiểu Phan nghe nhận được lời Phật dạy, tiếp tục quán tưởng... và không lâu sau đó, chẳng đã chứng đắc quả vị A la hán, gột rửa được chỗ u tối trong tâm trí.

Vào lúc đó, ở nhà cư sĩ Jivaka đang sửa soạn dâng cúng thực phẩm cho Đức Phật và Tăng chúng. Đức Phật lấy tay che bát lại, và nói: còn một vị tỳ kheo nữa chưa được mời đến dự. Cư sĩ vội cho người đến tịnh xá Trúc Lâm mời Tiểu Phan đến. Sau khi thọ thực xong, đức Thế Tôn mời Tiểu Phan lên thuyết pháp. Bấy giờ Tiểu Phan với lòng đầy tự tin, nói thao thao bất tuyệt, giọng to và rõ...

Khi trở về tịnh xá, chúng Tăng tỏ vẻ ngạc nhiên, Đức Phật liền thuật lại việc Tiểu Phan thực

tập với 2 tiếng "lau sạch" một cách tinh cần, khẩn thiết nên đã chứng đắc quả Thánh, rồi Đức Phật đọc lên bài kệ:

*"Bằng vào tỉnh giác và nỗ lực
Giới đức cao, điều phục các căn;
Xem kìa bực trí xây hòn đảo
Lũ lụt dẫu to khó ngập tràn."
(Kinh Pháp Cú # 25)*

Các bạn thương mến,
Câu chuyện này có hai chữ "hòn đảo" làm chúng ta nhớ mấy câu trong bài kệ HẢI ĐẢO TỰ THÂN:

*"Quay về nương tựa
Hải đảo tự thân
Chánh niệm là Phật
Sôi sáng xa gần
Hơi thở là Pháp
Bảo hộ thân tâm
Năm uẩn là Tăng
Phối hợp tinh cần
Thở vào thở ra
Là hoa tươi mát
Là núi vững vàng
Nước tĩnh lặng chiếu
Không gian thanh thang."*

Thân kính chúc các Bạn sức khỏe, an lạc và mở rộng lòng thương đối với vạn loại hữu tình.

Trân trọng,
NAL



TAM VIÊN

Kiều Mỹ Duyên

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



Trong tiếng Nhật, ba con khỉ này được gọi là Tam Viên (Ba con khỉ khôn ngoan): Mizaru, che mắt: không nhìn thấy điều ác; Kikazaru, bịt tai: không nghe điều ác; và Iwazaru bịt miệng: không nói điều ác.

Đến tiệm ăn chay, thấy có ba bức tượng bằng đất: không nghe, không thấy, không nói, tôi thích quá và mơ ước có những bức tượng này. Tôi nói với vài người quen về mơ ước nhỏ nhoi của tôi. Một hôm, một chàng trai trẻ làm việc ở tiệm hoa bên cạnh đem cho tôi 4 tượng nhỏ: không nghe, không thấy, không nói và không suy nghĩ. Chàng trai này nói:

- Con tặng cô.
- Bốn tượng nhỏ xíu, nhỏ hơn nửa bàn tay. Tôi vui lắm.
- Tôi hỏi:
- Cháu tìm ở đâu ra vậy?
- Trên Internet.



Không nghe, không thấy, không nói, tâm không động

Tôi cảm ơn và để 4 tượng này ở trên bàn đối diện với bàn viết của tôi. Bốn bức tượng nhỏ, vui tươi, mắt sáng rực, môi son, đẹp, vui tươi.

Một ni cô mua cho tôi 3 bức tượng khác từ Việt Nam, lớn hơn, bằng một bàn tay.

Mùa Giáng Sinh đến, Bích, chủ nhân công ty bảo hiểm kể bên văn phòng đem đến một bạch giấy và nói:

- Vợ của cháu tặng cô.

Mở giở ra thì thấy có 3 tượng: không nghe, không thấy, không nói. Tượng này bằng đá, lớn

bằng 2 bàn tay, màu trắng, không lớn bằng tượng ở nhà hàng chay, nhưng tôi thích lắm, vì của người khác cho là lộc, lộc của người cho, của Trời cho, làm sao không thích được chứ?

Tại sao tôi thích những bức tượng: không nghe, không thấy, không nói? Vì nói nhiều quá thì người ta ghét. Thấy nhiều quá thì phiền, vì thấy những việc tốt, những việc không tốt, tốt nhất là đừng thấy gì hết vẫn hơn, tâm hồn mình sẽ bình yên, không suy nghĩ, để tâm mình thanh thản, học hành, và làm việc giúp người khác.

Từ ngày có những bức tượng: không nghe, không thấy, không nói ở trước mặt tôi, tôi ít nói hơn, nghe nhiều hơn. Có người thấy những bức tượng này trên bàn, họ nói:

- Trời ơi, làm thương mại mà không nghe, không thấy, không nói thì làm sao làm được chứ?

Tôi nói:

- Trời cho, cái gì của mình là của mình, không ai lấy cái gì của mình được. Không ai lấy những gì mà Trời cho mình, cho nên khi làm việc gì thành công thì vui lắm. Nhưng nếu không thành công, tôi không buồn, vì câu nói như kinh nhật tụng ở trong lòng tôi: Cái gì không phải là của mình thì không phải là của mình, buồn cũng vậy thôi. Đời sống có bao lâu mà phải buồn, buồn làm chi cho mệt, cứ sống, sống hạnh phúc, bỏ gánh lo đi. Làm sao cho tâm mình bạch, bình thản, sống vui, sống hạnh phúc trong công việc làm hàng ngày của mình, tâm hồn thanh thoi là đủ rồi.

Nói ít, đỡ thù oán, nói nhiều, nói thao thao bất tuyệt, moi móc đời sống riêng tư của người khác, gây thù oán. Nói nhiều hao hơi tổn sức, nói nhiều không có thì giờ học, nghiên cứu, nói nhiều không có thời giờ suy nghĩ điều hay lẽ phải, nói nhiều không có lợi.

Nghe nhiều có lợi. Khi nghe điều hay lẽ phải, nghe nhiều ít mất lòng, nghe nhiều tốt hơn là nói nhiều. Nhưng nghe nhiều phải nghe những lời hay, nhưng điều tốt lành, nghe nhiều mà nghe toàn là những điều xấu, không có ích mà còn mất thì giờ, nghe nhiều mà nghe những lời thị phi. Nghe người

Người khôn nói ít nghe nhiều

Lựa lời đối đáp, lựa điều hỏi han

Trước người hiền ngộ khôn ngoan

Nhường trên một bước, rộng đường để đi

Chuyện người, chớ nói làm chi

Chuyện mình, mình biết vậy thì mới khôn

này nói xấu người kia thì không nghe vẫn tốt hơn, nghe như thế hại óc của mình.

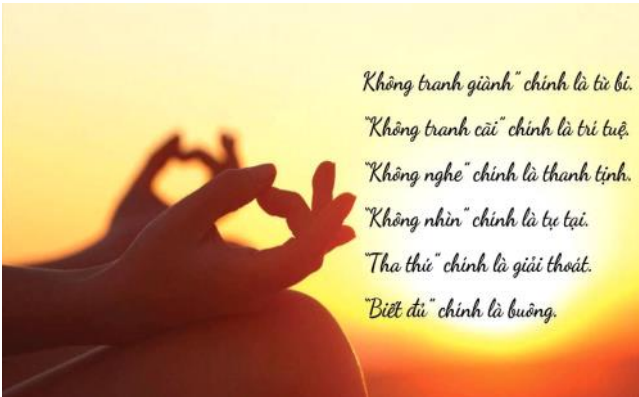
Thấy những người làm việc tốt thì khen, ngưỡng mộ. Thấy những người hy sinh thì giờ chăm sóc người già cô đơn, chăm sóc người cùi, người mù, người già cô đơn thì tốt nhưng thấy những cảnh giết người không gớm tay, thì không nên thấy vẫn hơn. Một phụ nữ lớn tuổi than với tôi:

- Cô ơi, không hiểu tại sao con của tôi thích đi mua sắm. Ngày nghỉ hay đi mua sắm, thứ gì bán sale cũng mua, về để cả nhà, không dùng tới, lâu lâu phải đem cho người khác, thật khổ. Đam mê đi mua sắm cũng là cái bệnh, bệnh mua sắm, thấy thứ gì rẻ là mua, không dùng cũng mua. Đi phố nhìn thấy họ trưng bày quần áo đẹp quá, đâm đầu vào mua, mua về chất đầy nhà, chất đến không còn chỗ chứa nữa.

Tánh kỳ khôi này nói hoài cũng không bỏ. Đi làm suốt đời cũng không mua nổi một căn nhà và xài tiền không tiếc tay là như thế đó. Có người suốt đời ở nhà mướn. Một khi chủ nhà bán nhà thì họ đuổi, phải dọn đi. Không biết tại sao người trẻ bây giờ xài tiền nhiều quá, xài cho quần áo?

Tôi mỉm cười. Mỗi người có quan niệm sống, nếu người nào chơi với người danh dự, biết tiết kiệm để dành tiền thì người đó có dư, rồi mua nhà để ở thì tốt quá.

Những bức tượng, không nói, không nghe, không thấy, không bày bán ở phố Little Sài Gòn, chỉ bán ở Việt Nam, Đài Loan, hay các quốc gia Á Châu.



Càng biết ít chuyện thì càng bớt phiền não. Càng giao tiếp rộng lại càng lắm thị phi

Trong một đài truyền hình mà chúng tôi đang công tác hàng tuần, có 2 người được anh chị em thương nhất. Tôi cũng khen hai người này, hiền lành, dễ thương, nói năng nhỏ nhẹ, ít nói cười nhiều. Tôi khen với ông chủ:

- Hai người này ai cũng thương.

Ông chủ trả lời:

- Vợ của em và Peter được thương vì ít nói, chỉ cười suốt ngày, còn ai ai cũng ghét em vì em hay la, mà không la, thì làm sao công việc chạy được?

Một người phụ nữ làm chức rất lớn trong một công ty Mỹ, tâm sự với tôi:

- Trong công ty của em có 2 người vừa bị đuổi vì nói nhiều quá, nói nhiều hơn làm, nói những chuyện tào lao không liên quan gì đến việc làm. Làm với Mỹ, hễ nói nhiều là bị đuổi, sau khi bị cảnh cáo vài lần, mà còn tía lia là chuẩn bị cuốn gói ra đi.

Ngày xưa vừa ra trường đại học, tôi cũng làm

cho công ty của Mỹ. Công ty này có nhiều chi nhánh, văn phòng của tôi công tác có 79 người, người nào đến văn phòng là làm việc của mình, làm việc tối tâm mặt mũi còn thì giờ đâu mà nói chuyện của người khác.

Nói nhiều hao hơi, tổn sức, da ruột để ngoài da không có lợi. Tốt nhất là nghe nhiều, nhưng phải nghe những điều hữu ích, lợi ích, trước khi nói phải uốn lưỡi 7 lần, xem điều mình nói có hữu ích cho ai không? Nói mà gây oán gây thù thì không nên nói, im lặng là vàng, nghe nhiều mà nghe những lời vô ích thì không cần nghe vẫn tốt hơn.

Không nghe, không nói, không thấy rất tốt cho đời sống hàng ngày, không gây thù oán, hữu hiệu cho chính bản thân của mình. Không nghe, không thấy, không nói nếu áp dụng cho chính cá nhân mình, cho con của mình, cho cháu của mình. Đây là bài học tuyệt vời, không biết câu này phát xuất từ đâu, do ai đặt ra, nhưng hữu ích cho đời này và đời sau.

Trong đời sống hàng ngày, mọi người đều mong có sự bình yên, bình yên trong cuộc sống, bình yên trong tâm hồn, nhưng than ơ, lời nói cũng có thể sinh ra cãi vã, thù hận. Lời nói cũng có thể đến đánh nhau, đánh nhau trong gia đình, đánh nhau ngoài xã hội.

Không nói, đâu ai nói mình câm. Không nghe, đâu ai nói mình điếc. Không thấy, đâu ai nói mình mù. Tốt nhất nên rèn luyện bản thân trước, rồi con cháu trong gia đình của mình.

Hình như từ ngày có tượng không nghe, không thấy, không nói, trước mặt tôi, nhìn hàng ngày tôi đỡ nói, đỡ nghe, và đỡ thấy những gì không nên thấy, hữu ích hơn trong đời sống.

Nghe - nhìn - nói đều cần phải có chọn lọc, thì mới hy vọng giữ được cho mình cái tâm bình lặng

Tại sao các nhà khoa học khuyên đi ngủ không nên mở radio, tivi hay điện thoại. Điện thoại cầm tay để gần giường ngủ, gây ra ung thư. Vậy khi ngủ đầu cần nghe, đầu cần có sự ồn ào bên tai của mình. Ngủ thì cần sự yên tĩnh, và ngủ có cần thấy ai không? Vậy mà có người đi giải phẫu, cắt mắt cho đẹp. Đẹp ở đâu không thấy mà tai nạn đến, tổn tiền để mang tật nguyên vào người. Có người tâm sự với chúng tôi:

- Vợ của tôi sau khi cắt mắt, cắt nhiều quá, da không còn đàn hồi, tối ngủ mở con mắt trao trao như ma, phải lấy khăn đắp con mắt lại mới ngủ được.

Ghê quá phải không, thưa quý đồng hương, tổn tiền để mang bệnh thì tội nghiệp quá. Trời sinh sao, để vậy tốt hơn, khỏi tổn tiền.

Tóm lại, không nghe, không thấy, không nói vẫn tốt hơn. Đó là lý do tại sao có người học thiền, và khi gặp khó khăn trong đời sống thường ngồi thiền để tâm yên tĩnh, để tịnh tâm do nóng nảy, để gia đình êm ấm.

Cầu xin mọi người sống yên lành, vui vẻ, yêu thương nhau, giúp đỡ lẫn nhau, thế giới hoà bình, không có chiến tranh, không có máu đổ thịt rơi, gia đình ly tan.

Orange County, 3/2024
KIỀU MỸ DUYÊN

(kiemyduyen1@yahoo.com)

Cây chổi của ngài Chu Lợi Bàn Đà Già

HUỆ TRÂN – HẠNH CHI

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Ngài Chu Lợi Bàn Đà Già là vị La Hán thứ 16 trong Thập Bát La Hán. tên của ngài (Chùdapanthaka) được phiên dịch nhiều cách khác nhau, tùy theo ngữ âm ở mỗi địa danh, như Châu Trí Ban, Tha Già, Côn Nô Bát, Đà Na, Trí Lợi Mãn Đài, Chu Lợi Bàn Đạc, Chu Lợi Bàn Đà Già, v.v...

Trong kinh Tăng Nhất A Hàm có một giai thoại về vị La Hán thứ 16 này. Đó là đoạn ghi lại thời Đức Phật còn tại thế. Trong tăng đoàn có hai anh em ngài Bàn Đà. Người anh, Tỳ-kheo Đại Bàn Đà thông minh, tinh tấn còn người em, Chu Lợi Bàn Đà Già thì rất mực chậm lụt, dù chỉ 4 câu kệ cũng quên trước, quên sau, không thể xướng tụng. Thấy em như vậy, Tỳ-kheo Đại Bàn Đà khuyên em tạm rời tăng đoàn vì không có đủ trí tuệ để đạt được cứu cánh tối thượng.

Chu Lợi Bàn Đà Già biết mình ngu si tối dạ nhưng lại rất thiết tha được gần gũi Đức Thế Tôn và tăng đoàn, nên khi phải nghe lời sư huynh, chuẩn bị rời tăng đoàn thì lòng buồn bã lắm!

Cũng buổi sáng hôm đó, Đức Thế Tôn dùng tha-tâm-thông, biết được sự tình, bèn đứng chờ Chu Lợi Bàn Đà Già trước cổng tịnh xá. Đức Thế Tôn trao một cây chổi cho Chu Lợi Bàn Đà Già và ân cần nói:

- Hãy ở lại. Ta có việc cho ông làm. Với cây chổi này, ông chỉ việc quét, quét và quét. Công việc dễ dàng, chỉ cần khi quét, hãy nói thầm trong lòng: "Phất trần trừ cấu! Phất trần trừ cấu! Phất trần trừ cấu!", nghĩa là quét sạch bụi bẩn.

Tới đây, cũng có chuyện tích ghi lại, là Đức Thế Tôn còn trao cho Chu Lợi Bàn Đà Già một chiếc khăn trắng, truyền ông hãy dùng khăn này lau mặt, lau mình. Khi lau, phải nói thầm: "Lau sạch bụi nhơ! Lau sạch bụi nhơ! Lau sạch bụi nhơ!"

Những truyền thuyết ghi lại này tuy không hoàn toàn đồng nhất nhưng cùng một ý tưởng Đức Thế Tôn truyền trao, là có sự chăm sóc, lau chùi thì vườn tược, phòng ốc, thân thể... Nói chung là nơi nào bụi bám mà được lau chùi cũng đều sạch sẽ.

Chu Lợi Bàn Đà Già mừng rỡ tuân lời Đức Thế Tôn vì công việc này không phải học, không phải

nhớ những câu kệ, những bài chú mà đối với ông là quá khó! Chỉ cần vừa quét, vừa lau, vừa lầm nhảm "Phất trần trừ cấu! Lau sạch bụi nhơ!" thì ông có thể nhớ được và làm được.

Chu Lợi Bàn Đà Già là người siêng năng nên từ khi tuân lời dạy của Đức Thế Tôn thì từ những lối mòn thiền hành tới các tầng xá, đâu cũng thường xuyên có lát chổi, tấm khăn của ông quét dọn, lau chùi, nên nơi nơi đều gọn gàng, sạch sẽ. Với công việc tưởng như bình thường nhưng Chu Lợi Bàn Đà Già đã đem niềm vui tới cho bao huynh đệ mà không hay!

Hạt mầm gieo xuống đất tốt, sẽ tới ngày đơm hoa kết trái. Đó chính là ngày ở một sát na kỳ diệu, tâm Chu Lợi Bàn Đà Già bỗng bừng sáng, nhận ra rằng, bấy lâu nay ông đã sống quá hạnh phúc, quá an lạc! Điều gì đã chuyển hoá cái tâm u buồn, tâm hồ thẹn, tâm tủi thân trước kia?

Ồ, có phải từ khi tuân lời Đức Thế Tôn, siêng năng lau chùi, quét dọn trong, ngoài? Lau quét nơi nào thì nơi đó sạch. Ta an trú trong chánh niệm khi dọn rác, lau bụi, có phải là đồng thời ta cũng đang dọn rác, lau bụi nơi tâm, nên tâm buồn đã chuyển vui?

Như ngọn đèn vừa được bật lên trong căn phòng từng bao năm tăm tối, Chu Lợi Bàn Đà Già nhìn lại tự thân và tưởng như vừa được tái sinh, một linh hồn mới trong thân tứ đại do đất nước gió lửa tạo thành này! Những trang kinh, những bài kệ khi xưa từng xa vời, nay hiện rõ trong tâm khiến ông, không chỉ dễ dàng đọc tụng mà còn từng bước hành trì miên mật cho tới đắc quả vị A La Hán.

Đức Thế Tôn nhìn thấu, nên đã độ cho người có thể độ.

Trái tim Phật từ bi mở rộng

Vòng tay Phật nâng đỡ ân cần

Bước chân Phật chỉ đường dẫn lối.

Trong Bốn Môn Pháp Hoa Kinh, phẩm Như Lai Thọ Lượng, sau 3 lần Đức Di Lặc Bồ Tát đại diện Chư Bồ Tát mà thỉnh cầu, Đức Thế Tôn mới nhận lời mà bảo đại chúng: "...Tất cả thế gian đều cho Đức Phật xuất thân họ Thích, đến cõi bồ đề gần thành Già Da, mà thành Chánh Giác. Nhưng thiệt từ ta thành Phật đến nay, trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ-kiếp, thường ở Ta-bà thị hiện sanh thân trong nhiều quốc độ, thuyết pháp giáo hoá vô số chúng sanh - tin nơi ta - mà khai phương tiện chỉ bày chân thật thâm vi diệu..."

Thiếu niềm tin và không đủ lòng chí thành chí thiết cầu giải thoát giác ngộ thì dù từ bi, Đức Phật cũng không thể độ họ. Như trong Sám Pháp Lương Hoàng Sám, quyển Thứ Bảy, chương thứ 10, có đoạn nói về 8 nạn khổ, mà nạn thứ 8 là "Sanh

trước Phật hay sau Phật.”

Đoạn này bổ túc cho rõ ý nạn khổ thứ 8, là thời đó, một bà già ở thành Đông, đồng sanh một thời, đồng ở một xứ với Phật mà bà không hề quan tâm tới đạo giải thoát, không nghĩ tới tìm Phật, gặp Phật; trong khi, loài rồng là súc sanh nhưng tin nơi Đạo Cả mà lên được Đạo Tràng, dự thỉnh Giáo Pháp!

Phàm có nạn hay không, là tại tâm. Tâm đã sanh nghi ngờ thì không phải nạn cũng thành nạn. Có niềm tin thì nạn cũng chuyển thành phi nạn.

Là người con Phật, niềm tin mà chúng ta cần có là tin nơi những lời giáo huấn từ kim khẩu Đức Thế Tôn. Hơn 26 thế kỷ qua, lời Cha Lành đã không ngừng tuỳ thuận theo quốc độ, văn hoá, căn tánh chúng sanh mà tiếp tục truyền dạy qua bao ứng thân Bồ Tát, Đạo Sư, Sa-môn, thiên trí thức...

Lời hứa khả "Mọi chúng sanh đều sẵn có Phật Tánh như nhau" là năng lực vô biên cho những ai tin nơi Chư Phật đều cố gắng nhìn lại chính mình để triển khai Phật Tánh. Ở giai đoạn này, niềm kính tin vô cùng quan trọng, là chiếc cầu nối đôi bờ giao cảm.

Khi ngài Chu Lợi Bàn Đà Già chưa được Đức Thế Tôn trao cho cây chổi nhiệm màu thì nào ngài đã hiểu kinh, thuộc kệ, nhưng lòng tin nơi Đức Thế Tôn thì luôn vững mạnh và chí thành nên tâm lòng đó đã giao cảm được với tâm từ bi của Đức Từ Phụ.

Sự giao cảm có thể đạt được này, vẫn nhắc nhở trên mỗi trang kinh mở đầu thời khoá hành trì khi người con Phật thành kính đánh lễ Chư Phật:

*"Năng lễ, sở lễ tánh không tịch
Cảm ứng đạo giao nan tư nghị
Ngã thủ đạo tràng như đế châu
Thập phương Chư Phật ảnh hiện trung
Ngã kim ảnh hiện Chư Phật tiền
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ".*

Chúng sanh trong cõi Ta-bà vốn nghiệp dầy, phước mỏng nên những ai có duyên may gặp được Phật pháp, tin nơi Giáo pháp, vẫn phải thường xuyên nhìn lại chính mình để kịp thời chuyển hoá và ngăn chặn những điều bất thiện vì trong sáu căn, Ý được xếp cuối bảng nhưng lại như con vượn chuyền cành, không ngừng thoăn thoắt nhảy nhót mà khiến năm căn trước, chưa kịp nhận ra đã bị Ý dẫn đi xa lắc!

Những ai có duyên may đôi khi kịp chuyển sửa tâm ý mình mà chợt liên đới nghĩ tới cây chổi của ngài Chu Lợi Bàn Đà Già không?

Cây chổi đó, ở thế-giới-tích-môn, là thế giới những sự tích có thật, được ghi chép lại. Cây chổi đó đã giúp ngài Chu Lợi Bàn Đà Già chuyển buồn thành vui, chuyển ngu tối thành trí tuệ, nhờ tâm hồn trong sáng và niềm tin chí thành nơi Chánh Pháp.

Vậy, suốt 26 thế kỷ, qua bao quốc độ, bao thăng trầm thế sự, vẫn không thời nào không có những chúng sanh đủ duyên may mà chuyển tâm trên con đường tìm cầu giác ngộ thì có tha lực của cây chổi khi xưa hay không?

Chắc là phải có! Cây chổi đó vẫn hiện diện ở thế-giới-bản-môn, là thế giới tinh thần của niềm tin những gì cao đẹp tuyệt hảo đều vượt khỏi mọi không gian và thời gian.

Khi quán chiếu được tới đây, lòng người con nào lại không phấn khởi khi tin rằng qua màn vô minh của kiếp nhân sinh, thì tinh thần cây chổi mà Đấng Cha Lành từng trao cho ngài Chu Lợi Bàn Đà

LÊN NON

1.
*lên non đánh lễ hoa ngàn
lá từ bi khấp đôi hàng cúc ngoan
em ngày xưa áo mây voan
ta ngày xưa gió thu hoang một chiều!*

2.
*lên non câu tụng đôi điều
rằng hai ta hứa yêu nhiều thế thôi
ừ thì bên suối hoa trôi
gửi thơ trong nước em tôi gọi đầu*

3.
*lên non hỏi phép nhiệm màu
đá bao nhiêu tuổi mà sáu trăm năm
hái mây độn gói ta nằm
đêm nghe trăng thuở nguyệt rằm dậy thom!*

4.
*lên non, áo vải, hài rom
trái tim còn mãi nhịp bom hải hà
thưa ngàn hoa cõi ta bà
bốn phương cây cỏ tà tà rong chơi...*

thơ **TRẦN HOÀNG VY**

Già khi xưa, vẫn từ bi ẩn hiện quanh ta. Hãy cùng nhau vững tin và chí thành cầm lên mà "Phất trần trừ cấu!" Hãy chăm sóc quét dọn vườn-tâm như người làm vườn, không chỉ vun đất bón cây mà còn phải quan sát nhỏ cỏ dại thì cây kia mới xanh, hoa kia mới trở.

Một sáng mùa đông, khi đang quét lá sân trước, bỗng như nghe thấy âm thanh trầm bổng của 4 tiếng "Phất trần trừ cấu". Rồi phản ứng tự nhiên của kẻ phàm phu là đứng chối nhìn quanh!

Có ai đâu! Chỉ là ngọn gió đêm qua làm rụng bao lá vàng để sáng nay cho người được quét lá, vun lại, ủ dưới gốc cây, cho lá sẽ thành đất, đất lại nuôi cây...

Trong sự thăm lặng tuần hoàn của vạn hữu vẫn luôn có sự thăm lặng chăm sóc lẫn nhau mới tạo thành những tiếp nối "Cái này sinh, vì cái kia sinh; Cái này diệt, vì cái kia diệt" để biết đâu mai này, tới sát na vi diệu, cùng thấy nhau qua lăng kính Bát Nhã "Không sinh. Không diệt..."

Huệ Trân – Hạnh Chi
(Tào-Kê tịnh thất – một sáng nắng lên, sau những ngày mưa tuyết)

VỊ PHẬT CỦA CHÍNH MÌNH

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

(Phỏng dịch theo "Zen Fables for Today" của Richard McLean)

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Một chàng trẻ tuổi đầy nhiệt tâm bỏ cả trường học và cha mẹ, liều lĩnh dấn sâu vào cuộc đời và mong cầu đạt được giác ngộ với một ông thầy uyên bác sống bên kia núi.

Chàng gói ghém hành trang và bắt đầu chuyến đi vất vả và dài ngày rồi bỗng bị một cơn bão tố ập tới tại chân đồi. Nhìn thấy làn khói do lửa cháy bốc lên, chàng trẻ tuổi lần mò tìm đường đến và thấy một túp lều nhỏ, nơi đó có một vị ẩn sĩ thánh thiện ngồi trong cây.

Ẩn sĩ hỏi: "Con mong cầu tìm cái gì?"

Chàng trẻ đáp lời: "Thưa con muốn lãnh hội tâm Phật."

Ẩn sĩ nói: "Vậy thì tại sao con lại mất thời giờ với một vị thầy nổi danh trong khi ta có thể giúp con tiếp xúc với một ông Phật thật - một vị đã thực sự giác ngộ."

"Thưa đúng vậy sao?"

"Đây là những chuyện con phải làm: Sáng mai đi trở lại con đường mà con đã theo để tới đây. Khi con thấy một người khoác chiếc mền trên đôi vai và tay cầm một cái đèn, chân xỏ lộn giày, con sẽ biết đó là ông Phật của con và con nên học hỏi sự thông thái từ nơi vị đã giác ngộ đó."

Dù cho mặt trời chưa mọc, anh chàng liền khởi sự trở lại. Chàng dừng lại tại những chỗ mà chàng đã dừng trước đây. Chàng nhìn vào từng người mà chàng trông thấy, ngó kỹ chân người ta và chú ý xem họ mang giày thế nào. Không thấy Phật.

Chàng đi mất hai ngày và cho đến một đêm khuya dưới trăng sáng chàng thấy mình trở về đúng ngay bậc cửa của chính căn nhà mình, tại đó chàng bèn gõ cửa.

Chàng la lên: "Mở cửa cho con vào. Chính con đây!"

Bên phía trong cửa có tiếng người cất lên: "Ồi, mẹ thật vui mừng thấy con về nhà."

Hãy tưởng tượng ra sự kinh ngạc của chàng trai khi nhìn thấy mẹ ra đón mình, tay cầm đèn, chiếc mền khoác phủ trên chiếc áo ngủ của bà. Trong khi vội vã bà đã xỏ lộn dép vào hai chân.

Như một cuốn phim quay ngược lại, chàng trẻ tuổi nhiệt tâm đã tìm thấy "Phật" của chàng. Chẳng cần thực hiện một cuộc hành trình tới một tu viện Nhật Bản chúng ta cũng có thể tìm được những vị "Phật" của chính chúng ta gần gũi hơn ta tưởng.



TRỞ VỀ MỤC LỤC

“TU” TRONG ĐẠO PHẬT

Thích Nữ Hằng Như

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



I. “TU” LÀ GÌ?

Chữ “tu” có nghĩa là “sửa đổi” hay “thay đổi”. Sửa chữa những hành vi bất thiện sai lầm để bản thân trở nên tốt đẹp và lương thiện hơn. Cái tốt đẹp và lương thiện ở đây dựa trên nền tảng đạo đức không tổn hại người, không tổn hại mình, không tổn hại cả đôi bên.

Nếu vô tình hay cố ý phạm lỗi lầm gây phiền não cho một người nào đó, hay làm tổn thương bất cứ một con vật nào, người ấy cảm thấy hối hận và có hành động sửa sai bằng cách xin lỗi, bù đắp sự tổn thương cho nạn nhân và nguyện trong lòng sẽ không bao giờ tái phạm nữa. Hành động sửa sai tích cực này gọi là “tu”. Người sống ở đời mà giữ được tâm trong sạch, luôn có những hành động lời nói thiện lành, hiếu thảo với ông bà cha mẹ, chung thủy với người bạn đời, chăm sóc con cái tử tế... thì đó cũng là một hình thức “tu” tại gia vậy!

Nghĩa chữ “tu” không chỉ là sửa đổi hành động từ xấu sang tốt, mà chữ tu còn mang ý nghĩa là “thực tập” hay “hành trì” một pháp môn nào đó. Chẳng hạn như một người sống trong thiên viện ngoài vẫn để học hỏi kinh điển, người ấy tinh cần trong việc hành trì giới luật, thực tập phòng hộ các căn, tiết độ ăn uống, thực hành tứ thiền v.v... người đó được gọi là “người đang tu”. Như vậy chữ “tu” ở đây còn có nghĩa là “hành trì tu tập”, “giữ gìn thiện pháp”, “buông bỏ ác pháp”...

II. PHÁP “TU” CỦA CƯ SĨ TẠI GIA

Phật tử tại gia phát nguyện nương tựa vào Tam Bảo, thọ trì năm giới là điều cần thiết để tu. Những giới đó được kể như sau:

- **Giới thứ nhất** tại sao Đức Phật dạy **không được sát sanh**? Ở đời có loài hữu tình nào không

ham sống sợ chết. Là người có tình cảm, chúng ta yêu quý sanh mạng của mình, tôn trọng sanh mạng của người thân mình, thì không có lý do gì hại sinh mạng người, vật, đang sống xung quanh mình. Chẳng những không giết hại sinh mạng của chúng sanh, mà còn phải hết sức cứu giúp bảo vệ mạng sống của mọi người, mọi loài. Không thể thấy sinh vật hay người bị nạn mà làm lơ không cứu. Ngày nay có nhiều Phật tử chọn trường chay trong việc ăn uống, lại thường hay phóng sanh cá, rùa, ếch nhái, chim muông v.v... cho chúng được tự do thoát khỏi cái chết đang đe dọa. Đó là những việc làm từ bi nhằm bảo vệ sinh mạng loài hữu tình, dù chúng chỉ là loài động vật.

- **Giới cấm thứ hai là không được trộm cắp lấy của không cho.** Tiền bạc của cải là mạch sống của con người. Muốn cho đời sống được bảo đảm người ta phải làm việc cật lực mới kiếm được đồng tiền nuôi sống gia đình. Nếu bị kẻ xấu trộm mất, thì gia đình người ta lâm vào hoàn cảnh túng thiếu, nhất là những gia đình không được dư dả. Thủ đặt mình vào hoàn cảnh kẻ bị trộm thì mình có đau khổ hay không? Cho nên người tu chân chánh thì không được phạm giới trộm cắp, ngược lại nên bố thí giúp đỡ những hoàn cảnh ngặt nghèo, khó khăn, trong khả năng của mình.

- **Giới cấm thứ ba là không tà hạnh** mà phải sống với chánh hạnh. Tà hạnh đây là xâm phạm đến tiết hạnh của người khác. Người giữ được giới này bảo vệ được hạnh phúc gia đình. Nếu vợ hoặc chồng chia sẻ tình cảm, liên hệ tình dục với người ngoài, sẽ biến gia đình đang hạnh phúc trở thành địa ngục trần gian, nơi gương xấu cho con cháu. Cho nên mình muốn bảo vệ tình cảm gia đình mình, thì không nên phá hoại tình cảm gia đình người khác.

- **Giới cấm thứ tư là không nói dối.** Sống trong một nhà, chồng vợ nói dối với nhau nhiều lần, khi bị phát giác sẽ làm mất niềm tin yêu của nhau, cuộc sống không còn tự nhiên, là một trong nhiều cơ hội dễ đưa tới sự tan vỡ. Ngoài cộng đồng, nơi công sở, mình có tật hay nói dối, sẽ có một ngày người ta biết được. Thế là mình sẽ bị mọi người ghét bỏ và xa lánh. Cho nên Đức Phật dạy sống ở đời không nên nói dối, không nói lời lường gạt để thủ lợi, hay chia rẽ người này với người kia, không nói lời hung dữ, tục tằn mà nói lời thanh tao nhẹ nhàng và chân thật.

- **Giới thứ năm là không uống rượu mạnh,** ngày nay thuốc phiện, xì ke, ma túy hay những loại thuốc làm thần kinh mê muội, cũng được kể vào giới cấm này. Chất rượu mạnh làm tổn thương nội tạng của người ghiền rượu, làm cho tâm thần người say rượu không phân biệt được phải trái, đúng sai, nên có những hành động lời nói mất lý trí gây tổn hại đến người khác. Ngoài ra, người

“nhậu say” lái xe trên đường phố thường gây tai nạn chết người. Khi chuyện đau lòng xảy ra, có hối hận cũng vô ích. Vì thế người nào ghiền nhậu nhẹt, tham dự vào các trò chơi xì ke, ma túy... là người đã phạm giới.

Gút lại, bước đầu vào đạo, Đức Phật dạy chúng ta phải giữ năm giới. Người tu năm giới là người sống đạo đức ngoài đời cũng như trong đạo. Đạo đức vì người này đã mang niềm vui, hạnh phúc cho người hay vật sống quanh mình. Khi tạo niềm an lạc hạnh phúc cho người khác, thì chính bản thân mình cũng sẽ hưởng được niềm an lạc hạnh phúc như người ta. Đó là nói khi còn sống trên cõi đời này, đến khi thân hoại mạng chung sẽ sanh về cõi lành. Cõi lành đó, có thể là cõi người, nhờ nhân thiện trong đời sống hiện tại sẽ sanh quả tốt trong đời sống tương lai, được trường thọ, an lạc, hạnh phúc v.v... hay cao thượng hơn được sanh lên cõi trời hưởng phước.

III. “TU” GIÁC NGỘ GIẢI THOÁT

Tùy theo căn cơ và nguyện vọng của mỗi chúng sanh, trong đạo Phật có nhiều pháp tu cao thấp, khó dễ... khác nhau. Cư sĩ bình thường thọ trì năm giới giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, làm lành lánh dữ, đưa đến kết quả là ngay trong đời sống này, họ được hưởng niềm an vui hạnh phúc. Nhưng có nhiều người muốn tiến xa hơn, mục tiêu của họ là hướng tới giác ngộ giải thoát, những vị đó từ bỏ đời sống gia đình gia nhập vào đoàn người xuất gia học Phật.

Tu giác ngộ giải thoát ngoài việc giữ thân khẩu ý thanh tịnh, Đức Phật dạy các vị ấy phải tu tập và thành tựu các pháp thuộc Giới-Định-Huệ như sau:

1. Giới hạnh: Đầu tiên Đức Phật dạy người tu sĩ phải nghiêm trì Giới hạnh. Người giữ giới hạnh là người thọ trì các Giới do Đức Phật chế lập. Người ấy có đầy đủ oai nghi tế hạnh, thấy sự nguy hiểm của những lỗi từ nhỏ nhặt đến lỗi nặng ảnh hưởng đến đời sống đạo đức nên không dám phạm. Tu sĩ nam tức Tỷ-kheo thọ trì 250 giới. Tu sĩ nữ tức Tỷ-kheo-ni thọ trì 348 giới.

2. Hộ trì các căn: Pháp kế đến, Phật dạy người tu phải lo phòng hộ các căn. Các căn đây chính là sáu giác quan của con người. Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu căn này là sáu cánh cửa tiếp nhận sáu trần cảnh, nó có khả năng đưa con người đến cảnh giới thanh tịnh giải thoát, hay cảnh giới trầm luân khổ đau, tùy nơi sự tu tập thân tâm của người đó. Thông thường khi giác quan tiếp xúc với trần cảnh, ngay lúc đó tâm liền khởi lên tham ái, ưu bi, lo lắng hay phiền não... Đó là thói quen của người chưa biết tu pháp phòng hộ các căn.

Muốn thoát khỏi phiền não, Đức Phật dạy phải hộ trì các căn, tức giữ cho các căn không bị động bằng cách khi tiếp xúc với đối tượng không nắm giữ tướng chung, cũng không nắm giữ tướng riêng. Nghĩa là khi mắt thấy, tai nghe, lưỡi nếm, mũi ngửi, thân xúc chạm, chỉ biết cái đang là của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tức là tai nghe âm thanh chỉ biết đó là âm thanh. Mắt thấy sắc chỉ biết đó là sắc.

Lưỡi, mũi, thân tiếp xúc với vị, hương, mềm mại mát mẻ như thế nào thì biết như thế thôi, không suy nghĩ phán đoán gì thêm. Tập như vậy lâu dần tâm sẽ không có phản ứng khi các căn tiếp xúc với



đối tượng. Đó là cách phòng hộ các căn. Khi các căn không động, thì tâm hành giả sẽ được yên lặng.

3. Tiết độ ăn uống: Ăn uống điều độ không ham thích chọn lựa thức ăn cầu kỳ hợp khẩu vị để trị tánh tham sân. Vấn đề ăn uống ở đây chỉ nhằm giúp duy trì bảo dưỡng thân không bị bệnh đói hành hạ, có thân khỏe mạnh để chấp trì phạm hạnh.

4. Chú tâm cảnh giác: Trong mọi sinh hoạt ban ngày cũng như ban đêm. Khi kinh hành, tọa thiền, tu tập trong bốn oai nghi, tâm trí gột khỏi các chướng ngại pháp như năm triền cái. Đó là từ bỏ tham, sân, tăng lòng từ mẫn thương xót chúng sinh hữu tình. Từ bỏ hôn trầm, tâm luôn tỉnh giác. Từ bỏ trạo cử, nội tâm được yên lặng. Từ bỏ nghi ngờ đối với các thiện pháp, vị ấy thoát khỏi sự phân vân lưỡng

lự thẳng tiến một đường tu.

Ngoài ra còn có bảy điều pháp người tu cần thành tựu đó là:

1. Tín: Có lòng tin ở sự giác ngộ của Đức Phật. Ngài là bậc A-La-Hán, Chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiên thụ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

2. Tâm: Có lòng tự trọng, ghê sợ điều xấu xa tội lỗi.

3. Quý: Cảm thấy xấu hổ khi dư luận biết mình làm điều xấu ác.

4. Đa văn: Nghe, nhớ, tích lũy những lời Phật dạy bằng cách hành trì tụng đọc, áp dụng vào việc tu tập hằng ngày.

5. Tinh tấn: Siêng năng, chuyên cần tu tập, hướng tâm đến việc thành tựu các thiện pháp, xa lìa các bất thiện pháp.

6. Niệm: Thành tựu niệm tuệ tối thắng. Biết rõ những gì xảy ra ngay trong thực tại.

7. Trí tuệ: Trí biết rõ vô thường, khổ, vô ngã, biết rõ sự sinh diệt của ngũ uẩn.

Khi thành tựu những pháp nêu trên, Đức Phật khuyên các hành giả tìm chỗ thanh vắng tu tập thiền Định. Hành giả ngồi kiết già, đặt chánh niệm trước mặt, từ bỏ năm pháp ô nhiễm làm yếu ớt sự phát huy trí huệ đó là tham, sân, hôn trầm, trạo cử, hoài nghi – thuật ngữ gọi là năm triền cái.

- **Sơ thiền:** Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc, do ly dục sanh. - **Nhi thiền:** Tâm tứ yên lặng, trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. - **Tam thiền:** Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Thân cảm sự lạc thọ, mà bậc Thánh gọi là “Xả niệm lạc trú”. - **Tứ thiền:** Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước. Tâm trở nên bất động. Chứng và trú tầng thiền thứ tư. Không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Phật dạy, hành giả cần tu tập cho đến khi chứng đắc bốn tầng thiền một cách dễ dàng, không khó khăn, không mệt mỏi, không phí sức.

Trên đây là các pháp học pháp hành, Đức Phật

giảng dạy cho bậc hữu học, tâm chưa thành tựu vô thượng an tịnh các triển ách.

Sau khi thành tựu những pháp nêu trên, bậc Thánh còn phải công phu để tiến xa hơn, đoạn tận lậu hoặc, phát huy trí huệ tâm linh, chứng được ba minh: Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lậu tận minh. Đến đây, việc tu hành đã hoàn mãn, các việc nên làm đã làm, đặt gánh nặng xuống. Các Ngài chứng quả A-La-Hán, không còn luân hồi sinh tử nữa.

IV. BỐN THÁNH QUẢ TRONG ĐẠO PHẬT

Con đường tu tập để thành tựu các Thánh quả trong đạo Phật là: Giới-Định-Huệ. Như giới thiệ ở phần trên, giữ Giới là pháp tu đầu tiên cho cả cư sĩ và tu sĩ. Giới là phương thức phòng hộ giác quan, trợ duyên cho thiền Định. Tu Định là an trú vào các đề mục để thanh lọc và tịnh hóa tâm. Tâm định, tăng tiến từ Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền đến Tứ thiền.

Từ tứ thiền hành giả chuyên tâm tu tập thiền Huệ, quán Vô thường, Vô ngã đoạn trừ năm hạ phần Kiết sử (*Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ, Dục, Sân*) và năm thượng phần Kiết sử (*Hữu ái, Vô hữu ái, Man, Trạo cử và Vô minh*) để lần lượt chứng đắc bốn quả Thánh:

1. Sơ quả Tu-Đà-Hoàn (còn gọi là Dự lưu, Nhập lưu hoặc Thất lai): Bậc Tu-Đà-Hoàn đặc pháp nhân, thấy được thân tâm vô thường đẹp được Thân kiến. Hiểu rõ Phật, Pháp, Tăng, dứt trừ hoài nghi về Tam Bảo. Tuyệt đối tin vào Nhân quả, vị ấy trí Giới, bố thí, tham thiền... không còn mê tín. Tu thiền Quán bậc Tu-Đà-Hoàn dẹp sạch ba Kiết sử đầu là Thân kiến, Nghi và Giới cấm thủ, chứng Sơ quả Tu-Đà-Hoàn, gọi là Thất lai, vì còn tái sanh 7 lần để tiếp tục tu tập chứng đạt quả tối thượng.

2. Nhị quả Tư-Đà-Hàm (Nhất lai): Quả vị này đã đoạn tận được ba Kiết sử đầu là Thân Kiến, Nghi và Giới cấm thủ. Hộ trì các căn làm suy yếu hai Kiết sử kế tiếp là Tham Dục và Sân hận chứng quả Tư-Đà-Hàm, còn một lần tái sanh để tiếp tục tu tập chứng đắc quả tối thượng nên gọi là Nhất lai.

3. Tam quả A-Na-Hàm (Bất lai): Quả vị này đoạn trừ 100% năm hạ phần kiết sử: Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ, Dục và Sân. Bậc A-Na-Hàm còn gọi là Bất lai vì không còn tái sanh vào cõi dục. Sau khi thân hoại mạng chung, thường sanh vào cõi Sắc hoặc Vô sắc. Từ đó tu hành và chứng quả tối thượng.

4. Tứ quả A-La-Hán (Bất sanh): Quả vị đã đoạn trừ hoàn toàn mười Kiết sử, gồm năm hạ phần Kiết sử kể trên và năm thượng phần Kiết sử: Hữu ái, Vô hữu ái, Man, Trạo cử và Vô minh.

Hữu ái tức là còn luyến ái sự hiện hữu trú vào cõi Sắc. Vô hữu ái tức thích sự không hiện hữu, ưa trú nơi cõi Vô Sắc. Nói cách khác tham đắm vào cõi Sắc và Vô Sắc là sự tham đắm vào bốn tầng thiên-na Hữu sắc và bốn tầng thiên-na Vô sắc tức là còn tưởng, còn tham. Man là tâm còn chấp sự chứng đắc. Trạo cử là sự vấy động vi tế của tâm, kể cả sự thao thức về chứng ngộ. Vì còn vi tế lậu hoặc nên vẫn còn vi tế Vô minh. Phải đoạn trừ sạch sẽ lậu hoặc thì mới chứng được quả Bất sanh. Gọi là Bất sanh vì chứng đắc giải thoát, an trú Niết-bàn không còn luân hồi nữa.

V. KẾT LUẬN

Mục đích của Phật Giáo là đoạn tận khổ đau,

chứng đắc Thánh Quả giải thoát khỏi luân hồi sinh tử. Trên lộ trình tu tập các vị Thánh đệ tử của Phật phải đoạn trừ mười Kiết sử thông qua việc áp dụng tam vô lậu học: Giới-Định-Huệ.

Trong kinh có dạy người cư sĩ tại gia cũng có thể tu đắc quả A-La-Hán. Muốn đắc quả vị A-La-Hán, vị cư sĩ này đã thực sự cắt đứt tất cả những ràng buộc tham ái về tình cảm gia đình, cũng như vật chất thế gian, và con đường tu tập cũng phải vượt qua lộ trình đoạn tận mười Kiết sử, dẹp sạch lậu hoặc như lời Phật dạy. Nhưng khi chứng quả A-La-Hán, vị này phải xuất gia làm Tỷ-kheo, hoặc chủ động viên tịch ngay. Lý do là hình tướng tại gia không xứng với phẩm vị A-La-Hán. "*Kinh Milinda Vấn Đáp*" có ghi lại nguyên văn về vấn đề người tại gia chứng A-La-Hán như sau: "*Người tại gia nào đạt đến phẩm vị A-La-Hán, đối với vị này chỉ có hai lối đi, không có lối khác: Xuất gia nội trong ngày ấy, hoặc viên tịch Niết-bàn, ngày ấy không thể vượt qua*". (hết trích)

Bài viết này dựa trên kinh Nikāya nhằm cung ứng một vài khía cạnh cần biết trên đường tu học của thiền sinh Phật tử muốn tìm hiểu lộ trình tu tập trong đạo Phật như thế nào. Thực ra, trên con đường tu hướng đến giải thoát giác ngộ, Đức Phật có rất nhiều phương thức, tùy căn cơ của mỗi người mà Ngài chỉ dạy, nhưng phương thức nào cũng phải thông qua Giới-Định-Huệ. Trước khi rời bàn viết, chúng tôi nguyện chúc lành đến tất cả quý độc giả, quý Phật tử có duyên lành với Phật pháp, sớm lãnh hội được pháp học và pháp hành, sống một đời từ bi, trí tuệ, và hạnh phúc.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(March 06-2024 - An cư Kiết Xuân tại TV. CHÂN NHƯ, Texas)

Tài liệu:

- *Kinh Trung Bộ I, Bài 39 và 40: Kinh Xóm Ngựa.*
- *Kinh Trung Bộ II, Bài 53: Kinh Hữu Học; Bài 61: Giáo Giới La-Hầu-La ở rừng A-bà-la; Bài 62: Đại Kinh Giáo Giới La-Hầu-La.*
- *Kinh Trung Bộ III, Bài 147: Tiểu Kinh Giáo Giới La-Hầu-La- Kinh Milinda Vấn Đạo: "Câu hỏi về người tại gia chứng A-La-Hán".*



RẪM THÁNG GIÊNG

*Bóng trắng trái xuống đại ngàn
Tâm vô ngại - hạt Kim Cang trắng mầm
Hải hà dòng suối đan tâm
Thơm lừng Bát Nhã hương trầm Đế Châu
Nguyên lai từ buổi sơ đầu
Nhìn tứ hướng - cuộc bể dâu phận người...*

THẦN CHÚ

*Thần chú? Làm sao giải nghĩa
Tay Phật cảm ứng tùy cơ
Thế gian mịt mù mộng tưởng
Chờ mong suối hạnh tràn bờ*

*Trăm năm cũng là hữu hạn
Trùng trùng tiếp nối kiếp sau
Nguồn cơn buồn đau sinh diệt
Chở che đước tuệ nhiệm màu*

*Ngày mai không chừng đã muộn
Tứ thời kẻ cận sát na
Ngũ liên trống đồn biên ải
Đợi ai một bóng giang hà*

*Yết Đế - Ba La Yết Đế
Đắm chìm trong cuộc sinh ly
Đừng hỏi tiếng chuông còn – mất
Pháp môn Bất Khả Tư Nghị*

*Lần giờ trang kinh trì tụng
Hồn còn nửa tỉnh nửa mê
Canh khuya đọc câu thần chú
Đuốc tôi? Tự thắp mà về...*



THỨC GIẢ

*Sư ngòi Pháp thoại dưới trăng
Tịnh yên dòng chảy sông Hằng trở khuya
Cành Lá Bối - giọt đầm đìa
Sóng Bỉ ngạn - buổi tình chia tràn bờ
Dạt dào cành nhánh ấu thơ
Hốt nhiên định huệ tới giờ nguyên khai
Thức giả thiên tọa đêm dài
Dưới trăng - đã cuộc trần ai - già từ...*

thơ XUYÊN TRÀ

Cười Vời Nắng Một Ngày Sao Chóng Thế (*)

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Thầy Tuệ Sỹ, nơi bàn làm việc tại chùa Già Lam
Photo by nt khánh minh (2009)

Vâng, chóng đến nỗi tôi nghĩ đó là giấc mộng, giấc mộng thiên hào quý báu quá khiến tôi tiếc ngẩn ngơ sao chóng đến vậy.

Đó là buổi ra mắt tập thơ của tôi tại quán cà phê Du Miên. – Chỉ với 50 ấn bản Bùa Hương do Ý Thức Bản Thảo ấn hành 2009 – với sự có mặt của các anh chị Đỗ Hồng Ngọc-Ngọc Bích, Lê Ký Thương -Kim Quy, anh Nguyễn Minh và anh Lữ Kiều, và tôi. Bảy người, đối với riêng tôi, số 7 khiến tôi liên tưởng đến bảy sắc cầu vồng, bảy nốt trong âm nhạc, thất bảo, của một buổi sáng tuyệt vời.

Và bản quý duy nhất, Bùa Hương, được ấn chứng bằng những chữ ký thân tình. Buổi sáng đắm hương bằng hữu. Nó không chỉ chấm dứt vào buổi trưa khi chia tay. Nó kéo dài cho tới bất cứ lúc nào hồi ức tôi lay động.

Sau buổi sáng, anh Lữ Kiều bảo, giờ anh sẽ đưa em đến chùa Già Lam, – Thầy Tuệ Sỹ ạ? – Ủ, mình cùng đi với Giai Hoa.

Lòng tôi vừa bồi hồi vừa lằng lằng khó tả. Run run. Vì sắp được gặp một người mà mình nghĩ rằng khó có cơ hội được diện kiến. Chùa Già Lam. Có đóa sala rụng ở sân chùa, cầm trong tay thơm ngát. Ép vào sách, đến giờ giờ ra còn nghe thơm. Thơm phút giây nhất nó ở sân chùa, thơm vì nó cùng tham dự với tôi buổi trưa đọc nhất ấy, nơi có vị sư của những lời thơ Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ/ Thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn... (Tuệ Sỹ, Không ĐỀ) Đã bao trăng tàn bên chiếc lan can này nghe Sư nói chuyện một mình? Hai bóng sáng hòa âm trong đêm, để lại cho đời những lời thơ bất hủ, theo mãi trong lòng người hình bóng một vị chân tu.

Chúng tôi ngồi ở đó, ban công trước phòng Sư, trông xuống một vườn cảnh nhỏ, gió buổi trưa hiu hắt, trái tim tôi như chiếc lá bay. Sư và anh Lữ Kiều, Giai Hoa đang bàn về chương trình buổi ra mắt tập thơ Những Điệp Khúc Cho Dương Cầm, tập thơ tôi được Sư tặng sau đó.

Tôi tặng Sư tập thơ Bùa Hương, và tôi có được chữ của Sư trong bản duy nhất kia. Chữ của Sư, chữ Hán lẫn Việt, lấp lánh dưới nắng trưa: Ngược xuôi nhớ nửa cung đàn/ Ai đem quán trọ mà ngăn nẻo về. Nét chữ có linh hồn của sự cương nghị bất khuất và u ẩn một điều cứu mang...

Mỗi khi giờ xem lại nét chữ ấy lòng run run như đang mở xem điều gì đó vô cùng quý báu.

– Giai Hoa là người phụ đạo piano cho thầy-. Anh Lữ Kiều nói. Rồi, chúng tôi được nghe và thấy Sư ngồi đàn, một Nhà Thơ gỗ trên phím những nốt nhạc của tâm hồn, Sư ngồi đó, Sư đang ở đó, như vừa mới đến, như vừa ra đi trong âm ba tiếng nhạc. Không gian thời gian như nhập lại một dòng trôi vi diệu vô thường...

Năm tháng vẫn như nụ cười trong mộng... ôi, Như Lai đâu có đi có đến...

Thời gian tiếng dương cầm, giờ như đang đọng từng hạt vàng trong nắng Già Lam. Đó Ngày Mộng của tôi. Ngày mộng khởi duyên cho bao thiện lành trong từng bước tu hướng về Người...



NT Khánh Minh & Thầy Tuệ Sỹ

ĐÌNH ĐÁ NÀY VÀ HẠT MUỐI ĐÓ CHƯA TAN
(Tuệ Sỹ, Khung Trời Cũ)

Tôi kính ngưỡng nỗi u ẩn trong tình tự hạt muối chưa tan. Ôi biển đời kia xô động...

Cũng vì vậy, đọc thơ Tuệ Sỹ, tôi cứ thấy hình ảnh con đường dài, và muôn dặm bóng cô lữ một khung trời viễn mộng dang dặc nổi ưu tư,

*Trời viễn mộng đọa đày đi mấy thuở
Mộng kiều hùng hay muối mặn giữa trùng khơi*
(Những Điệp Khúc Cho Dương Cẩm)

Bước độc hành như sương hạt rơi khuya, như tiếng mõ trầm trầm hun hút ở rừng thẳm, ở núi cao... nhưng khó làm sao để tưởng tận cái chấp chới của vạt áo tỳ khưu đẫm ánh trăng đêm, của một vì sao bên khoé miệng rưng rưng, thấp thoáng ẩn hiện. Hiện lên Người và ẩn một cõi thơ tịnh tĩnh. Khó làm sao lọt được vào cõi im lặng tùy đá ấy...

Có chăng, tôi lần theo bằng nhịp đập của trái tim thơ khởi đi từ hạt lệ mở đường,
Thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn...

Cô quạnh và tự tại của hạt lệ đèn hòa thanh ánh trăng, và câu chuyện gì khiến thế gian nhỏ lệ? Đọc thơ Người thấy mình nhỏ bé quá dưới cái huyền lồng, hay chỗ nào, vì sao hay, hỏi như hỏi mây xanh bay, theo như đuổi dòng nước trôi hoài kia. Chuyện trăng tàn là chuyện gì, chưa nghe thấu nỗi đã rúng động. Trăng tàn giạt mình sững sờ cái núi lạnh biển im, tấm lòng băng khiết?

*Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở
Đình đá này và hạt muối đó chưa tan...*

Hỏi, tại sao, vì dấu lòng muối kiên định... để bất khuất chưa tan?

Tưởng chỉ là Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ, bỗng vắng trắng vụt sáng mới hay Lãng du ai ngờ cô liêu bạc đầu! (Tóc huyền) Cô liêu tóc trắng ấy cũng ngang ngửa với cái cô quạnh nghìn năm viên đá cuội. Nghe quá cảm khái trong câu hỏi hồn tôi đâu...

*Viên đá cuội mấy nghìn năm cô quạnh
Hồn tôi đâu trong dấu tích hoang đường?*
(Dạ Khúc)

Hay đó là mệnh mang sầu của cánh mỏng về đâu, là chiếc lá xa mùa đau lòng phận nước?

*Con bướm nhỏ đi về trong cánh mỏng
Nhưng về đâu một chiếc lá xa mùa...*
(Mưa cao nguyên)

*Tôi sứ giả hư vô
Xin gửi trong đôi mắt bà
Một hạt cát
(Hạt cát)*

Sứ giả của hư vô, gửi vào đôi mắt một hạt cát, để khơi lệ huyền mộng rục rờ không dấu chấm hết? Một hạt cát chứa vô biên không gian thời gian.

Tất cả câu hỏi về thơ Người, chỉ có thể tìm được câu trả lời qua những bước chân cô độc kiên trì trên con đường dài Người đã đi, qua tấm lòng băng khiết Người đã sống với Đạo với Đời, qua nếp sống giản dị thanh bạch của hạt cát tinh tuyền, giờ hạt cát ấy đã lỏng lẻo hư vô, nhưng âm thanh của cát vẫn vang động. Nếu chúng ta cùng nghe được âm vang

MƯA TRƯỜNG SƠN

*Chân bước đi đất buồn mây khóc
Lệ mặt trời hâm nóng tà dương
Mỗi đêm sống nghe đời vắng lặng
Trời âm u rừng núi xạc xào.
Một chiếc nón chiều buồn cung kính ngã
Gió bên lè hiu hắt ngóng xa xa
Tiếng chim hót sao bỗng vừa lạnh giá
Bàn tay ai sao buông thả dịu dàng.
Gió vẫn thổi bên lè hiu hắt
Một vòng tròn ngũ sắc đong đưa
Chiếc áo mỏng không che mùi sương gió
Bóng chiều qua vội vã kiếp vô thường.
Ánh mắt ấy trầm tư lượng thứ
Đời chôn vùi biển mặn trăm sông
Một bước tới không thôi chấp ngã
Tường thành kia lữ thứ can trường.
Ngâm một chút ngâm ngùi bất chợt
Đêm Trường Sơn mưa ngủ hay không!*

thơ TITI VŨ

(Tưởng niệm bách nhật HT Tuệ Sỹ)

của một hạt cát thì sứ giả hư vô ấy là trái tim son sắt của Người.

NHỚ BUỔI NGHE SƯ ĐÀN

*Buổi trưa ngồi nghe sư đàn
Trầm con lá rớt. Tình tang cõi ngoài
Mùa đâu hốt đã thu phai
Một phương viễn mộng. Đọa đày*. Bao thu*

Viên đá cuội nghìn năm. Ru
Niềm cô quạnh. Dấu biệt mù. Âm xưa
Trăng tàn nhỏ lệ đèn khuya
Hắt con bóng dựng đá chờ nước non*

*Áo tỳ khưu. Dặm mồi mòn
Trùng khơi. Hạt muối đó còn chưa tan...*

(Nguyễn Thị Khánh Minh, 9.2020)

* Thơ Tuệ Sỹ, bài Không Đè.

** Thơ Tuệ Sỹ: *Trời viễn mộng đọa đày đi mấy thuở... Viên đá cuội mấy nghìn năm cô quạnh/ Hồn tôi đâu trong dấu tích hoang đường...*

TUỆ SỸ, MỘT VỊ BỒ TÁT, HAY MỘT TRÍ GIẢ CỦA THỜI ĐẠI CHÚNG TA

Nguyễn Bá Chung

Nguyên tác tiếng Anh: Tuệ Sỹ, a Bodhisattva, or an Enlightened Being, of Our Time
TÂM QUẢNG NHUẬN | Bodhi Media lược dịch

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tôi biết Thầy Tuệ Sỹ đã lâu và đã gặp mặt Thầy bốn lần ở Việt Nam. Tôi đã nghe về tình trạng sức khỏe của Thầy hơn một năm trước và niềm hy vọng của tôi ngày càng giảm với tình trạng điều trị của người. Khi Thầy nói với tôi rằng không biết liệu mình có sống sót để xem cuốn sách (Dreaming the Mountain - Giấc Mơ của Núi) được in hay không, tôi ngay lập tức thông báo cho Nhà xuất bản Milkweed và hỏi liệu tốc độ xuất bản có được đẩy nhanh hay không. Tôi rất biết ơn vì nxb Milkweed đã điều chỉnh quá trình biên tập và chúng tôi đã có thể gửi cho Thầy Tuệ Sỹ một số bản in đầu tiên của cuốn sách. Khi cuốn sách cuối cùng ra mắt vào tháng 6 năm 2023, Thầy Tuệ Sỹ bày tỏ niềm vui lớn khi được xem nó.

Thầy Tuệ Sỹ chiếm một vị trí đặc biệt trong lịch

sử và văn học Việt Nam ở thời điểm cận đại. Thầy không chỉ là một nhà thơ, ông còn là một nhà thơ Thiền, không phải là "một người con Phật" theo nghĩa bề ngoài, giáo điều, mà là Phật giáo theo ý nghĩa tối thượng, trung thực với lòng tử bi và tình yêu thương dân tộc, quốc gia của mình. Thầy Tuệ Sỹ đã phải chịu đựng đến tận cùng bản thể mình và đã vươn lên đến một tầm cao hiếm thấy ở thời hiện đại.

Thầy không chỉ uyên thâm các tư tưởng và nguyên tắc phương Đông mà còn có kiến thức sâu rộng về triết học và tư tưởng phương Tây. Thầy Tuệ Sỹ là người đầu tiên giới thiệu tác phẩm của Michael Foucault tới độc giả Việt Nam. Là tác giả của hơn 50 tác phẩm dịch kinh Phật cùng các tác phẩm khác về triết học và văn học, Thầy được công nhận là một trong những học giả Phật giáo quan trọng nhất ở Việt Nam. Thầy Tuệ Sỹ cũng là người giảng dạy nhiều bài pháp thoại còn lưu lại trên YouTube.

Thơ Tuệ Sỹ được giới trí thức, nhà văn Việt Nam không chỉ trong nước mà cả hải ngoại đón nhận nồng nhiệt. Thơ người đã được các nhà phê bình, nhà thơ, nhà văn nổi tiếng nhất của Việt Nam đánh giá cao. Bởi những bài thơ của Thầy nói trực tiếp đến sự nghèo nàn tâm linh của đất nước và những khó khăn của chính người trọng việc thay đổi nó. Chắc chắn trong đó có một nỗi buồn nào đó, nhưng đó là một nỗi buồn man mác của một người hùng tâm mang đậm hương vị Thiền.

Khi Tuệ Sỹ xuất bản tác phẩm "Tô Đông Pha, Những Phương Thiên Viễn Mộng" vào thập niên 1970, một sự tái hiện vĩ đại về cuộc đời đầy kịch tính của Tô Đông Pha và nhiều bài thơ đậm chất Thiền của ông, Thầy viết: "Đó là đoạn đường gian nan hiếm trở. Trên đoạn đường đó, thơ ông vang lên những tiếng dội lạ lùng. Khổ đau cùng cực, trộn lẫn với hào khí ngất trời; nhưng lại đượm những chân tình hoài vọng xa xôi." Đó là sự mô tả thích hợp về cuộc đời và thơ ca của Thầy Tuệ Sỹ.

*"Một lần định như sao ngàn đã định
Lại một lần nông nổi vết sa cơ
Trời vẫn vậy vẫn mây chiều gió tĩnh
Vẫn một đời nghe kể chuyện không như
Vẫn sống chết với điều tàn vỡ vinh."
(Hồi Niệm)*

Thầy Thích Phước An kể lại nhiều chuyện đi vào rừng Vạn Giã vào năm 1976 để thăm Thầy Tuệ Sỹ, khi một mình Thầy sống trên mảnh đất mới khai hoang như cách của đồng bào dân tộc thiểu số. Thầy Tuệ Sỹ tự mình xây một túp lều nhỏ, chỉ với chiếc đèn dầu làm bạn đồng hành, ông đã cật lực cày cấy mảnh đất tự chọn được bao quanh bởi rừng



bạt ngàn. Con đường dẫn tới đó là một con đường đất đỏ, lầy lội và trơn trượt vào mùa mưa.

Những năm tháng ấy Thầy Tuệ Sỹ mang theo mình biết bao đau khổ, phần nộ mà không thể chia sẻ cùng ai. Ông thấy mình bị bao vây trong một xã hội đã bị đẩy xuống đất đen và hầu hết những người đồng đạo với ông không thể tự do thực hiện sứ mệnh của hàng trưởng tử Như Lai của mình. Lệnh cấm vận của Mỹ chắc chắn đóng một vai trò quan trọng nhưng chính phủ mới đã phạm sai lầm. Việc đàn áp một giáo hội Phật giáo độc lập không phải là điều mới mẻ; đó đã là một chính sách của chính phủ ở miền Bắc Việt Nam và tiếp tục được áp dụng ở miền Nam với cường độ thấp hơn.

*"Mười năm sau anh bằng rừng vượt suối
Tìm quê hương trên vết máu đồng hoang
Chiều khỏi nhạt như hồn ai còn hận từ
Tùng con sông từng huyết lệ lan tràn*

*...
Và ngày ấy anh trở về phố cũ
Giữa con đường còn rợp khói tang thương
Trong mắt biếc mang nỗi hờn thiên cổ
Vẫn chân tình như mưa lũ biên cương."*

(Những Năm Anh Đi)

Có lẽ điều thể hiện rõ nhất lòng dũng cảm thầm lặng và tinh thần bất khuất của Thầy Tuệ Sỹ là thời điểm cuối cùng ông được trả tự do vào tháng 9 năm 1998. Đó là khi sau hai năm ở trại cải tạo và sau đó là 14 năm tù, chính quyền muốn trả tự do cho Thầy. Nhưng trước khi làm việc đó, họ yêu cầu ông ký đơn xin khoan hồng gửi Chủ tịch nước. Thầy Tuệ Sỹ từ chối, nói rằng, *"Chúng tôi đã không công nhận giá trị của phiên tòa này, tính pháp lý của bản án này, các ông không có quyền giam giữ chúng tôi thì sao lại có quyền khoan hồng hay ân xá chúng tôi."* Lệnh ân xá bị thu hồi. Thầy Tuệ Sỹ tuyệt thực 10 ngày và sau đó được thả.

Trong thư gửi tặng ni trẻ ở Huế vào tháng 11 năm 2003, Thầy Tuệ Sỹ viết:

"Người xuất gia, khi cất bước ra đi, là hướng đến phương trời cao rộng, tâm tính và hình hài không theo thế tục, không buông mình chiều theo mọi giá trị hư dối của thế gian, không cúi đầu khuất phục trước mọi cường quyền bạo lực... Xưa kia, khi vua chúa bắt sự tăng cúi đầu nhận tước lộc của triều đình để làm tôi tớ cho vương hầu, chư Tổ đã sẵn sàng đặt đầu mình trước gươm bén, giữ vững khí tiết của người xuất gia, bước theo dấu chân vô úy, vô cầu, của các Thánh Đệ tử, được gói gọn trong thanh quy: Sa Môn bất kính Vương giả."

Trong những lời đó, chúng ta có thể tìm thấy chính Thầy Tuệ Sỹ, người đã đứng vững trước các thế lực bạo quyền đang dàn trận chống lại mình, người đã giữ bình tĩnh và trung thành với lý tưởng của mình, người đã tiếp tục ủng hộ con đường mà ông tin rằng sẽ mang lại hòa bình và hòa bình thực sự, và hạnh phúc cho mọi người dân Việt. Thầy Tuệ Sỹ, thể hiện qua hành động của mình, là một vị Bồ Tát của thời đại chúng ta.

Thầy Tuệ Sỹ đã rèn luyện mình như thế nào để trở thành một trụ cột vĩ đại của Phật giáo, hiểu sâu rộng trong giảng diễn giáo nghĩa, và xuất sắc trong hành trì miên mật của mình? Thầy Tuệ Sỹ tri ân nhiều thế hệ Chư Tôn tiền bối đã hun đúc giáo dưỡng nên mình:

"Ai có thể nói gì về những gốc cổ thụ ấy, trong bóng soi của dòng nước khi trong, khi đục? Thế hệ học tăng chúng tôi trưởng thành trong bóng che chở

của những gốc cổ thụ như vậy; có người nhận thức được điều đó và cũng có người không hề nhận thức được; cũng không ít người bị nước lũ làm bật gốc, bị cuốn trôi theo dòng đời. Riêng những học tăng trưởng thành dưới bóng sơn môn Huế không ai lại không biết đến một trong những gốc cổ thụ như vậy của rừng Thiên, một thời bằng sự nghiêm khắc đã giữ gìn vững giếng mỗi của Tông lâm."

Truyền thống Phật giáo đó đã được truyền qua hơn hai nghìn năm. Chính truyền thống đó, lối sống này, lý tưởng sống này, tinh thần trò pháp hữu này mà Thầy Tuệ Sỹ muốn gìn giữ cho muôn đời sau. Trên vai Thầy không chỉ là những cá tính riêng của ông mà còn là bóng dáng của hàng ngàn thiền sư có cuộc đời hy sinh quên mình trải dài trong lịch sử Việt Nam.

Thầy Tuệ Sỹ từng viết cho học trò của mình:

"Các con hãy tự hào, với niềm tự hào trong trắng và vô tư của tuổi trẻ, từ thời điểm cột mốc này, đã một lần và mãi mãi đứng thẳng trên đôi chân của chính mình, bằng đôi mắt trí tuệ và hùng lực mà nhìn thẳng không khiếp sợ vào quyền lực xấu ác của thế gian, tự xác định hướng đi cho bản thân để làm những việc cần làm cho chính mình và cho mọi người."

Thơ Tuệ Sỹ là chuyến bay vút cao của con đạibàng mới trong lịch sử văn học, văn hóa Việt Nam. Việt Nam có lịch sử thơ Thiền, trải dài đến tận thế kỷ thứ 10, nhưng chưa có thơ nào giống như thơ Tuệ Sỹ. Những bài thơ của ông vừa có chức năng như một bài hát ai oán của một người bị tổn thương sâu sắc trước những gì đang diễn ra trên thế giới, vừa là một tấm lòng tử bi nhân ái bao bọc tất cả những đau khổ xung quanh nói riêng và của nhân loại nói chung. Điều này thể hiện lòng Đại Bi (Mahakaruna) của Ngài, bao trùm hết tất cả chúng sinh.

Bài viết nhằm ghi nhận lòng nhiệt thành vô biên và sức mạnh tinh thần dũng mãnh của một vị Bồ Tát trong thời đại chúng ta. Thầy Tuệ Sỹ có thể đã rời bỏ chúng ta, nhưng cuộc đời và sự nghiệp của Thầy vẫn là tấm gương sáng cho tất cả chúng ta trong nhiều thập kỷ sắp tới.

Nguyễn Bá Chung

(Tâm Quảng Nhuận | Bodhi Media lược dịch)

Chú thích:

1. Tuệ Sỹ: Tô Đông Pha, Những Phương Trời Viễn Mộng
<https://thuvienhoasen.org/a18688/to-dong-pha-nhung-phuong-troi-vien-mong>
2. Thư Gửi Tăng Sinh Thừa Thiên - Huế
<https://phatan.org/a3835/tuoi-tre-va-tam-tinh-cua-mot-nguoi-thay>
<https://hoavouu.com/p47a22309/4/thu-gui-tang-sinh-thua-thien-hue>
3. Thích Tuệ Sỹ: Cổ thụ trong rừng thiên
<https://thuvienphatviet.com/thich-tue-sy-co-thu-trong-rung-thien/>



BÁNH ÍT LÁ GAI

Tiểu Lục Thần Phong

Nước Việt thống nhất từ bắc tới nam, tuy nhiên mỗi vùng miền lại có những khác biệt về văn hóa, phong tục, sản vật... Vùng duyên hải Nam Trung bộ gồm các tỉnh từ Quảng Ngãi vào đến Khánh Hòa cũng có nhiều nét văn hóa và đặc sản địa phương. Trong số ấy phải kể đến là món bánh ít (hay bánh ích). Bánh ít là món bánh truyền thống lâu đời, có mặt khắp các tỉnh (kể cả miền nam) tuy nhiên danh tiếng nhất vẫn là bánh ít lá gai Bình Định. Điều đó có dấu ấn đậm trong ca dao:

*Muốn ăn bánh ít lá gai
Lấy chồng Bình Định sợ dài đường đi.*

Bánh ít lá gai là món bánh truyền thống không thể thiếu trong ngày giỗ chạp, cúng kỵ, quai đơm và ngay cả những ngày trọng đại lễ lộc, cưới hỏi. Làm bánh ít lá gai coi vậy chứ cũng rất công phu, nguyên liệu chính là lá gai và bột nếp. Cây lá gai là một loại cây cao chừng hai thước, lá to, dày, có lớp lông mịn trên bề mặt lá (hình dáng gần giống lá cây cẩm tú cầu – hydrangea). Cây lá gai sống khỏe, dễ trồng, không cần chăm sóc... chúng phát triển quanh năm. Lá gai hái về, rửa sạch, luộc chín rồi bỏ vào cối giã nhuyễn. Trong quá trình giã lần lượt cho bột nếp và nước đường đã sên sẵn, tỷ lệ lá gai, bột nếp và nước đường đều lệ thuộc vào kinh nghiệm của người làm bánh. Giã lá gai coi vậy chứ không dễ, thanh niên trai tráng giã chừng hai chục nhịp là đuối. Khi tôi còn nhỏ, tôi thấy mấy cậu, dì... giã một lát là vã mồ hôi. Ngoại tôi, một bà già nhưng giã lá gai ngon lành hơn cả đám con cháu. Ngoại có bộ cối chày làm bằng gỗ trắc, xài lâu ngày cả cối và chày mòn lỉnh và bóng loáng lên.

Lá gai sau khi giã và trộn với bột nếp, nước đường đã trở thành một khối to đen bóng trông như một cục đá quý. Bây giờ thì các bà các cô ngồi xúm lại vặt từng cục lá gai chừng nắm tay trẻ con làm bẹp ra để lặn vào giữa những dừa hay những đậu xanh (đã làm sẵn trước). Vắt lá gai gói vào lá chuối hoặc là để tròn, hai đầu lá túm và xoắn lại; hoặc là bẻ lá xếp thành hình kim tự tháp. Bánh ít làm xong bỏ vào xúng hấp cho đến chín. Cái bánh ít mở ra đen tuyền và thơm. Việc làm bánh ít lá gai hay bánh in, bánh thuẫn hay bất cứ loại bánh nào bao giờ cũng có những móm đầu thừa đuôi theo để dành cho lũ bọn nít chờ chực chờ rìa.

Bánh ít, bánh in, bánh thuẫn, bánh trắng... là những món bánh dân dã, truyền thống, làm thủ công không thể thiếu trong đời sống của người Bình Định xưa nay, nhất là những dịp lễ, tết, cúng kỵ, hội hè... Thời đại hôm nay thì theo trào lưu mới, xã hội đổi thay nên cũng ít nhiều mai một.

Bánh ít đi vào văn học dân gian, nhiều ca dao và tục ngữ nói đến. Trong giai thoại văn học dân gian có chuyện kể rằng, một anh học trò người Bình Định sau thời gian trọ học ở kinh đô, khi cận tết thì về thăm quê. Một cô thôn nữ thấy anh học trò thư sinh trắng trẻo, đẹp trai bèn gheo:

*Bánh đây một mâm sao còn kêu ít
Có đi bao giờ lại nói rằng quy
Em đây phận gái nhu mì
Anh mà đối đặng em thì theo không.*

Anh học trò mắc cỡ đỏ cả mặt, tuy nhiên thấy cô gái xinh đẹp lại sính văn thơ, đụng phải sở trường của mình nên nhập cuộc:

*Bánh trắng mỏng lét em bảo bánh đa
Không giáo sao thuẫn, không mực lại in
Học trò chỉ có mảnh tình
Qua đây đối đặng bậu kêu mình được chăng?*

Cô gái không ngờ anh học trò lanh lợi mà còn lém lỉnh, những tưởng mình chủ động nào ngờ trở thành bị động. Cô thôn nữ nghĩ kế hoãn binh nhưng lại ngẫm để ngó cơ hội:

*Anh về thưa má thưa ba
Rằng mai là tết qua nhà ngắm bông.*

Bởi vậy đời có không ít mối tình nên duyên nhờ bánh ít, món bánh truyền thống dân dã lại là ông mai bà mối bắt cầu cho những lứa đôi.

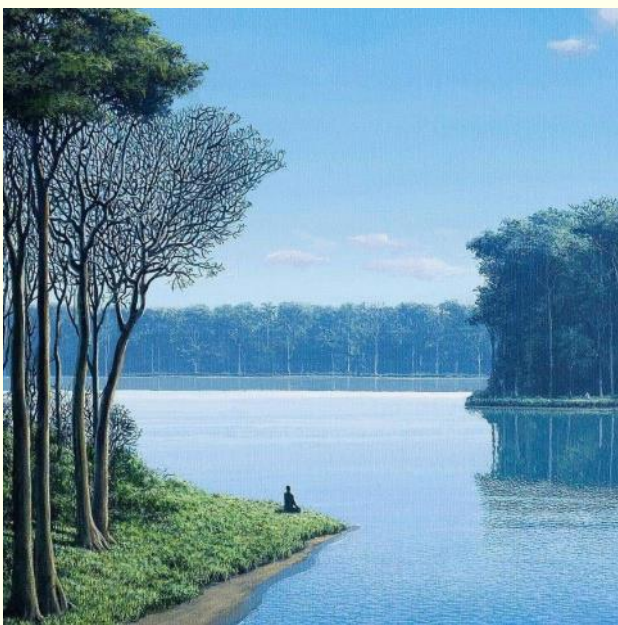
MỘT GÁNH HỒNG TRẦN

*vẽ một khoảng trời xanh bằng ngón tay gầy guộc
tô khuôn mặt đẹp qua ngòi bút bẻ cong
chạy lông bông trong suốt mấy mươi năm
phiêu diêu mê muội chỉ tốn hao giấy mực*

*kiêng tượng lên đôi nhúc lưng rách áo
ôm chuông xuống núi môi rụng hai vai
đắm say thế sự, hát ca bay nhảy
múa may huyền ảo - ngày qua ngày-*

*bút vài cọng cỏ liệng trên dòng suối
lao xao ngủ uẩn, sen nở thành hoa
tâm thức ngoi lên kêu tiếng thật thà
trùng trùng duyên khởi vẽ trăm ánh sáng*

*lang thang núi rừng, cầm quyền kinh tản mạn
son khe nín lặng, bóng thiên sư ngã ánh tà huy
vọng niệm trên vai cồng gánh hồng trần
nghêu ngoao mấy đoạn
trông chờ mãi bàn tay nào phủi sạch?*



THẦN PHỤC THỜI GIAN

*còn sót lại nụ cười gượng gạo
đôi chân đi trên con đường đã mỏi
trong bóng tối của đêm
và bóng mát của ngày
trời đất gán nhau
như chúng ta
trong phút giây nhìn con đường độc
đạo
không gì cưỡng lại
...thương thân...*

*thôi cúi đầu thần phục thời gian
một cuộc đầu hàng không mặc cảm
sẽ không có vết thương và máu
không có giọt nước mắt rơi xuống
mà chỉ là những dòng tiếc nuối
trái tim cũ đã ngậm ngùi*

*địa ngục hay thiên đàng vượt thoát tầm
tay
hình hài của lửa bám vào tình yêu bất
định
làm rơi từng giọt chữ
lặng lẽ thấm trang kinh
qua nhanh như gió
đám bạn già khuất bóng se lòng*

*từ học tới
ngôn ngữ vô thanh ray rứt...*

thơ **THY AN**

tiễn những bạn ra đi

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

ĐẠI HÒA

Ông sinh ra vào lúc nước Nhật suy thoái, đời sống khó khăn, sau khi học xong đại học là lao vào làm việc. Ban đầu lập công ty Kyocera. Ông đã mười một lần thất bại trong việc nghiên cứu vật liệu cách nhiệt (ceramic) dùng trong công nghệ điện tử, máy tính... Ông đã cầu nguyện và tâm thầm nghĩ: "Nếu ta thất bại nữa thì công ty phá sản, toàn bộ nhân viên sẽ thất nghiệp và gia đình họ sẽ khổ sở." Lần thí nghiệm thứ mười hai thành công và sản phẩm của ông được công ty IBM chấp nhận. Sau nữa lập công ty KDDI cũng thành công vượt bậc. Ông và công ty của ông nằm trong top của tạp chí Fortune 500, Forbes Billionaires List... là một tỷ phú nhưng ông sống theo tinh thần Phật giáo, rất lương thiện, tử tâm. Ông đặt ra nguyên tắc sống và làm việc: Vị tha – chăm chỉ – kiên trì.

Sau khi thành công ông phân chia gần hết gia sản cho toàn bộ nhân công của mình và xuất gia làm thiền sư với pháp danh Đại Hòa, mặc áo gai, đội nón tre, chống gậy trúc đi khất thực. Thế rồi khi công ty hàng không quốc gia phá sản, chính thủ tướng Nhật phải "tam khẩu thảo luận" năn nỉ ông ra giúp nước. Ông lần nữa nhập thế, chỉ trong vòng hai năm ông đã vực dậy hãng hàng không quốc gia (JAL) và làm cho nó phát triển rực rỡ. Ông đã thành lập quỹ Inamori - có thể xem tương đương với giải Nobel của phương tây. Ông là bậc kỳ tài có tấm lòng Bồ Tát đã để lại cho đời những bài học quý giá. Ngoài những thành tựu về mặt kinh tế, kỹ thuật,



Kazuo Inamori (1932—2022)
稻盛 和夫



hóa học, kinh doanh ông còn là một nhà đạo đức, tư tưởng có sức ảnh hưởng rộng lớn. Sách của ông truyền tải thông điệp đạo đức kinh doanh, tử bi, bình đẳng... đến với mọi người. Một trong những quyển sách nổi tiếng về lối sống, hành xử, tinh thần, triết học của ông là quyển: A compass to fulfillment.

ĐẠI GIA CỰC GIÀU CÓ CỦA CẢI TÀI SẢN BAO LA LÒNG VỊ THA THƯƠNG NHÂN CÔNG PHẦN BỒ ĐỒNG ĐỀU LỢI TỨC

THIÊN SƯ TỐI GIẢN ĐƠN ĐƠN NÓN TRE GẬY TRÚC CÔ ĐỘC TÂM BUỒNG XẢ TỰ ĐỘ MINH HỌC PHẬT TINH TÂN LỤC HÒA.

Ý NHƯ VẠN SỰ

Ngày Tết mọi người thăm viếng và chúc nhau những câu tốt lành, ý nghĩa hay, chung quy không ngoài việc: khỏe mạnh, an lạc, làm ăn phát tài, tài lộc nhiều, vận hạn hanh thông...

Hôm mừng một Tết tại tư gia của một lão cư sĩ nọ, sau khi ông tặng bao lì xì và chúc: "Vạn sự như ý". Anh thanh niên nhận xong bèn lý sự:

- Thế giới Sa Bà là thế giới kham nhẫn chịu đựng bao sự bất như ý, là một thế giới "Khâu lẳng khanh khảm, kinh cúc sa lịch" thì làm sao như ý được?

Lão cư sĩ chụp vai anh thanh niên trẻ lắc mạnh:

- Anh là ai mà dám nói điều này?

- Chẳng là ai cả nhưng ngũ uẩn và mọi pháp ở thế gian không thể "Cầu xin như thế này hoặc đừng như thế kia", ý là một trong ngũ uẩn ấy!

Lão cư sĩ ngửa mặt lên trời cười khàn:

- Khá lắm, ta chờ cả đời mới gặp được người!

Đó chỉ là hăng thuận chúng sanh mà nói, theo phong tục mà chúc chứ làm sao có chuyện như ý được! Người hiểu đạo, hành đạo thì phải nói là "Ý như vạn sự", đó cũng chính là như thị vậy!

Nói xong lão cư sĩ ứng khẩu ngày đầu năm:

Ý muốn nọ kia ấy lẽ thường

NHƯ Lai ngôn dụ uẩn giai không

VAN pháp thế gian toàn huyền mộng

SỰ thể nương theo một chữ đồng.

CAO LỚN

Cuối tuần, hai vợ chồng Jacky đi ăn ở nhà hàng Intermezzo. Một nhà hàng của người Ý, ở đây toàn khách da trắng cao to, xinh đẹp và rất sành điệu. Tim tâm sự với vợ:

- Anh làm chung với tụi nó, đũa nào cũng cao lớn còn mình thấp bé nhẹ ký, nhiều lúc thấy cũng tự ti dễ sợ.

Linda, vợ Jacky cười tủm tỉm:

- Anh cũng có món cao lớn nặng đô mà anh không biết đấy!

Jacky nghe thế khoái chí, mặt mày hớn hờ, toan nịnh đầm: "Thank you baby, you are my perfect wife, what would you like...", chưa kịp nói ra thì Linda tiếp tục:

- Cái u mê của anh lớn hơn tụi nó, tánh nóng này của anh cao hồng ai so sánh được.

Jacky lập tức xụ mặt, nụ cười tắt. Linda không nhin được cười:

- Đố, anh lộ ra ngay cái cao lớn không ai bằng.

Jacky bị bắt giở, mặt tẽn tò, đỏ gay:

- Oh, my baby! You treat me well but this a good lesson.

ĐĂNG KIỂM

Thằng Bày mặt mày hầm hầm tức giận, uống cà phê mà ngỡ như uống trà đá, nó cầm nguyên ly nốc cái ực rồi chửi đồng:

- Mẹ bà nó, xe tao do Nhật Bản làm ra, chính xác đến từng millimet, ấy vậy mà tụi nó lấy thước thợ mộc ra đo rồi bắt lỗi này nọ. Tao phải chi mấy triệu bạc mới được cấp giấy chứng nhận cho phép lưu hành.

Cả bàn cà phê cười sặc sụa. Thằng Tám nói:

- Nhắm nhò gì đấy! Xe tao chính hiệu của Đức, một thương hiệu nổi tiếng thế giới ấy vậy mà tụi nó còn nói là không phù hợp quy cách phẩm chất. Tao phải tọng vô họng tụi nó mấy lít (*) mới được cấp giấy.

Bàn cà phê trở nên ồn ào người này chửi, kẻ khác chê đủ ý kiến hết. Có thằng bàn bên kia:

- Năm thằng có tóc chứ ai năm thằng trọc đầu. Tụi bay đi xe đạp thì khỏi bị đăng kiểm.

Thằng Bày nổi nóng đập nó một phát rồi chửi:

- Mày ngu quá, hông bị móc kiểu này thì tụi nó cũng tìm cách bóp họng kiểu khác. Tụi nó ăn có chừa thứ gì đâu, cạp như hạm làm như hạch, phá như điên... Thằng Tám hôm nay nổi hứng màn thơ:

Đăng kiểm là cái điểm căng

Làm khó kiểm chuyện mà ăn mập mình

Thiên hạ nguyên rùa coi khinh

Ngặt vì chúng năm trợn sinh sát quyền.

NHÀ BĂNG

Nhà ông Sáu có tay nghề vững, muốn mở cơ sở sản xuất hàng hóa, ngặt vì thiếu vốn nên phải đến nhà băng vay tiền và bị người ta hoành hợc đủ thứ. Có kẻ làm ở đây móc nối:

- Muốn vay nhanh, dễ, thủ tục đơn giản, nhận tiền tươi ngay thì chi lại quá 5 - 10%.

Ông Sáu bầm bụng chịu nhưng ra về tức tối đem chuyện nói với bạn bè. Ai dè ông bạn của ông cũng đang bực mình:

- Tui đi vay tiền, tụi nó bắt buộc phải mua bảo hiểm nhân thọ. Tụi nó làm cái kiểu bán gà kèm bán thóc, tức chịu hồng nổi nhưng ngặt mình cần nên phải cắn răng nhin nhục.

Một ông khác thì than thở:

- Tui vay vốn ưu đãi làm ăn thì tụi nó nói chương trình hết vốn, ấy vậy mà ra ngoài vay nóng của thằng Bày búa thì bao nhiêu cũng có. Tụi nó tuồn hết tiền cho thằng Bày búa giang hồ cho vay nóng rồi ăn chia tiền lời. Mình phận dân đen lính lác phải chịu thôi! Ông Sáu nghe vậy lòng cũng thấy như được an ủi - Thì ra ai cũng là nạn nhân chứ chẳng phải mình tui. Ông còn ngâm như vậy:

Nhà băng chẳng dễ băng nha

xà xẻo vay mượn rầy rà kiểm ăn

Bao nhiêu thủ tục nhì nhằng

Lợi lộc đâu đến phận thẳng dân đen.

HIỂU SẮC - KHÔNG

Mấy nay dân tình xôn xao vì Bitcoin, thật tình mà nói chẳng ai biết chủ của Bitcoin là ai, hình thù nó như thế nào. Nó là tiền ảo trên mạng. Nó vô hình nhưng có sức mạnh kinh khủng. Người ta điên đảo vì nó, có chính phủ thì cấm nhưng cũng có chính phủ nhìn nhận. Người ta ra sức "đào" nó, vì vậy mà tồn một nguồn năng lượng khổng lồ. Các nhà khoa học còn khăng định chính vì nó mà thảm họa môi trường thêm nặng vì nhiệt độ tăng, vì năng lượng thiếu thốn. Nó vô hình là vậy nhưng tác động của nó rất thật, rất hiện hữu. Nó cứ trời sụt bất thường và bao người sống khổ theo, nay nó lên đến sáu mươi ngàn Mỹ kim một đồng. Thằng Hoàng ngời ngời ngạc:

- Ai mà có trong "túi" chừng mười đồng Bitcoin thì kể như giàu!

Thằng Thơ cười cười:

- "Tiền là tiền nhiều khi không mà có, tiền là tiền nhiều lúc có như không"

Cả đám bạn nửa tin nửa ngờ, thằng Tâm phải xía vô giải thích cho tụi nó. Nói xong thằng Tâm còn triết lý như ông cụ non:

- Bitcoin ghê gớm là vậy nhưng một ngày đẹp trời nào đó bị tụi hacker tấn công hay chính thằng chủ buồn buồn tắt ngang thì coi như hóa hư không. Không chỉ đồng Bitcoin này mà mọi đồng tiền ảo và tất cả các trang mạng cũng đều như thế. Có đó nhưng rồi màn hình trắng xóa đó, tụi bay hiểu sắc - không chưa?

VỢ CHỒNG ĐẬU

Hai vợ chồng Đậu lấy nhau cũng mấy chục năm rồi, hạnh phúc có, gấu ó có, nhiều lúc đã toan đường ai nấy đi... Nhưng rồi lại làm hòa và tiếp tục chung bước trên con đường đi về hướng ga cuối của cuộc đời. Tính cách hai vợ chồng ngược nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau. Ông chồng thì xiu xiu ẽn ẽn, lẳng mạn, mọi việc trong ngoài do vợ quán xuyến hết. Chị vợ thì cứng rắn, bảo thủ, tánh cách như chủ nhà.

Nhân có lần hai người cự cãi nhau, đứa em vợ qua chơi thấy vậy cười:

- Ông chồng thì nhu mì, mềm mỏng như đàn bà. Bà vợ thì khảng khái, cứng rắn như đàn ông. Vậy mà hai người ăn đời ở kiếp với nhau được thiệt là hay à nha!

Ông anh vợ can thiệp vô:

- Nhiều khi vậy mà lại hay, bù trừ nhau nên hai đứa nó kéo dài được cuộc chơi này!

Tía vợ vốn là ông già sành văn thơ chữ nghĩa, hồi nhỏ có học chút chút chữ Nho nên xỏ Nho xong lại làm câu đối gheo:

ANH CHỒNG XIU XIU ẼN ẼN LẮNG MẠN MỀM MỎNG THƯỜNG THUẬN THEO THỂ

CHỊ VỢ KHẲNG KHÁI TÍNH TƯỚNG KHÔ KHAN CANG CƯỜNG THÍCH TÙY TIỆN TÂM.

Steven N

Georgia, 0324

(*) Tiếng lóng ở VN, lít = một triệu, xị = một trăm ngàn

Tứ cú lục bát "GIÓ BỤI PHONG TRẦN" thơ VĨNH HỮU TÂM KHÔNG



CHỜ

Bản thân hạt bụi nợ duyên
Tám luồng gió chướng chao nghiêng vật vờ
Trần gian vô tận mịt mờ
Ta bay theo nhạc đợi chờ hóa thân.

LUÂN HỒI

Duyên tình ẩn hiện bể dâu
Bôn ba bụi bặm quay đầu thấy thơ
Ba trăm năm nữa bao giờ?
Bụi vay trả bụi phát phơ luân hồi.

LỤC

Lặng nghe rơi hạt bụi trần
Lặng nhìn sợi tóc ngoài sân giỡn đùa
Hương thơm ai gửi gió đưa
Xòe tay đã thấy ý vừa nhập môi.

XUÔI NGƯỢC

Đường Tăng đi ngược cõi Đông
Vô minh ta lội xuôi dòng rong chơi
Bụi đen gió chướng toi đời
Hư danh ảo vọng tan trôi tháng ngày.

NGHINH TÂN

Mục tàn nẩy nụ thiện duyên
Hoa khai điểm tuyết giác triền miên mơ
Xuân qua mát ngọn gió vờn
Bụi rời ván cũ lon ton thơ về...

XƯA CŨ

Nhẹ nhàng trở gót thêm xuân
Gió xưa năm cũ, bụi vương đêm tàn
Chuyện xưa lay động kẻ khàng
Chuyện nay thấm thía, mơ màng chuyện mai.

TRỊNH

Cát bụi nghe ngóng đời nghiêng
Gió đồng giữa ngõ ta đi dựng cờ
Hãy nhìn lại, hãy cố chờ
Lời thiên thu gọi khói trời mênh mông.

ĐÀN

Đàn cho rơi bụi xuống đường
Phong trần gặp gỡ gió luồng thêm vui
Đàn cho trầm cảm hóa tươi
Trái tim bung nở tiếng cười lạc quan.

BỀP

Quay về với thuở tóc xanh
Giàn hoa gai góc, khoảng sân gạch màu
Tháng ngày ảm đạm bể dâu
Nhớ căn bếp bụi vương sầu gió bay.

ĐI QUA

Đi qua năm tháng du hành
Chén cơm manh áo đầu xanh bụi đời
Sắc không không sắc đời người
Vẫn ngậy ngô với khóc cười trần gian.

NGUYỆN

Hắt hiu gió bụi biên thù
Nhật gom khô khóc, duyên tùy duyên qua
Nguyện thề đã bóc bóng da
Luân hồi chuyển kiếp ta bà rong chơi.

MÙ CHƯỚNG

Hữu duyên bạn ghé thăm nhà
Ái hòa chia sẻ đậm đà tình thơ
Bụi mù gió chướng xác xơ
Buông vắn gieo nhịp lữgờ tìm vui.

CỜ RỒNG

Vàng son huyết lệ uy nghiêm
Quân thần tiếp nối xuống lên bao đời
Thịnh suy cười khóc do thời
Long Tinh Kỳ rử bụi đời gió tung.

CÒN

Còn em nâng chút dỗi hờn
Tháng ngày dầm dãi gió sương phong trần
Em còn nâng chút ăn năn
Thờ ơ quay lại tôi còn niềm vui.

ĐI BỤI

Mưa qua trắng gió bụi hồng
Tro tàn rục rở số lông đón sương
Bâng quơ khói nắng đồng mương
Dừng chân đi bụi đảo buồn với hoa.

THỜI TIẾT

Phong trần gọi nhớ phong ba
Gọi thương bão táp, mưa sa cùng về
Có em, rục rở mùa hè
Mát em, tuyết bông câu thề rã tan.



THẬN TRỌNG VỚI THUỐC HO, CẢM LẠNH

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Cảm Lạnh (Common Cold) là bệnh thường xảy ra nhất là từ tháng 11 tới tháng 4.

Trong khoảng thời gian này, bệnh xuất hiện với ba cao điểm: vào mùa Thu khi trẻ em bắt đầu đi học rồi giữa mùa Đông và cuối cùng là vào mùa Xuân khi mà mọi người tưởng là đã không còn bị cảm lạnh viếng thăm.

Cũng như bệnh cúm (flu), cảm lạnh do virus gây ra với cả vài trăm loại khác nhau nhưng nhóm rhinovirus (virus mũi) là thường thấy hơn cả.

Như tên gọi, virus này xâm nhập cơ thể qua mũi và miệng.

Virus nằm trong các giọt nước nhỏ li ti từ miệng mũi bệnh nhân thoát ra khi họ ho, hắt xì hơi hoặc nói. Chúng bay lơ lửng trong không khí cả mấy tiếng đồng hồ và người lành hít phải là mang bệnh.

Virus cũng lây lan qua các đồ dùng của bệnh nhân như điện thoại, khăn mặt, bát đĩa, bàn viết máy vi tính... Sở dụng vào các vật dụng đó rồi đưa tay lên miệng, lên mũi là mắc cảm lạnh ngay.

Hiện nay, chưa có vaccine ngừa cảm lạnh.

Phương thức phòng bệnh gián tiếp và hữu hiệu là không tiếp cận quá gần với người bệnh, bệnh nhân che miệng mũi khi ho; rửa tay thường xuyên; không dùng chung vật dụng với bệnh nhân, nghỉ ngơi tại nhà khi mắc bệnh, uống nhiều nước.

Trẻ em từ 1 tới 5 tuổi thường hay bị cảm lạnh cả chục lần mỗi năm và cũng thường hay bị các biến chứng như sưng phổi, viêm tai trong, viêm phế quản. Lý do là hệ miễn dịch của các em chưa mạnh, các em cũng hay tụ tập tại nhà giữ trẻ, mẫu giáo, rồi cũng chưa có thói quen rửa tay, che mũi miệng như người lớn.

Người lớn ít bị cảm lạnh hơn, nhưng cũng được virus tới thăm dăm sáu lần mỗi năm. Với họ, sự mệt mỏi thể xác, căng thẳng tinh thần, kém dinh dưỡng là những rủi ro khiến cảm lạnh dễ xảy ra, vì sức đề kháng miễn nhiễm suy giảm.

Cũng có nhiều ngộ nhận cho là gặp luồng gió độc từ phương bắc thổi tới, phơi đầu trong mưa, tắm nước lạnh buổi sáng gây ra cảm lạnh. Nhưng đó cũng chỉ là do truyền khẩu kể lại, chứ nếu không có virus thì cũng không bị bệnh này.

Kể từ khi xâm nhập mũi miệng, virus cần từ 1 đến 4 ngày để âm thầm bố trí rồi ra mặt gây bệnh. Đây là thời kỳ mà y học gọi là ủ bệnh (incubation period) và cũng là lúc mà bệnh lan truyền mạnh mẽ sang người khác.

Mới đầu, bệnh nhân cảm thấy một chút mơ hồ uể oải mệt mỏi, giảm năng lực hoạt động, nhức xương nhức thịt... Vài ngày sau thì sự hành hạ của virus rõ ràng, khó chịu hơn.

Khởi thủy là mũi nghẹt và khô. Nghẹt vì sung huyết tĩnh mạch màng niêm ở mũi khiến cho bệnh nhân khó thở.

Rồi tới chảy nước nhớt từ mũi, dấu hiệu tiêu biểu của cảm lạnh. Nước mũi có thể loãng rồi trở nên đặc sệt, màu vàng hoặc xanh có lẫn bạch huyết cầu chống cự với virus. Khi vi khuẩn trong mũi tái hoạt động thì nước mũi chuyển sang màu xanh nhạt. Hiện tượng này tuy gây khó chịu nhưng công bình mà nói nó lại có ích để loại bỏ các virus mai phục trong mũi. Nếu không bị tổng xuất, chúng sẽ xâm nhập cuống họng, lan ra các xoang ở mặt hoặc chạy tọt vô phổi gây viêm nhiễm.

Vào thanh quản, virus gây viêm cơ quan phát âm này, giọng nói khan khan. Xuống họng, virus gây đau khiến cho bệnh nhân không muốn cả nuốt thức ăn lẫn nói. Xương mặt có mấy cái xoang thông với mũi và miệng. Rhinovirus cũng có thể lan tới và gây viêm xoang, tắc nghẽn ống thông. Bệnh nhân cảm thấy đầy đẫy và đau nhức trên đầu, trên mặt. Phù viêm xoang cũng là dấu hiệu khó chịu nhất cho người bệnh.

Ngoài ra bệnh nhân cũng bị ho, lên cơn nóng sốt nhẹ (102°F hoặc 39°C), chảy nước mắt, mệt mỏi, không muốn làm việc gì, chỉ muốn nằm. Ho là phản ứng tự nhiên của cơ thể khi có vật gì như đàm nhớt, bụi bặm hiện diện ở họng. Ho là để tổng xuất vật này ra.

Thường thường các dấu hiệu của cảm lạnh chỉ kéo dài từ 5 tới 7 ngày. Một số ít bệnh nhân có biến chứng như viêm tai trong, viêm xoang, viêm họng, sưng phổi, viêm phế quản, khô khè như hen suyễn.

Người lớn nên đi bác sĩ khám bệnh nếu có các dấu hiệu như nóng sốt trên 102°F hoặc 39°C, đau nhức cơ thể, đổ mồ hôi, ho ra đàm có màu xanh, sưng hạch cổ, đau xoang mặt.

Với cháu bé, đi bác sĩ ngay nếu có nóng sốt cao, run lạnh, ho liên tục, nôn ói, đau tai, đau bụng, khó thở, không ngủ được, khóc luôn miệng.

Về điều trị Cảm lạnh, có mấy điều quan trọng cần được mọi người lưu ý:

- Không có phương thức nào trị khỏi được cảm lạnh.
- Kháng sinh không công hiệu với virus gây cảm lạnh.
- Thuốc chống cảm, ho, nghẹt mũi trên thị trường không những không làm cảm lạnh lành hoặc mau chấm dứt mà còn có nhiều tác dụng phụ cần biết để tránh.

Trên thị trường có cả trăm loại thuốc chữa cảm lạnh được quảng cáo, vì nhu cầu của dân chúng quá cao và là có thực. Cứ thấy hắt xì sổ mũi ho là bõ

nháo bỏ nhào ra tiệm thuốc tây mua thuốc. Thuốc do các viện bào chế uy tín sản xuất cũng có mà thuốc dấm vô danh cũng nhiều. Lại còn thuốc quảng cáo là có thêm vitamin, khoáng chất, antioxidant. Bệnh nhân hoa cả mắt không biết lựa thứ nào.

Theo các nhà chuyên môn y tế, trong đa số các trường hợp, không cần thuốc men mà chỉ cần áp dụng vài sự tự chăm sóc là bệnh cũng qua đi. Vì bản chất của cảm lạnh là vậy: có vẻ như hung dữ nhưng hiền như "ma sơ", tiền hung hậu cát. Nếu thấy cần có thuốc để giảm bệnh thì cần nhắc coi dấu hiệu nào cần đến thuốc, thuốc gì, dùng bao lâu và liệu có phản ứng phụ nào không.

Có 3 loại thuốc để giảm dấu hiệu cảm lạnh:

1. Thuốc chống nghẹt mũi

Hoạt chất chính của thuốc này là một chất tổng hợp tương tự như epinephrine (adrenaline) do phần tủy tuyến thượng thận tiết ra. Cả hai thứ có tác dụng làm co mạch máu. Tại mũi, thuốc làm giảm sưng huyết, niêm mạc xẹp xuống, lỗ mũi thông, bệnh nhân thở dễ dàng. Nhưng thuốc cũng làm nhịp tim nhanh, tăng áp xuất huyết ở người đang bị cao huyết áp, kích thích thần kinh với sợ hãi, nóng nảy, run tay, khó ngủ, chóng mặt, nhức đầu, đổ mồ hôi, nôn ói... Đang bị cao huyết áp, bệnh tim mạch, tiểu đường không nên uống thuốc này nếu chưa hỏi ý kiến bác sĩ.

Có hai dạng thuốc: thuốc uống hoặc nhỏ xịt vào mũi.

Thuốc nhỏ xịt, hít vào mũi.

Nhiều người, ngay cả bác sĩ dược sĩ, thích dạng này vì thuốc tác dụng trực tiếp vào mũi nhanh hơn, ít gây ra tác dụng phụ cho cơ thể cũng như ít có tương tác với thuốc trị bệnh khác.

Tuy nhiên dạng này thường gây ra mấy rủi ro như:

- Tác dụng ngược lại (rebound action), mũi nghẹt hơn khi tác dụng của thuốc hết. Để bớt nghẹt mũi, bệnh nhân phải dùng thuốc thường xuyên hơn, thậm chí tăng liều lượng. Lâu ngày có thể ghiền thuốc xịt, thuốc nhỏ mũi.

- Một vấn đề nữa là dùng nhiều, các sợi tóc bé tí ở mũi có nhiệm vụ ngăn cản vi khuẩn, bụi bậm vào mũi, sẽ bị hủy hoại, con người dễ bị bệnh. Đó là hiện tượng viêm mũi do thuốc (Rhinitis medicamentosa)

Thuốc không nên dùng ở cháu bé, trẻ em vì thường gây ra nhiều tác dụng ngoại ý như tăng huyết áp, ảnh hưởng tới tim. Với các em, nghẹt mũi

được giải quyết dễ dàng với vài giọt nước muối sinh lý, nhỏ vào lỗ mũi dằm lần trong ngày.

Thuốc uống

Thuốc uống có thể là nước hoặc viên. Khi uống vào, thuốc sẽ đi qua qua nhiều cơ quan trong cơ thể trước khi có tác dụng trên mũi. Do đó, thuốc sẽ gây ra tác dụng phụ tại các nơi này.

Lợi điểm trước hết của thuốc uống là không gây ra hiện tượng nhờn thuốc và viêm mũi do thuốc. Ngoài ra, tác dụng của thuốc lâu hơn, có khi cả 12 giờ, bệnh nhân chỉ uống hai lần/ngày là đủ. Thuốc ảnh hưởng lên niêm mạc ở mũi, miệng, các xoang cho nên người bệnh bớt khó chịu hơn.

Thuốc chống nghẹt mũi thường dùng là pseudoephedrine hoặc phenylephrine.

2. Thuốc chống đau, giảm nóng sốt

Đau mình, nhức đầu là chuyện thường xảy ra khi bị cảm lạnh, nhưng may mắn là chúng không kéo dài quá vài ngày và không quá dẫn vật.

Thuốc thường dùng là acetaminophen, ibuprofen rồi đến aspirin.

Aspirin thường gây ra xuất huyết bao tử nên cần đề dặt. Cũng nên nhớ là không bao giờ cho các cháu dưới 12 tuổi dùng aspirin, vì có thể gây ra hội chứng Reye, tổn thương thần kinh, đôi khi chết người.

Acetaminophen hoặc paracetamol được dùng nhiều hơn vì tương đối an toàn. Tuy nhiên không dùng quá thường và quá liều lượng chỉ định để tránh tổn thương cho gan. Thuốc có trong nhiều dạng thuốc chống cảm lạnh khác nhau, cho nên cần coi kỹ nhãn hiệu để tránh ngộ độc do quá liều lượng cho trẻ em.

3. Thuốc ho

Ho không phải là một bệnh mà chỉ là triệu chứng của một bệnh nào đó trong cơ thể. Ho cũng là một phản ứng tự nhiên khi có chất kích thích ở họng, như nhớt từ mũi từ miệng, vật lạ từ ngoài bay vào họng. Ho là để tống xuất các vật này ra ngoài. Nhiều bệnh nhân sau giải phẫu còn được khuyến khích ho để thông đàm, loại vi khuẩn.

Nhưng cảm lạnh mà ho liên tục thì quả là cũng đau ngực, khó chịu. Do đó mới có thuốc chống giảm ho. Có thể là ho khan hoặc ho ra đàm và với nhiều người, thuốc ho đều có thể phần nào làm nhẹ.

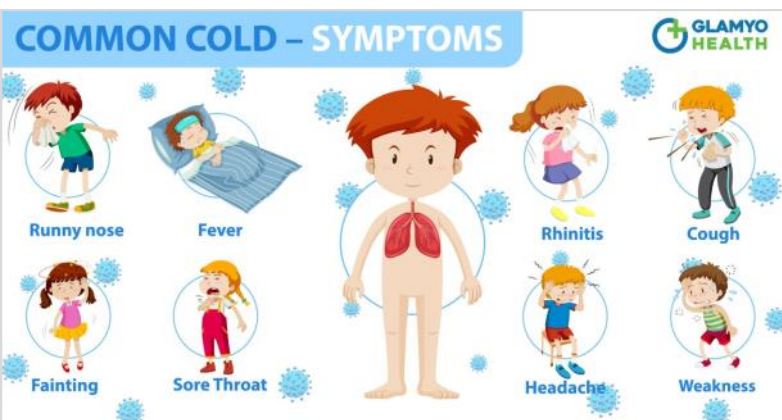
Tuy nhiên, nhiều bác sĩ có ý kiến là không nên uống thuốc ho, vì thuốc không chữa được nguyên nhân gây ra ho, hội khí lại tạo ra tác dụng phụ không muốn, đặc biệt là ở trẻ em.

Cơ quan Thực Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) khuyến khích không nên dùng thuốc cảm ho ở trẻ em dưới 2 tuổi. Các viện bào chế cũng tự nguyện ghi cảnh báo lên nhãn hiệu là không nên cho trẻ em dưới 4 tuổi dùng thuốc cảm ho bán tự do trên thị trường. Sự ngộ độc khi các em uống quá liều lượng có thể đưa tới tử vong.

Ho khi cảm lạnh chỉ kéo dài vài tuần. Nếu ho quá lâu, lại ra đàm có màu thì nên đi khám bệnh ngay, vì có thể bị bội nhiễm, vi khuẩn, sưng phổi.

Thuốc ho thường dùng là Dextromethorphan, Guaifenesin.

Ngoài các thuốc kể trên, một số người còn dùng thêm thuốc chống dị ứng diphenhydramine, sinh tố C, kẽm (zinc), và cho hay cảm lạnh cũng bớt quấy rầy.



Kháng sinh tuyệt đối không có vai trò nào, trừ khi bị bội nhiễm vi khuẩn, sung phổi.

Cảm lạnh ở trẻ em

Với trẻ em, các nhà chuyên môn đề nghị là:

- Để các cháu nghỉ ngơi thoải mái. Nếu ở tuổi mẫu giáo, đi học nên giữ em ở nhà. Không tiếp xúc với em bé khác để tránh lan truyền.

- Tránh sống trong môi trường có khói thuốc lá.

- Cho các cháu uống nhiều nước (cam...) để làm loãng đàm rãi, nước mũi cũng như tránh khô nước vì nóng sốt, chảy nước mũi, nhất là khi cháu tiêu chảy, nôn ói...

- Cho các cháu dùng thêm nước súp gà nóng có chất cysteine có tác dụng giảm nghẹt mũi.

- Với cháu không bú sữa mẹ và bú bình, nên giới hạn sữa vài ngày, vì sữa làm nhớt mũi khô, khó loại bỏ.

- Không khí trong phòng khô làm giảm sức đề kháng với bệnh nhiễm. Dùng máy phun bụi nước để giảm kích thích mũi, tránh khô khó thở. Nhớ không hướng bụi nước vào giường các cháu. Muốn tránh meo mồm, nên thay nước mỗi ngày và rửa máy bơm bụi nước theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Khi cháu bị nghẹt mũi, nhỏ vài giọt nước muối sinh lý vào một lỗ mũi để làm loãng nhớt, rồi cũng làm như vậy ở lỗ mũi bên kia. Hút nhớt mũi với ống hút làm bằng cao su. Nước muối này có thể mua ở tiệm thuốc tây hoặc làm lấy ở nhà với một chút muối và nửa ly nước lã tinh khiết. Có thể dùng nước muối ở mọi tuổi, ngay cả bé sơ sinh.

- Cũng có thể đặt cháu nằm úp trên đùi mình, lấy bàn tay vỗ nhẹ vào lưng hoặc để cháu ngồi trên lòng, hơi cong người về phía trước, lấy bàn tay đập nhẹ lên lưng.

- Thoa một chút petroleum gel Vaseline quanh lỗ mũi để tránh cho da khỏi bị viêm do nước mũi kích thích.

- Để bớt ho: ½ thìa mật ong cho bé từ 2-5 tuổi, 1 thìa từ 6-11 tuổi, 2 thìa cho cháu từ 12 tuổi trở lên. Đừng cho trẻ dưới 1 tuổi dùng mật ong vì không an toàn.

- Với trẻ trên 4 tuổi có thể cho kẹo ho (không bao giờ cho trẻ dưới 4 tuổi, sợ hóc nghẹn).

- Nếu các cháu kêu đau khô cổ: cháu lớn cho súc miệng với nước muối hoặc vài giọt dung dịch 1 thìa nước chanh pha với 2 thìa mật ong để hòng bớt kích thích. Trẻ trên 4 tuổi có thể ngậm kẹo ho.

- Giữ đầu cháu cao và ở vị trí ngồi nhiều hơn để giúp loại đàm nhớt.

Nếu sau ba bốn ngày mà cháu không bớt, lại có nóng sốt cao, đau họng, nôn ói... nên đưa cháu đi bác sĩ ngay.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức M.D.



GIÁC NGỘ TỬ SINH

*Nắng chiều rơi rụng ven sông
Lơ thơ tơ nắng nhuộm hồng bờ vai,
Đò chiều cập bến đợi ai?
Mái chèo khắc khoải ngày dài chờ trông
Chiều về ngã bóng qua sông
Mây chiều lững lững xuôi giòng về tây.
Chim trời lác đác đỏ đây
Bay về tổ ấm sum vầy đợi mong.
Thuyền trôi lặng lẽ trên sông
Trời chiều bẽn vãng thuyền chờ đợi ai?
Mây bay bóng ngả đường dài
Hoàng hôn lơ lững nhẹ tươi sắc hồng.
Thương ai tát tá ven sông
Thương ai đêm lạnh má hồng nhạt phai
Thương ai gọi nắng ướt vai
Thương ai ngộ tới ngày dài chờ mong!
Thương người bảo vệ non sông
Thương người xuôi ngược trên giòng tử sinh!
Thương cho mẹ vọng cõi trần
Thương cho trần thế quẩn quanh luân hồi.
Thế gian vốn dĩ vô thường
Địa cầu trần thế vô cùng mong manh
Tứ đại vốn KHỔ và KHÔNG
Năm ấm vô ngã tận cùng diệt sinh
Trần gian như giấc mộng dài
Nhu sông êm ái chảy ra khơi nguồn.
Dạt dào bọt nước đại dương,
Từng cơn sóng vỗ tan vào biển khơi!
Bóng trắng thấp thoáng lưng trời
Thong dong lơ lững buông trôi trên ngàn.
Lững lờ một chiếc thuyền nan,
Thuyền tìm bến đỗ an toàn nơi đâu?
Bến trong, bến đục nông sâu?
Sông Mê, bẻ Khô thuyền trôi trên dòng,
KÍNH NGƯỜI KHOÁC ÁO NÂU SÔNG,
KÍNH NGƯỜI GIÁC NGỘ
THOÁT VÒNG TỬ SINH.*

thơ **HOÀNG THỰC UYÊN**

ĐEM CHÁNH NIỆM VÀ TÌNH THƯƠNG VÀO NHÀ TÙ TIỂU BANG CALIFORNIA

Tâm Thường Định – Bạch X. Phở

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Từ xa lộ cao tốc I-80 hướng về El Dorado Hill, chúng tôi rẽ trái trên Folsom Blvd., xuyên qua phố thị lẻ loi. Gần bờ hồ Folsom, một nhà tù rất lớn nằm dưới thung lũng của những ngọn đồi đẹp bao bọc, hàng trăm cây sồi California native oaks hiện ra thật vững chãi nhưng buồn tẻ. Thành thạo chúng tôi thấy những đàn gà tây và những chú nai ngơ ngác bước nhẹ trên đồi. Cảnh trí bên ngoài ở đây thật bình yên đến vắng lặng.

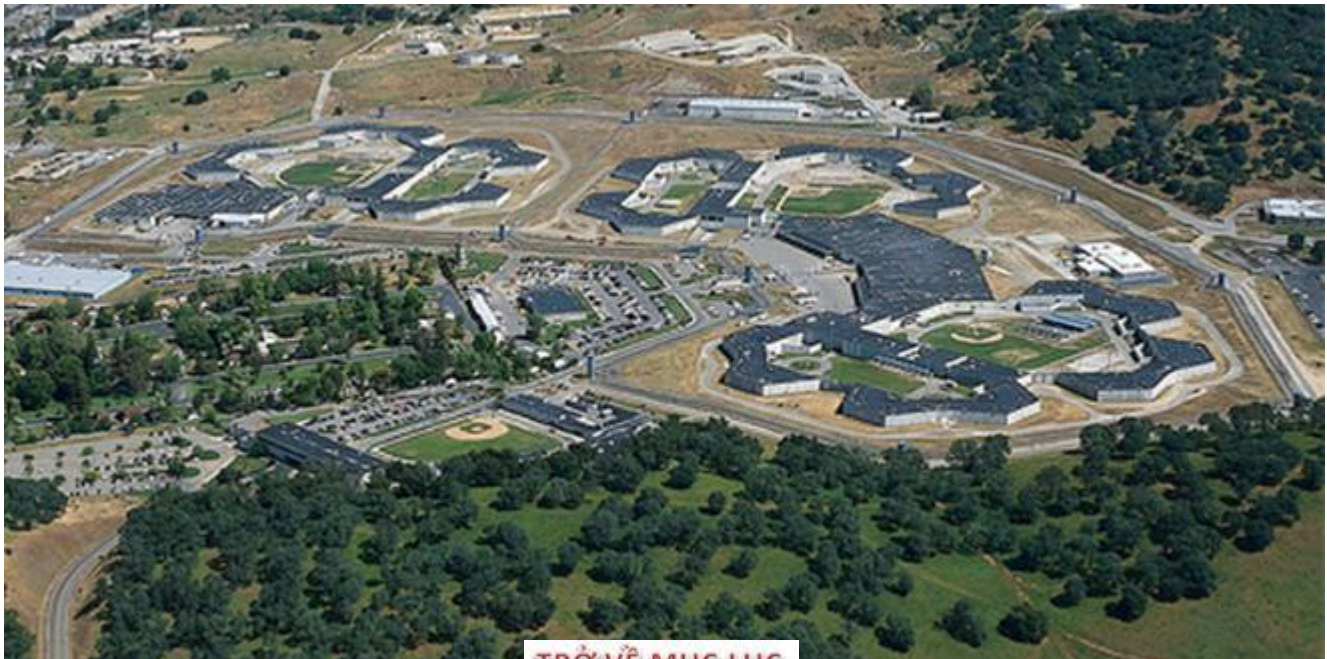
Thế đấy mà đã hơn 4 năm rồi, chúng tôi vào tù để đem thông điệp chánh niệm và từ bi để chia sẻ cho những tù nhân, trong đó có những vị đồng hương Việt Nam, đa số là còn trẻ. Chúng tôi là những thiện nguyện viên của Buddhist Pathway Sangha (BP3) vào nhà tù an ninh tối đa Folsom State Prison (B-yard) của tiểu bang California.

Xin mở ngoặc, nhà tù Folsom State Prison, viết tắt là FSP, mở cửa vào năm 1880, là nhà tù an ninh tối đa maximum security prison, lớn thứ hai và lâu đời nhất trong tiểu bang, sau khi nhà tù San Quentin. Nhà tù FSP nằm ở thành phố Folsom, CA, khoảng 20 dặm (30 km) về phía Đông Bắc của thủ phủ Sacramento. Nhà tù FSP khá nổi tiếng bởi vì nhạc sĩ Mỹ nổi tiếng Johnny Cash đã thu album live vào năm 1968.

Theo trang nhà California Department of Corrections and Rehabilitation (Sở Cải Huấn và Phục Hồi Chức Năng California, http://www.cdcr.ca.gov/Facilities_Locator/FSP-Institution_Stats.html), thống kê năm 2013-2014, nhà tù FSP có 3023 tù nhân nam và có 307 tù nhân nữ (bị nhốt riêng ở nhà tù trong khu vực khác), tổng cộng là 3330 tù nhân và có 1058 nhân viên làm việc (Custody Staff:

562, Support Staff: 301, Healthcare Staff: 195. Annual Operating Budget, \$130 million), không tính những người thiện nguyện viên như chúng tôi; và tốn 130 triệu Mỹ kim mỗi năm để hoạt động. Nghĩa là có 1 người chăm sóc 3 người tù nhân, trong khi đó chúng tôi là giáo viên trung học, 1 người phải chăm lo đến 165 học sinh mỗi ngày. Với giá 130 triệu mỗi năm, để giữ 3330 tù nhân thì tốn đến \$39,039 cho mỗi tù nhân, mỗi năm. Trong khi đó, theo thống kê ở tiểu bang California (<http://www.governing.com/gov-data/education-data/state-education-spending-per-pupil-data.html>), mỗi năm chỉ chi có \$9,220 cho mỗi học sinh ở trường học công cộng, K-12 public school.

Từ năm 1997, dưới sự lãnh đạo và thiện nguyện tận tình của Bà Diane Wilde, Buddhist Pathway Sangha (BP3), một tổ chức bất vụ lợi, đưa những tình nguyện viên vào tù để mang triết lý Phật giáo, nghi lễ, đem phong trào chánh niệm và hướng dẫn thiền định cho các tù nhân đang ở trong những trại tù tiểu bang California. Đến nay, BP3 đã đưa chương trình này đến với 17 nhà tù lớn nhỏ ở tiểu bang California, từ sa mạc High Desert đến thị trấn Sierra Conservation Center. Triết lý Phật giáo nhấn mạnh vào hành vi đạo đức và thực hành thiền định để có cái nhìn sâu sắc mà phát sanh lòng từ. Thực tế là nhiều tù nhân có quá nhiều khổ đau của chính mình và đã gây đau khổ cho người khác. Thêm vào đó, những người tù nhân đang sống trong một môi trường rất phức tạp, bạo động và đôi khi vô vọng. Nên chương trình này thành lập nhằm cung cấp cho các tù nhân phương tiện cần thiết, công cụ, tài nguyên và kỹ năng sống hầu thay đổi



TRỞ VỀ MỤC LỤC

cuộc sống của họ khi còn bị giam giữ hoặc khi được thả ra.

Khi vào tù làm thiện nguyện, thì chúng tôi thường đi chung, 2 hoặc 3 người vì những thủ tục rườm rà và an toàn cho mình. Trước khi vào đó, chúng tôi phải đi học về hệ thống nhà tù, các nhóm bằng đảng, kiểm tra sức khỏe, làm hồ sơ không bị phạm tội, chính ngừa ho lao, v.v... Chúng tôi phải lái xe gần 40 phút, rồi đậu xe và đến cổng để trình trước khi vào bên trong, những người canh tù bắt chúng tôi phải ghi tên và ngày giờ vào mới có lý do chánh đáng. Chỉ có những người có trách nhiệm và nhân viên mới vào được cổng này. Tất cả mọi xe cộ và người ra vào đều phải được kiểm tra. Sau đó, chúng tôi đến Sally Port, nơi có hai hàng lớp kẽm gai, chính giữa là luồng điện sống. Trên tháp canh gác tù (observation tower) có những nhân viên an ninh vạm vỡ đang canh chừng với súng đạn và nhiều máy ghi hình (camera) bao vây. Cả nhân tôi đã thuộc lòng lời dặn của tiến sĩ Gus Koehler, người bạn Phật giáo cùng lý tưởng, dặn dò tôi vào tối đầu tiên là không bao giờ chạy trong bất cứ mọi hoàn cảnh khi ở bên trong nhà tù vì "khi chạy có thể mình bị bắn."

Mỗi khi vào, chúng tôi sắp đặt bàn thờ Phật, tung kinh, tập yoga, ngồi thiền, và chia sẻ Phật pháp. Sau đó hồi hướng và tiễn đưa. Đã mấy năm rồi, vào ra nhà tù một cách thông dong tự tại như thể bông dưng lại thấy 'bị nghiện'. Bạn quá không vào chia sẻ thì tù nhân đợi chờ. Bên trong, những tù nhân cũng gọi mình là nhóm học Phật, tăng thân (Sangha) mỗi khi vào thì năng lượng tu học của mình lại có thêm. Đó là những cảm giác êm đềm, an nhiên và tự tại mà chúng tôi đã viết lần đầu tiên vào ra cửa tù FSP.

VÀO RA TỰ TẠI

*Vào tù ra khám trong tự tại
Cảm giác nào thoải mái như vầy
Niềm an lạc giữa nơi tù tội
Hạt bồ đề đạo pháp nhiệm mầu
Những tử tội một lần đại đột
Nay ngồi tù hồi hận trong lòng
Về cửa Phật tinh tâm thiền định
Gieo hạt lành ngay giữa long đong
Tối nay trong khám nhiều lợi lạc
Người canh tù cũng được bình yên
Kẻ tử tội tìm về bến giác
Bốn vách tường. Độc Lập. Tự Do.
Tối nay ra khám bao vẻ đẹp
Con nai vàng ngơ ngác nhìn tôi
Vàng trắng sáng im lìm ngõ hẹp
Nghe thanh thang một lối đi về*

Folsom State Prison, CA.
November, 2011.

IN AND OUT AT WILL

To Gus, Jeff and Joette

I am in and out of the maximum-security state prison at will
What a release...
A comfortable feeling.
Finding peace, even bliss in this violent prison place
Even here Dharma seeds are sown

It is a miracle
The criminal elements, once foolish
Now show remorse and regret inside the prison
They come to the Buddha's door and join the meditation retreat,
Personally sowing their own fresh Dharma seed in the middle of stagnancy and uncertainty.
Tonight I see many benefits for the inmates
Even the prison guards are peaceful
The criminals look for ways to be transformed by finding
In the Chapel of cement cold walls true independence and freedom.
Tonight I came out of jail and found how beautiful things really are
The golden deer look at me bewildered
The crescent, Dormant, moon light is sparkling the night.
I listen to my footsteps on an immense footpath going home.

Folsom State Prison, CA.
November 2011.

Hình ảnh và sự biểu hiện lợi lạc của những tù nhân cũng như người tiếp cận là động cơ để mình tiếp tục vào tù để chia sẻ mặc dù bận bịu với công ăn việc làm và đời sống hằng ngày. Đáng lý ra, chúng tôi sẽ không viết những loạt bài này, nhưng có những lời góp ý hữu lý từ những người anh khà kính, khuyên rằng chúng ta giúp những người trong tù thì tốt nhưng giúp những người ở ngoài tù thì càng tốt hơn.

Nói tóm lại, mặc dù tiểu bang California (CDCR – Sở Cải huấn và Phục Hồi Chức Năng California) đã tốn rất nhiều tiền và nhân sự để cai quản tù, nhưng cuộc sống của tù nhân rất đơn lẻ, buồn tẻ, phức tạp, bạo động và đôi khi là vô vọng, nên chúng tôi hy vọng là chúng ta hãy làm mọi cách để giảm thiểu (từ thuở ban đầu) đưa con người vào tù, nhất là con em Việt Nam của chúng ta. Chúng tôi cũng hy vọng sẽ có thêm nhân sự để vào tù hầu trao truyền thông điệp tinh thức của đấng Như Lai, giúp đời bớt khổ.

Nếu quý độc giả, muốn biết thêm chi tiết, xin thăm trang nhà <http://www.buddhistpathways.org/> hoặc liên lạc với chúng tôi ở trang nhà www.phebach.com.

Bạch X. Phê





LỜI RU CỦA BIỂN

Về cùng ta nhé, Hạ Long
Cội nguồn sâu nặng con Rồng cháu Tiên
Một vùng biển đảo thiên nhiên
Cát Bà kỳ vĩ sơ nguyên bao giờ?

Nhìn lên ngọn núi Bài Thơ
Dấu in thuở ấy hẹn hò còn đây
Nắng hồng rải tận chận mây
Lan Hạ vịnh biển ngắt ngảy nỗi lòng

Kìa hang Đầu Gỗ, Trung Trang
Muôn nghìn nhũ đá long lanh sắc màu
Mặt hồ xanh thắm từ đâu
Để cho đảo Ngọc tươi màu thủy chung

Lô nhô đảo đá chập chùng
Thuyền ai thấp thoáng một vùng biển xanh
Đường lên đỉnh, đường vòng quanh
Cát Đôn, Bãi Bền ai đành quên sao.

Cát vàng bãi tắm lao xao
Ai qua Cát Dứa gọi vào trùng dương
Em ơi phải đảo thiên đường
Đất trời ban tặng sắc hương cho người.

Xanh rìng xanh cả núi đồi
Nghe hòn Trống Mái hát lời ca dao
Lời ru của biển ngày nào
Ngàn năm đồng vọng dạt dào tình ta.

CHÙA LÁ SEN*

Đi vào mùa nước nổi
Về thăm chùa lá sen
Giữa không gian thanh tịnh
Tiếng chuông chùa chiều ngân.

Trên hồ bom ngày nào
Hồ sen xanh bát ngát
Lá như nón quai thao
Cô gái làng Quan họ.

Điểm xuyết từng đóa hoa
Trắng hồng rồi tím thắm
Thắm ngọt hạt phù sa
Tinh khôi cùng sương sớm.

Những cụ rùa trăm tuổi
Quy y nghe kệ kinh
Hạc về từ hướng núi
Cùng là vật thông linh.

Ngắm nhìn loài sen lạ
Bôn mùa không đổi thay
An nhiên niềm tục luy
Xin giữ lòng thẳng ngay.

thơ

TÔN NỮ MỸ HẠNH

* Chùa Lá Sen: Tên gọi của Chùa Phước Kiến thuộc xã Hòa Tân huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp.

The Story of Thera Santakaya

Dhammapada, Verse 378

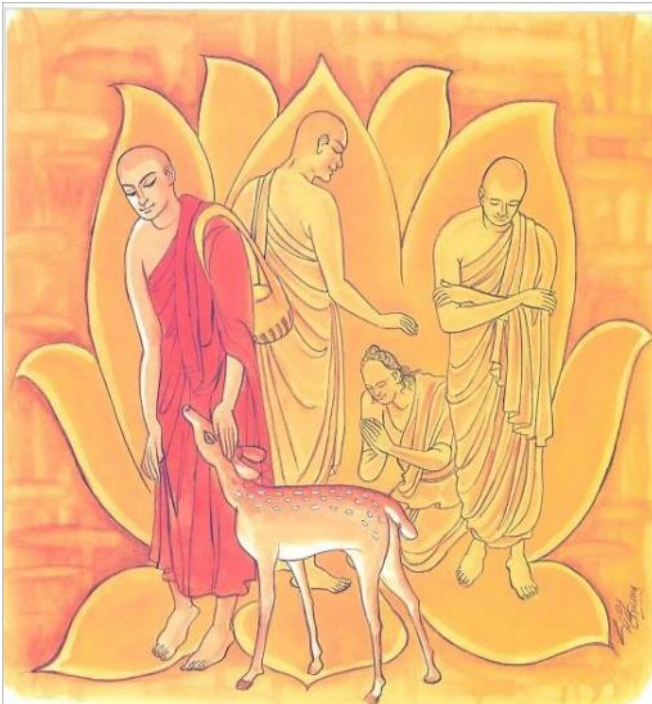
While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (378) of this book, with reference to Thera Santakaya.

There was once a Thera named Santakaya, who had been a lion in his past existence. It is said that lions usually go out in search of food one day and then rest in a cave for the next seven days without moving. Thera Santakaya, having been a lion in his last existence, behaved very much like a lion. He moved about very little; his moments were slow and steady; and he was usually calm and composed. Other bhikkhus took his behaviour to be very queer and they reported about him to the Buddha. After hearing the account given by the bhikkhus, the Buddha said to all of them "Bhikkhus! A bhikkhu should be calm and composed; he should behave like Santakaya."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 378: The bhikkhu who is calm in body, calm in speech, and calm in mind, who is well-composed and has given up (lit., vomited) worldly pleasures, is called a "Tranquil One".

At the end of the discourse Thera Santakaya attained arahatship.



Physically restrained, gently tranquilized, rid of allurements, truly-pacified is the bhikkhu called.

378. *Santakāyō santavācō
santavā susamāhitō
vantalokāmisō bhikkhu
upasantō 'ti vuccati. (25:19)*

That bhikkhu calmed of body, speech,
calmed and well-composed of mind,
who world-enjoyments has renounced,
'one calmed' indeed is truly called.

Translated by
Daw Mya Tin, M.A.,
Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma.

TRÊN HÀNH TRÌNH THỜI GIAN

Sẽ gọi lại miên man hồi ức
Khi vô tình gặp bầu trời màu xanh trắng
sáo
Giấc mơ tách vỏ ra ràng
Cánh diều tuổi thơ những chiều thom nắng

Ngày và đêm
Cô độc đã trở thành người bạn
Ta không còn ấu thơ để vô tư cười khóc
Khu vườn đầy nắng mai và tiếng chim chọt
thành một điều hiển nhiên quen thuộc nhàm
chán
Bình lặng hay không còn bình lặng nữa rồi?

Biết sẽ không trở lại
Người ra đi và đi mãi
Và một ngày nào đó ta cũng thế
Chẳng có gì xáo trộn
Hồi dòng chảy miên man bất tận
Cảm ơn mây trời đã cho loài chim mượn
đường bay

Ôm nắng ca dao, bầy mưa cô tịch
Những câu thơ rơi rụng đường trời
Hồi cánh cò cánh vạc
Thênh thang trên hành trình thời gian
Ta là một dấu chấm nhỏ
Đậm nhạt vệt sắc màu...



VỚI BÔNG HOA THẮT SỬNG

Đôi khi thềm làm cánh gió vô hình
Dan díu với muôn phương
Khu vườn buổi sớm gió đờ đánh rơi làn
hương của một bông hoa vờ giấu mặt
Gió chưa kịp mang đi
Tiếng chim đầu ngày chiu chít trên hàng
rào thép gai
Sương vùi vào chần lá
Khép giấc nồng say

Đôi khi khát khao màu điệp lục
Lục lợi trong tầng tầng lá thu
Chạm âm ướt và rong rêu
Tiếng côn trùng cọt nhả
Đành bày biện mùa xuân trong căn phòng
hoang tưởng

Đôi khi thềm cảm giác trở lại ngôi nhà nhỏ
ngày xưa
Tận hưởng những buổi sáng cũ kỹ
Sóng sánh ly cà phê đong đưa theo bản
nhạc hoài niệm
Miên man màu hoa cúc vàng

Đôi khi muốn kéo dài mãi cơn mưa trảm
cảm
Ta có cơ để trầm ngâm
Và ai đó không thềm lau khô dòng nước
mắt
Những nỗi buồn không cần giãn cách
Trong lặng im tột cùng
Sự cô đơn thần thánh

Đôi khi những buổi mai không thềm ngủ
nướng
Tôi mang giấc mơ ra khu vườn
Bây gió sớm vụng về làm rơi làn hương
tung tóe
Mặc lũ ong bướm vô tình
Tôi khẽ hôn lên một đóa hoa nguyên trinh
Dẫu bị thất sủng trong khu vườn muôn sắc
Lặng lẽ điềm nhiên nở và tàn...

thơ TỊNH BÌNH

MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

XÀ-LÁCH RAU CỦ



Món salad rau củ này cực kì tốt cho những ai muốn giảm cân, giữ dáng! Vừa nhanh gọn dễ làm, vừa ngon miệng, bắt mắt ai cũng thích ăn!

NGUYÊN LIỆU:

- ◆ 1 quả dưa leo
- ◆ 1 củ cà rốt
- ◆ 1 bắp ngô
- ◆ 3 củ khoai tây
- ◆ Sốt mayonnaise chay
- ◆ 2-3 lá xà-lách lớn (tùy chọn)
- ◆ 5-6 quả việt quất (blueberry) hoặc tùy chọn.



CÁCH LÀM:

1. Bắc khoai tây vào nồi luộc chín. Có thể kiểm tra độ chín của khoai tây bằng cách dùng đũa xiên qua củ khoai tây, thấy mềm chín là được.
2. Khoai tây luộc chín rồi thì bóc vỏ, thái hạt lựu.
3. Dưa leo rửa sạch, ngâm qua nước muối



loãng rồi vớt ra để ráo. Tiếp đến bạn thái hạt lựu dưa leo.
4. Ngô tẻ lấy hạt, cà rốt thái hạt lựu, sau đó cho vào nồi luộc chín.



5. Trộn đều tất cả các nguyên liệu với nhau cùng sốt mayonnaise chay.

Với những chị em chôn vắn phòng bận rộn và muốn có món ăn thanh nhẹ để giảm cân, giữ dáng thì không còn món ăn nào thích hợp hơn là cách làm salad rau củ này. Bởi lẽ nguyên liệu để làm món salad này có thể dễ dàng mua ở chợ, siêu thị, và cách trộn thì không thể nào đơn giản hơn. Đồng thời những rau củ này chứa hàm lượng lớn chất xơ và vitamin, rất tốt cho tiêu hóa và sắc đẹp! Nếu đang muốn giảm cân thì chỉ cần "thủ sẵn" 1 hộp salad như thế này cho bữa trưa là bạn cũng đảm bảo năng lượng để làm việc rồi.

Lily Theo Meishichina (Veggie salad)



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Cởi trời

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

CHƯƠNG CHÍNH

(tiếp theo)

Mặc dầu trời chưa sáng hẳn, khách đến uống cà phê càng lúc càng đông đến độ thiếu cả ghế ngồi. Tôi đứng dậy trả tiền để nhường ghế cho người ta rồi cùng nàng quay trở về nhà. Trên đường đi, cả hai chúng tôi đều im lặng. Xa mút ở đầu đường là phương đông, nơi mà mặt trời đang cố gắng phóng chiếu ánh sáng của nó để vạch đường mây mà ló dạng, vô tình tạo nên một góc trời hồng tía trắng lệt. Ở đầu đường đó, dường như quẹo trái là qua đường Nguyễn Huệ, có quán cà phê mở nhạc ngoại quốc mà có lần tôi và Mộng Huyền ghé vào sau một chuyến vượt biển thất bại... Mộng Huyền bây giờ là cố nhân, là cố nhân, là người thiên cổ lụy. Tôi muốn được ngồi ở quán cà phê ấy ngay lúc này để dành một khoảng thời gian nào đó tưởng niệm đến Mộng Huyền nhưng làm vậy thì có vẻ bất công

với thiếu nữ đang bước đi bên cạnh tôi quá.

"Anh liều ghê, cái gì cũng nhận về phần mình!" bất chợt nàng nói.

"Tất cả thầy tu Phật giáo ở vào trường hợp của anh, đều sẽ làm như vậy."

"Cũng tùy thôi anh ạ. Không phải ai cũng ứng xử theo cách của anh đâu. Ở xã hội này, liều như anh chỉ thiệt vào thân. May mà anh hãy còn sống... Nhưng xét cho cùng thì chuyện anh làm cũng đúng thôi. Tâm lòng của anh nó như vậy, thì cứ để nó như vậy, đâu cần uốn nắn hay chỉ bày nó cách tự vệ... Vậy rồi Tri xử sự ra sao với lời khai ấy của anh?"

Ngày hôm sau và những ngày kế tiếp, Tri cho gọi tôi ra khai cung làm việc liên tục, từ thứ Ba cho đến thứ Sáu. Những ngày này vẫn chỉ có một mình Tri làm việc với tôi chứ không có ông cán bộ già khó tính nữa.

Thứ Ba và thứ Tư, mỗi ngày Tri đều lập biên bản và đưa tôi ký tên. Biên bản lại ghi rõ những gì tôi đã đóng góp cho lực lượng Phục quốc của ông Trần Văn Lương. Sáng thứ năm, Tri đưa giấy bút cho tôi, bảo viết hai bản tự khai, một bản kể lại tuần tự theo thời gian các hoạt động của tôi từ năm 1982 đến năm 1984; một bản viết lại toàn bộ những gì tôi đã làm từ năm 1984, khi bắt đầu có dính líu với lực lượng Phục quốc. Chiều thứ năm, Tri lại bảo tôi viết thêm một bản tự khai về chuyện "dự tính" tự thiêu của tôi nhằm chống lại bản án tử hình thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát (nếu có). Trong bản tự khai về việc tự thiêu, Tri yêu cầu tôi nói luôn cả ý nghĩa tự thiêu trong Phật giáo mà anh đã nghe tôi nói bằng miệng trước đó vài ngày. Bản tự khai ấy, dĩ nhiên tôi đã nhận hết lỗi về phần tôi để cứu Thiện Đức. Qua ngày thứ Sáu, dù tôi đoán rằng đã hết chuyện để khai-sau khi Tri lập ba biên bản và tôi viết ba bản tự khai-Tri lại gọi tôi ra.

Lần này, Tri đưa tôi vào một căn phòng khá rộng thuộc dãy nhà ngang nằm gần phía con lộ chính. Phòng này có vẻ như là một nhà kho hay phòng chứa tang vật gì đó. Phòng có hai cửa sổ trước và sau, cửa sổ trước mở ra sân trại, cửa sổ ở vách sau thì mở ra phía con lộ chính. Tôi thấy nhiều lớp rào kẽm gai bên ngoài cánh cửa sổ ấy. Đọc theo hai bên vách là nhiều học tử lớn có nhiều ngăn, mỗi ngăn có đánh số. Tri đóng cánh cửa ra vào, cài then lại, rồi đến ngồi với tôi. Chưa bao giờ cán bộ chấp pháp làm việc khai cung mà lại đóng cửa như thế. Đã vậy, trên bàn có để sẵn hai tách cà phê nóng còn ngút khói. Tri cười thân mật, nói:

"Thực tế thì chúng ta đã làm việc xong từ chiều hôm qua. Anh khỏi cần khai cung hay viết tự khai gì nữa. Nhưng tôi muốn gọi anh ra để anh em mình có cơ hội nói chuyện cho vui. Ở trong đó tù túng lắm, phải không anh Khang? À, mời anh dùng cà phê cái đã. Đây là cà nhân tôi đãi anh chứ không phải của trại hay của nhà nước đâu, đừng ngại. Hút thuốc nhé. Anh nói là trước đây anh có hút nhưng đã cai mà, thế thì cũng biết hút chứ chẳng phải không. Thôi thì hút với tôi bữa nay cho vui. Chiều nay tôi về lại Hà Nội rồi."

Bởi cái vẻ chí tình trong cách mời của Tri, tôi bưng tách cà phê, nhấp một ngụm nhỏ, rồi đón lấy một điếu từ gói thuốc của Tri đưa mời.

(Kỳ thực trong thời gian gần đây, tôi đã bắt đầu hút thuốc trở lại. Tôi biết rằng việc hút thuốc có hại cho thể chất, nhưng về mặt tinh thần, nó cho tôi chút cảm giác hạnh phúc nào đó. Một thứ khoái cảm lâng lâng nhẹ nhàng. Một chút ngày ngắt quên đời. Có người bảo đó chỉ là cách để chạy trốn thực tại, nhưng thực ra, tôi không chạy trốn thực tại mà là đắm mình trong cái thực tại của khói thuốc. Trong cái thực tại bùng cháy của cảm giác, hay ngay cả ảo giác, khi hút thuốc, tôi không cần biết cuộc đời vậy bực chung quanh. Và chẳng, cảm giác và khói thuốc chẳng phải là thành phần của cuộc đời hay sao? Cho nên, tôi sống trong thực tại khói thuốc chứ không phải chạy trốn thực tại cuộc đời—dù rằng đôi lúc cuộc đời đầy ưu phiền hệ lụy này cũng rất đáng quên. Tôi không ngoa ngụy để bào chữa cho việc hút thuốc của tôi trong thời gian ở

tù đâu. Bởi vì có một lúc ngồi trầm tư, tôi nhận thấy rất rõ ràng cái điều mà một đạo nhân cần phải từ bỏ là tính chất mê, nghiện, say đắm... chứ không phải là các đối tượng quyến rũ của trần gian. Nói vậy không có nghĩa rằng cứ việc tự do đón nhận các đối tượng, nhưng để biết: một khi dục vọng (mê đắm của mọi thứ say mê nghiện ngập) còn tồn tại thì bất cứ đối tượng nào để say mê đều mang cùng một tính chất như nhau cả. Như thế, giữa một thiền sư nghiện uống trà và tôi nghiện hút thuốc, chẳng có gì khác nhau lắm đâu, dù rằng trên hình thức, người ta thấy sự nghiện trà của vị thiền sư ấy có vẻ thanh nhã, đạo vị hơn việc hút thuốc của tôi rất nhiều. Chỗ quan trọng nhất là vị thiền sư và tôi phải dứt khoát từ bỏ được dục vọng; và một khi dục vọng bị đánh tan rồi, tất cả các nỗi đam mê lớn hay nhỏ, thanh nhã hay thô lậu, thuần khiết hay nhơ bẩn... đều tự động rã ngũ.)

Tri bật lửa cho tôi. Tôi tự nghĩ, "chắc anh ta không có âm mưu gì đâu. Đã kết cung cả rồi và mọi chuyện đâu đã vào đó, anh ta đâu cần mua chuộc mình làm gì nữa. Nhưng biết đâu... chuyện lấy cung lại bắt đầu từ một buổi nói chuyện băng qơ như vậy. Phải cẩn thận mới được." Tôi vừa nghĩ đến đó thì Tri đã tiếp:

"Anh Khang à, ở trại này họ đối xử với anh như thế nào?"

"Đối xử như thế nào là sao? Thì đối xử như mọi tù nhân khác chứ có gì đâu."

"Ý tôi muốn hỏi là chế độ ăn uống, thăm nuôi... ở đây như thế nào?"

"Có lẽ cũng như bao nhiêu trại giam khác trên đất nước này thôi. Anh làm trong ngành công an thì hẳn anh phải biết chứ."

"Anh Khang nói vậy là không nắm rõ cơ cấu trong ngành nội vụ rồi. Tôi làm sao biết được chuyện của mấy trại giam vì nó thuộc phần vụ của Cục Quản lý Trại Giam kia mà!"

"À, ra là vậy. Nói chung thì tôi không để ý lắm về chế độ ăn uống, thăm nuôi... Cứ đến giờ phát cơm thì nhận cơm, cho thăm nuôi thì nhận được quà, vậy thôi."

"Nhưng tiêu chuẩn gạo hàng tháng là bao nhiêu cân,

anh biết chứ?"

"Làm sao mà biết được?"

"Ồ, họ không cho anh biết à? Thế mỗi ngày được phát cơm mấy bữa, mỗi bữa được bao nhiêu cơm?"

"Mỗi ngày hai bữa, trưa và chiều, mỗi bữa được khoảng hơn một bát cơm!"

"Cái gì? Một bát cơm? Khiếp thế, làm sao mà sống nổi, đói chết!"

Tôi phì cười, nói nửa đùa nửa thật:

"Bộ anh ở cung vàng điện ngọc hay sao mà không biết cái hiện tình đói khổ của đất nước chứ hả? Đâu phải chỉ có tù nhân mới đói, thường dân thiên hạ ở ngoài cũng đói nhan nhản ra đó, có lạ lùng gì đâu. Có khi nào anh viếng thăm các vùng kinh tế mới không? Anh có biết cuộc sống của người dân trên kinh tế mới như thế nào không?"

"Có, tôi có lên Long Thành, vùng kinh tế mới mà anh lập chùa, hoạt động chống nhà nước... nhưng lên để điều tra về cơ sở của anh thôi, chứ không tìm hiểu về cuộc sống của người dân trên ấy."

"Vậy thì anh và những đồng chí của anh nên dành thì giờ mà tìm hiểu thêm về đời sống nhân dân mọi thành phần. Chắc anh cũng thừa biết rằng nếu nhà cầm quyền không hiểu rõ được đời sống thực tế của nhân dân thì nhà cầm quyền đó chỉ tồn tại trên đất nước như một đám lục bình trôi trên sông."

Tri im lặng, có vẻ suy nghĩ. Một lúc, anh gạt đầu, nói:

"Anh nói có lý. Có lẽ vì cái chế độ này nó tạo ra chúng tôi như thế đấy. Chế độ thư lại giấy tờ mà. Tôi chỉ biết những con số và những dòng chữ rất giống nhau ở trên các bản báo cáo. Ô thôi, nói cái chuyện đó chán quá, ta nói chuyện khác cho vui nhé. À, ông cụ bà cụ thân sinh của anh cũng khỏe lắm. Nói để anh yên tâm."

"Sao? Anh có gặp ba mẹ tôi à?" tôi giật thót mình khi nghe Tri nói vậy. Có lẽ nào vì chuyện của tôi mà cả ba mẹ tôi đều vào tù? Thấy tôi có vẻ lạng người sùng sốt, Tri tiếp ngay:

"Vâng, trước khi gặp anh, tôi đã làm việc với anh Hiền, anh ruột của anh, rồi tôi ra Nha Trang gặp hai ông bà thân sinh của anh để hỏi thêm một vài vấn đề... Bà cụ tiếp tôi ở căn nhà nhỏ đường Hậu Giang. Ô, bà cụ hiền lành, nhân hậu lắm; bà thật thông minh, tinh tế, nói năng hòa nhã lịch thiệp,

khôn khéo, ai tiếp xúc qua là quý mến ngay. Tôi dự tính chuyển ra Bắc chiều nay sẽ ghé Nha Trang thăm bà cụ lần nữa. Anh ngạc nhiên à? Thì chuyển trước tôi đến bà cụ để điều tra chuyện hai anh em của anh, còn chuyển này thì ghé thăm, thăm thực sự như thăm một người thân hay một người mà mình quý mến, hay thăm một gia đình nhân sĩ trí thức ở miền Nam mà tôi có dịp biết đến. Có thể tôi sẽ kể chuyện của anh và anh Hiền để bà cụ đỡ lo. Anh có cần nhắn gì không?”

Tôi nhẹ nhõm mừng là ba mẹ tôi không can hệ gì nhưng cũng dự chưa biết nói lời nào để nhắn, đành cười trừ. Tri nói giọng thân mật:

“Chắc anh Khang còn ngại vì mới hôm qua tôi là cán bộ điều tra, nay lại nói chuyện linh tinh... anh ngại cũng phải. Cái chế độ này, ở trong tù hay ngoài xã hội cũng thế thôi, cứ tạo nghi ngờ trong lòng mọi người, làm sao người ta trở thành anh em hay bạn bè của nhau!”

Tri ngưng một lúc, hớp cà phê, kéo một hơi thuốc, rồi tiếp:

“Nói thật anh Khang nghe, hơn mười năm làm việc trong ngành, tôi chưa bao giờ gặp một phạm nhân... à, một con người lạ thường như anh. Chỉ trong vòng vài ngày tiếp xúc mà tôi học được từ anh rất nhiều điều bổ ích. Tôi không nói về cái hữu ích về kiến thức liên quan đến ngành nghề của tôi, mà về thái độ và quan niệm sống của một người dân, hay của một con người trên cuộc đời. Dĩ nhiên tôi biết rằng một chế độ... khắt khe như chế độ ngoài Bắc thì chẳng làm sao mà đào tạo được cái gì xuất sắc, dị thường. Nhưng tôi vẫn lấy làm lạ là mảnh đất miền Nam, với chế độ mà ngoài tôi gọi là Mỹ-Ngụy tay sai, lại sản sinh ra nhiều con người tài hoa đến thế. Tôi chưa có cơ hội tiếp xúc nhiều với giới trí thức hoặc giới trẻ miền Nam nên không làm sao nắm được là thành phần nhân sĩ trí thức chiếm bao nhiêu phần trăm nhân số miền Nam, nhưng qua tiếp xúc những người trong gia đình anh khi tôi đến làm việc, tôi đã giật mình. Riêng anh và anh Hiền, mỗi bản tự khai các anh viết ra là cả một đoạn hồi ký hay. Tôi đọc mà say mê như đọc tiểu thuyết. Văn anh Hiền thì dữ dội, lời cuốn, văn của anh thì trong sáng, nhẹ nhàng, mà đầy tự tin, đầy quyết tâm. Tôi nhận ra ở con người anh và con người anh Hiền,



một cái gì na ná như là thái độ bất cần đời, nhưng không phải. Các anh vẫn sống hết mình vì cuộc đời. Nhất là anh, nói thực, nếu anh không ở trong hoàn cảnh này, tôi muốn liên lạc kết giao với anh thường xuyên... Anh Khang biết không, cho dù ông nội, ông ngoại tôi đều là Ủy viên Trung ương Đảng, bố tôi thì nằm trong ban Bí thư Trung ương, cho dù các anh chị em tôi đều được sinh ra và đào tạo từ chế độ xã hội chủ nghĩa, cho dù chúng tôi đang tận tụy công tác phục vụ Đảng và Nhà nước, tôi vẫn có thể nói với anh rằng, “Tri nói hơi nhỏ giọng xuống, “chế độ cộng sản giống như một nhà máy sản xuất thức ăn đóng lon-hình như trong Nam người ta gọi là đồ hộp phải không anh?-nhưng là loại đồ hộp để cất vào kho chứa chứ không phải loại để tiêu thụ. Tôi nói vậy tự anh hiểu. Tóm lại là chế độ ấy không đào tạo ra những con người. Nó nghiền nát nhân tính một cách tàn bạo, khủng khiếp. Tuổi trẻ miền Bắc, mấy thế hệ nối tiếp nhau, được nuôi lớn trong cái giàn máy khổng lồ ấy, thử hỏi anh, chúng tôi có thể làm gì! Chỉ làm đồ hộp thôi. Chỉ nằm ì

ra đó thôi! Mỗi người chúng tôi có mối liên hệ chẳng chặt hay một thứ bốn phận không thể từ chối đối với cái giàn máy đó: không chịu theo khuôn thì bị phế thải, văng, bị phế thải. Anh đừng ngại, ở đây chẳng ai nghe đâu, mà có nghe cũng chẳng làm gì được mình đâu! Anh cho tôi nói chuyện nhé, vì về lại ngoài Bắc, tôi không nói được cảm nghĩ này với ai cả, ngay cả với những người trong gia đình... Đôi khi uất nghẹn muốn ra giữa chợ đời mà hét to lên một tiếng, hoặc muốn xách súng vào trung tâm điểm của cơ quan giàn máy, cứ lần lượt mà bắn hết từng bộ phận đầu não, cho đến từng cái lon đồ hộp! Ôi, cái uất nghẹn lặng lẽ ấy... ôm lâu trong lòng lại biến dạng thành một thứ ung nhọt kỳ quái, một thứ ung nhọt xơ cứng như băng...”

Nói đến đây, Tri có vẻ uất nghẹn thật. Mắt anh long lanh như khóc. Mỗi anh rung rung. Nhưng tôi thì thầm nghĩ rằng, Tri ví thân phận cán bộ của anh như là thành phần bị cái giàn máy nhà nước cộng sản nghiền nát thì không được chính xác lắm. Thực ra, không phải cán bộ nhà nước là thành phần trực tiếp bị cái giàn máy khổng lồ kia nghiền nát, chỉ có nhân dân mới bị nghiền nát;

còn cán bộ thì là những con ốc tán hay những cơ phận giúp đỡ giàn máy đứng vững và hoạt động.

Tri bụng tách cà phê lên nhấp, rồi đốt thêm điều thuốc khác. Anh đưa thuốc mời tôi, tôi đón, không từ chối. Chúng tôi im lặng hút thuốc. Nắng mai chiếu xiên vào cửa sổ sau lưng Tri. Từng đám bụi lấp lánh nắng, lẫn tẩn cuốn theo những chiếc lá vàng nhỏ rơi từng đợt từng đợt từ vài cành táo non đong đưa sau dãy rào kẽm gai. Rày tàn thuốc xuống sàn đất, Tri lại tiếp:

"Tôi nói điều này không biết anh Khang có đồng ý không. Như vậy, tôi nghĩ cái biến cố 30-4-1975 cũng là một dịp may, một cơ hội cho đất nước chúng ta chứ chẳng phải không đâu. Anh đừng cười, để tôi nói cho hết ý: tôi cho rằng trước đây miền Nam đã có cơ hội để mở mắt và để sống với tư tưởng tự do cũng như ý niệm về dân chủ của các nước văn minh khác trên thế giới, trong khi đó, nhân dân miền Bắc phải sống dưới một chế độ... độc tài khủng khiếp... Nếu không có cái ngày 30-4-1975 đó thì miền Bắc muốn đời vẫn thế, chẳng làm sao mà thay đổi được. Nhờ giải phóng miền Nam, nhìn thấy miền Nam, tiếp xúc với nhân dân cũng như các thành phần chính quyền cũ của miền Nam, người miền Bắc mới sáng mắt ra, mới thực sự nhận thức được rằng có một thứ đời sống khác hơn, tươi sáng hơn mà lâu nay họ tìm kiếm, mong đợi. Cho nên, có thể nói rằng miền Nam giải phóng miền Bắc thì miền Nam thắng, miền Bắc giải phóng miền Nam thì miền Nam vẫn cứ thắng như thường. Bởi vì lẽ thắng bại đôi khi không nằm ở chỗ chiếm lĩnh được cái vũ đài chính trị hay quân sự."

"Mà phải chiếm lĩnh cái vũ đài nhân tâm," tôi tiếp lời Tri.

Tri gật đầu tán đồng ngay:

"Đúng, phải được lòng dân. Khi quân đội miền Nam cũng như Hoa Kỳ rã ngũ và rút đi không đánh nữa thì chính cái tinh thần dân chủ tự do ở miền Nam đã tràn ngập ra Bắc, chiếm lĩnh trận địa nhân tâm, đánh thức bao nhiêu cái đầu óc đã mù đi vì mù quáng hoặc vì sức ép của giàn máy. Những người cầm quyền miền Bắc sau ngày giải phóng miền Nam đã phải đối đầu với một đạo quân vô hình nhưng khủng khiếp hơn đạo quân chính qui của quân đội Việt Nam Cộng Hòa nhiều. Người ta không sợ tàn quân miền Nam nổi

lên đánh lại đâu. Điều này làm sao xảy ra được chứ! Khi chưa tan rã thì quân đội hai miền còn đánh cầm cự với nhau mấy chục năm, còn bây giờ một bên thì tăng cường quân số, kiểm soát toàn lãnh thổ, một bên thì giải thể, tan rã hoàn toàn... lấy cái gì mà quật lại! Người ta chỉ sợ cái tinh thần tự do dân chủ thôi. Rồi đây, trên đất nước này, chỉ còn một cuộc chiến tranh duy nhất là cuộc chiến giữa chế độ độc tài và phong trào đòi hỏi tự do dân chủ dấy lên từ nhân dân. Nhân dân ở đây không phải là nhân dân miền Nam hay miền Bắc, mà là nhân dân Việt Nam. Anh Khang có đồng ý với tôi quan điểm ấy không?"

Tôi gục gặc, không nói, nhưng thật xúc động. Ý nghĩ của anh không sản tré này làm tôi phấn khởi và tin tưởng vào tương lai của đất nước vô cùng. Té ra miền Nam đang giải phóng ngược miền Bắc bằng tinh thần tự do dân chủ! Cái điều này đơn giản như thế mà lâu nay tôi hầu như không để ý đến. Nhưng có thực vậy chăng? Miền Nam có tự do dân chủ thực sự để làm công việc giải phóng miền Bắc không? Không.

Có thể nói rằng tinh thần tự chủ độc lập của dân tộc đã được nuôi dưỡng và phát triển liên tục từ các triều đại xa xưa của đất nước, điển hình là qua triều đại Lý-Trần, khi mà nhân dân được góp mặt trong các hội nghị quan trọng quan hệ đến sự sống còn của quốc gia. Tinh thần ấy bị mai một, lãng quên, hoặc bị dìm chết bởi các thế lực xâm lăng và thực dân nước ngoài cũng như đã bị tinh thần hủ nho đề cao trung quân ái quốc, tôn thờ lãnh tụ, cố tình đê bẹp đi. Cho nên, người ta thấy rằng hai chế độ Cộng hòa của miền Nam trước đây cũng chưa thực sự có tự do dân chủ; nhưng ít ra, tinh thần tự do dân chủ đã từ Tây phương trực tiếp theo chân quân đội viễn chinh Mỹ thâm nhập vào mảnh đất màu mỡ trù phú với cánh cửa luôn mở rộng của miền Nam. Miền Nam chưa có chế độ thực sự tự do dân chủ nhưng tinh thần tự chủ sẵn có từ ngàn xưa đã được đánh thức, được nhận dạng qua sự có mặt của nền văn hóa Tây phương. Tinh thần tự chủ đáng ra là vốn liếng thì bây giờ trở thành như là một

thứ bài học mới. Dù sao, một bài học đã biết mà chưa áp dụng triệt để cũng còn đỡ hơn là không biết gì cả. Từ chỗ này, tôi thấy rằng, khi trình độ dân trí và văn hóa của hai khối dân chênh lệch nhau quá xa hoặc nền văn hóa bản địa quá vững chắc thì lúc va chạm, cái nhỏ sẽ tan biến trong cái lớn, cái thấp sẽ bị mất hút trong cái cao, cái ít bị chìm lìm trong cái nhiều... Miền Bắc dưới chế độ cộng sản y như là một ông cụ già lụ khụ cứ quần quanh trong nhà để coi ngó; còn miền Nam thì cứ y như một chàng trai khỏe mạnh sung sức, thích bay nhảy tự do, thích hoạt động bên ngoài. Ai sẽ ảnh hưởng ai? Chàng trai sẽ ú ì đột bị quan theo cụ già hay cụ già sẽ tươi tỉnh yêu đời lên bởi tính năng động của chàng trai? Rõ ràng là trước sau gì ông cụ cũng phải chịu thua, không thể trì niên kiểm soát gì được chàng trai trẻ.

Thấy tôi chẳng nói gì, Tri kín đáo thở dài một tiếng. Một lúc, anh nói:

"Hoàn cảnh xã hội đã tạo một bức màn ngăn cách giữa tuổi trẻ chúng ta. Có một bức tường thành kiến rõ rệt giữa nhân dân miền Nam và miền Bắc. Anh Khang có thấy vậy không? Anh nói tôi nghe về chuyện đất nước đi, hay anh còn ngại... chưa tin tôi, phải không?"

Tôi cười, nói:

"Anh lầm rồi. Anh không nhớ rằng những hoạt động trước đây của tôi, cùng với bao nhiêu bản tự khai của tôi viết cho các anh, đã là cách thẳng thắn bày tỏ quan điểm của tôi rồi đó sao? Nếu sợ thì tôi đã không làm, anh ạ. Có điều, lâu nay các anh chỉ giảng tôi nghe lập trường và quan điểm chủ nghĩa xã hội với lý tưởng cộng sản... nên tôi mới mở miệng nói lời đôi co. Nay anh nói theo cách khác, cách mà anh thực sự nghĩ trong đầu, thì tôi thích thú lắng nghe, ngạc nhiên mà lắng nghe, chứ không phải tôi không muốn trao đổi. Quan điểm của tôi thì quá rõ ràng rồi, anh đã đọc thấy trong các bản tự khai của tôi. Anh đâu cần phải nghe thêm. Bây giờ đến lượt anh nói đó. Anh nói tiếp đi, tôi thực sự muốn biết tuổi trẻ các anh, những người sinh ra và trưởng thành trong chế độ cộng sản thực sự nghĩ gì về hiện trạng khổ đau của dân tộc cũng như viễn ảnh tương lai của đất nước."

Tri gật đầu, mắt sáng lên long lanh, hăng say nói:

"Theo một vài người bạn trẻ

của tôi ở ngoài Bắc, thì đa phần người dân miền Nam cứ một mực cho rằng chúng tôi là thứ cần phải trừ khử, tiêu diệt, mới mong đem lại hạnh phúc, ấm no cho đất nước. Anh Khang có thấy đó cũng là một thứ thành kiến không? Khi người cộng sản nghĩ rằng chỉ có họ đúng, còn những người không cộng sản thì sai, họ đã có thành kiến nặng phải không anh? Thế thì khi những người không cộng sản một mực cho rằng cộng sản là sai, chẳng phải họ cũng có thành kiến đó sao?"

"Đúng là cả hai bên đều mang thành kiến."

"Thế theo anh Khang, chúng ta phải làm gì để giải tỏa cái thành kiến đó? Chẳng phải rằng chúng ta, tuổi trẻ Việt Nam, phải ngồi lại nói chuyện với nhau để thảo luận về một hướng đi mới cho dân tộc không?"

Tôi vui mừng nói ngay:

"Phải, chúng ta phải đối thoại trong tinh thần dân chủ. Hai bên phải gạt bỏ hết những chủ thuyết, những lý tưởng, những lập trường này, lập trường nọ, để lắng nghe nhau, phác họa một con đường mới cho dân tộc. Chúng ta phải học cái tinh thần tự do dân chủ, vì chỉ có tự do dân chủ thực sự, chúng ta mới phá được cái bức tường thành kiến đó mà thôi. Nhưng đất nước chúng ta, hay nói cho đúng hơn, các nhà cầm quyền trên đất nước ta, chưa bao giờ biết áp dụng dân chủ. Người ta luôn luôn muốn đàn áp tinh thần dân chủ vì đó là cách duy nhất để bảo vệ quyền lợi chấp chính của họ. Cứ như vậy thì bảo sao có tiến bộ, có đổi thay... và làm sao trách được là có những lực lượng phản kháng nổi dậy."

"Phải rồi, chắc chắn người miền Nam quen với nề nếp đấu tranh đòi cái quyền tự do bình đẳng sẽ không thể nào chịu ngồi yên trước một chế độ khắt khe như chế độ xã hội chủ nghĩa. Các anh đứng lên phản kháng là chuyện ắt phải có. Nhưng rồi anh cũng biết đấy, không có chính quyền nào chịu ngồi yên để cho các lực lượng phản kháng nổi dậy cả. Họ phải dập tắt để giữ gìn an ninh xã hội, cũng là cách để bảo vệ quyền bính của họ nữa chứ. Thành thử, kẻ phản kháng và chính quyền trở thành hai đối lực không thể ngồi chung với nhau được. Buồn là buồn ở chỗ đó. Chúng ta muốn nói chuyện với nhau, nhưng sẽ không bao giờ có cơ hội. Hoặc là các anh vào tù,

hoặc là chúng tôi vào tù. Chúng tôi không muốn thất bại, không muốn mất quyền bính, thì chúng tôi phải dẹp các anh. Mà cái điều khổ cho thành phần tuổi trẻ, hay nói đúng hơn, thành phần cán bộ trẻ như tôi, là trong khi mình ôm cái hy vọng là có cơ hội bắt tay với những người trẻ khác trên khắp đất nước để tiến hành một cuộc vận động xây dựng kiến thiết xứ sở thì cấp trên...ừ, mấy con ốc tẩn rì sét đã bám chân cứng ngắt vào giàn máy, không sao vặn mở ra nổi-cứ lệnh cho mình phải đi bắt, đi dẹp, đi xử... những anh em bạn bè của mình. Oái oăm là ở chỗ đó. Mình không làm thì mình chết, còn làm thì vô tình cứ trở thành kẻ thù, trở thành đối lực của nhau..." Tri đưa gói thuốc mời tôi, rồi rút một điếu khác, đưa lên môi, bật lửa, tiếp, "cho nên... anh Khang biết không, cấp trên bảo tôi vào Nam thăm tra vụ án của anh Khang, tôi rất thích thú, và nói thật, tôi rất hân hạnh làm việc, nói chuyện với anh. Anh còn trẻ hơn tôi ba, bốn tuổi, nhưng tôi không dám nhìn anh như một người bần... mà phải hơn thế kia. Anh như một người anh, một người thầy thì đúng hơn. Thảo nào nhiều người quý mến và nghe lời anh đến thế. Tôi không nhìn anh như các nhân sự khác trong lực lượng Phục quốc, bởi vì đa phần những người của lực lượng này đều ít nhiều có dính dấp đến chế độ cũ: hoặc là sĩ quan quân đội, hoặc là cán bộ công chức cao cấp. Những người ấy họ tham gia phong trào Phục quốc là để lấy lại những gì họ đã mất... Tôi đánh giá lực lượng Phục quốc như thế. Phục quốc là muốn lấy lại nước của họ, nước của họ là chế độ Cộng hòa miền Nam trước đây-một chế độ mà nhà nước miền Bắc không thể nào chấp nhận, và cũng chẳng phải là điều mà bọn trẻ miền Bắc chúng tôi mong đợi. Nếu lý tưởng Phục quốc là như thế thì... nói xin lỗi, cũng chẳng có gì đáng cho tôi để bụng lắm đâu. Chẳng qua cũng giống như một số vụ án chống đảng, âm mưu lật đổ chính quyền nhà nước do những đảng viên Cộng sản điều động chủ trương. Họ cũng làm cách mạng đấy, nhưng cách mạng để hồi phục chỗ đứng, chỗ ngồi của họ..."

hoặc để đòi hỏi một thứ bình đẳng quyền lợi nào đó trong cái mâm cỗ 'đảng viên ưu đãi' mà họ nghĩ là họ phải được hưởng. Từ nhiều năm nay, cách mạng trong nước ta chỉ có ý nghĩa như thế: lấy lại những gì mình bị mất hoặc đòi hỏi ăn đồng chia đều! Hừ, cách mạng như thế thì chẳng có ý nghĩa gì cả trong mắt tôi. Nhưng chính vì trong lực lượng Phục quốc có anh, một tu sĩ Phật giáo đã lia bỏ cuộc đời từ thuở bé, bản thân không dính dáng gì đến chính quyền cũ, nên mới khiến tôi có cái nhìn khác đi về lực lượng Phục quốc. Anh đứng lên làm công cuộc cách mạng không phải để 'phục quốc' hay hồi phục lại cái gì đã mất mà để tìm kiếm một cái gì đất nước này chưa từng được hưởng. Anh đứng lên vì tương lai đất nước chứ không phải vì cái dĩ vãng vàng son hiển hách nào đó của những người thuộc chế độ cũ. Và cũng chính vì ông Trần Văn Lương khôn khéo móc nối anh, nhờ anh đề ra cho Phục quốc một cương lĩnh cao đẹp nên mới tạo được cái chính nghĩa rực sáng cho lực lượng ấy thôi. Tự thân lực lượng Phục quốc chỉ có chính nghĩa đối với người dân miền Nam cảm tình với chế độ cũ hoặc những người không đội trời chung với cộng sản; nhưng nhờ ước vọng cao đẹp của anh về tương lai đất nước gói ghém trong đường hướng và cương lĩnh của lực lượng, nó trở nên có chính nghĩa, hoặc ít nhất là có một gợi ý hấp dẫn, đối với cả những người miền Bắc cấp tiến muốn thay đổi đất nước. Nói cho cùng thì ông Lương nắm tất cả nhân lực, nhưng tinh thần của Phục quốc thì do anh thổi vào. Một số nhân sự Phục quốc khai rằng họ thấy cương lĩnh Phục quốc hay và hợp lý quá nên tham gia chứ không biết ông Lương là ai cả. Từ ngoài Bắc, tôi có đọc qua số tài liệu tịch thu được của Phục quốc. Tôi thích lắm... Rất tiếc là tôi phải làm công tác của tôi thôi. Trách nhiệm mà. Nhưng anh Khang à... không sao đâu. Cái chuyện tôi vừa nói chỉ là nhận xét của tôi chứ cán bộ chấp pháp các cấp dưới không đánh giá anh như vậy đâu. Họ đánh giá theo chức vụ thôi. Cho nên anh thấy đó, trong biên bản kết luận đâu có nói gì... phải không? Chỉ nói đơn giản là anh có hợp tác, giúp soạn viết tài liệu... chứ không nhấn mạnh tầm quan trọng hay tác dụng của tài liệu đó. Tóm lại là... họ không kết án anh nặng lắm đâu. Dĩ nhiên chuyện án nặng

hay nhẹ chẳng phải là điều anh quan tâm, tuy thế, ở cương vị tôi, một người bạn trẻ quý mến anh, tôi lại muốn làm một cái gì đó để giúp anh nhẹ bớt... chắc anh hiểu. Nhưng tôi cũng chẳng làm gì được. Cái chuyện xét xử thì do bên Viện Kiểm sát. Phần vụ của tôi là điều tra nội vụ, thu lý hồ sơ thôi. Tôi đã cố gắng hết sức để tránh bớt được cho anh chừng nào hay chừng nấy... nhưng cũng có chừng mực thôi. Và lại, các bản tự khai của anh nói thật quá, tôi chẳng làm sao khác hơn được. Chẳng hạn cái vụ của anh Thiện Đắc, nếu anh không nhận thì cũng chẳng ai biết là anh. Đôi khi tôi muốn điều chỉnh hoặc góp ý anh... là nên khai như thế nọ thế kia cho nhẹ bớt tội, nhưng nghĩ lại thấy rằng điều đó chỉ tổ làm phụ lòng anh mà thôi. Anh đâu cần được giúp đỡ theo cách đó. Anh đã quyết định nói thẳng từ đầu đến cuối, quyết định chấp nhận mọi hậu quả thì phải để anh toại ý... Dù sao, tôi vẫn hy vọng một ngày rất gần, anh được tự do. Tôi sẽ theo dõi xem tình trạng mức án của anh để chờ đón anh. Tôi muốn gặp anh ở một hoàn cảnh khác, không phải trong một trại giam, cũng không phải trong cương vị một cán bộ ngành nội vụ với một người đối lập với chính quyền nhà nước. Ngày gặp nhau, sẽ là một ngày tươi đẹp, sáng sủa hơn bây giờ nhiều... Ngày ấy là ngày của tuổi trẻ chúng ta."

Tri nói đến đó thì đôi mắt lại rưng rưng và cái mũi anh đỏ ửng lên. Tôi ngạc nhiên nhìn anh một cách kín đáo. Anh có vẻ là một anh chàng công tử bột hoặc một nhà thơ, một họa sĩ, chứ không phải là một cán bộ thuộc ngành nội vụ. Da dẻ anh trắng trẻo, một loại nước da láng mịn như con gái. Đôi mắt anh long lanh với hàng lông mi hơi cong. Mái tóc mềm với những sợi quăn cúp sát vào da đầu. Rõ ràng đó là cái tướng mít ướt đa cảm nhẹ dạ quen thuộc. Cái tướng đó nhạy cảm và dễ khóc, thương ai thì thương hết lòng, làm việc gì thì làm chí thú đam mê, lúc nào cũng nghĩ một cái gì tốt đẹp cho người khác mà quên cái hại sẽ rước vào thân... Ôi, cái hạng người ấy làm sao có thể tồn tại được giữa một xã hội khô khan cứng ngắt như "cái giàn máy" với những chiếc răng cưa khổng lồ từng phút từng giây nghiền nát mọi yếu tố thơ mộng riêng tư... Ôi, mảnh đất khô cằn với chất phân bón đầy độc tố



ở ngoài kia, làm sao có thể sản sinh được một con người như thế kia nhỉ? Chắc còn nhiều người khác nữa chứ không phải một mình anh chàng Tri đối diện mình. Họ sinh ra và lớn lên trên mảnh đất cằn cỗi ấy, dưới sự chụp phủ của cái giàn máy khổng lồ ấy, thì tự dưng phải suy tư, nói và hành động theo khuôn. Nhưng ở đâu cũng vậy, phải có những ngoại lệ. Và ngoại lệ ấy thường khởi đi từ những con người dị cảm kiểu như Tri.

Thấy Tri im lặng vì còn đang cố che giấu cảm xúc, tôi nói:

"Tôi biết đợt khai cung với anh là đợt khai cung quyết định mức án của tôi: qua đó, tôi đã sẵn sàng chấp nhận mọi hậu quả có thể ảnh hưởng đến sinh mạng của tôi nữa. Vì vậy, tôi không có hy vọng được trả tự do sớm đâu. Nhưng tôi hy vọng rằng, tôi sẽ cùng với những người tuổi trẻ yêu thương đất nước này, nếu có năm xuống thì xin nguyện làm chặt phân bón tươi tốt để ươm mầm xán lạn hơn cho tương lai của các thế hệ sau vươn dậy."

Nghe tôi nói vậy, Tri càng xúc động hơn. Tay anh run bần bật, cố gắng rút ra một điều thuốc, ngậm vào môi, mặt cúi thấp, môi lừ. Một lúc, anh nói:

"Tôi tiếc cho anh quá. Phải chi... phải chi... Hơ, tuổi trẻ chúng ta thật bất lực. Chúng ta chỉ có mặt để phục vụ cho người lớn."

Tôi bật cười:
"Nếu không khéo, chúng ta cũng sẽ trở thành những người lớn và bắt bọn trẻ sau này phục vụ chúng ta đó."

Tri cũng cười theo. Nụ cười thật buồn. Chúng tôi ngồi im lặng, hút thuốc. Không còn gì để nói nữa. Một lúc, Tri đứng dậy, bắt tay tôi:

"Thôi, anh về lại phòng nhé. Chúc anh nhiều sức khỏe. Mong gặp lại anh một ngày nào đó thật bất ngờ."

Tôi gật đầu, không biết nói gì. Tri tiễn tôi đến dãy hiên ngoài của văn phòng trưởng trại, ở đó có Phương và một anh cán bộ đang ngồi lật sổ tính toán gì đó. Thấy Tri bước đi song song với tôi có vẻ thân mật bình đẳng, Phương nhìn với đôi mắt lạ lẫm, như có một vẻ nghi kỵ gì đó. Chờ tôi và Tri bước lên bậc thềm, Phương nói với Tri:

"Đồng chí để anh ấy đây, tôi cho người đưa vào," rồi Phương quay sang tôi, "anh Khang làm việc bữa nay với bộ nội vụ là kết thúc rồi hả? Khỏe rồi nghen."

Tôi cười, không nói. Tri nhìn tôi lần cuối rồi lặng lẽ băng qua khoảng sân rộng, hướng về phía cổng trại. Tôi ngồi một lúc thì được một cán bộ bảo vệ đưa về phòng giam. Vừa vào tới khu vực sân chơi, tôi bỗng nhắc thấy bóng dáng Thiện Đắc với bộ đồ vật khách ngẩn, tay xách giỏ, hướng về phía cán bộ trực. Có lẽ Thiện Đắc được trả tự do. Ôi, mừng thay cho anh ấy! Như vậy là bản tự khai về chuyện tự thiêu của tôi đã có tác dụng. Cảm ơn Tri. Cảm ơn Tri lắm.

(còn tiếp)

Hy sinh

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU (Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Ngày xưa, có một người lái buôn nhân đức và hiền hậu, một ngày kia, chàng cùng năm người khách khác vượt trùng dương chèo thuyền qua xứ lạ để mua các thực phẩm và châu báu. Mua xong, mọi người đều vui vẻ giong buồm trở về xứ.

Khi ra đi thì trời quang mây tạnh, gió thuận buồm xuôi, nhưng khi thuyền ra khơi, thì thời tiết bỗng thay đổi, gió xoay chiều, từng đám mây đen ùn ùn kéo đến dần dần lan tỏa khắp cả bầu trời. Những lằn chớp rạch từng luồng sóng quắn quèo giữa vùng trời mây gió. Tiếng sấm vang dậy, mưa ào ào đổ xuống. Gió mỗi phút mỗi mạnh, sóng mỗi lúc mỗi to, tiếng gầm thét dữ dội và nhào lộn như điên cuồng. Chiếc thuyền nhỏ, lên xuống theo với đợt sóng nổi chìm. Được một lúc thì lái gậy, buồm đứt, chiếc thuyền lao đảo quay tít mấy vòng như chiếc lá vàng, giữa cơn gió lốc, bỗng bị úp lại và chìm hẳn.

Cuống quýt hãi hùng và lo sợ, những người trong thuyền đều bị

sóng cuốn ra giữa bể. Trong khi ấy người lái buôn bám vào đờng cột buồm, còn năm người bạn đồng hành không bám vào đâu được cả và sắp bị chìm sâu vào đáy bể. Họ kêu cầu rên la rất thảm thiết. Ai đã từng chứng kiến tiếng khóc não lòng của một kẻ sắp lìa trần mà không động lòng đau xót? Cũng chính vì tiếng khóc ấy, đã khơi dậy ở lòng người thương gia một tình thương vô hạn, một sự hy sinh cao cả mà trừ phi những bậc Thánh nhân thì ít người làm được.

Chàng ta quay mũi cột buồm lại, rồi bơi đến vớt từng người một, khi cả năm người bạn đều níu vào cột buồm chàng mới hơi yên lòng, nhưng vì cột buồm nhỏ, không thể chịu đựng được sức nặng của sáu người. Kể cả người lái buôn kia nữa, nên bị chìm dần xuống nước. Người lái buôn tự nghĩ: Nếu ta ham sống cứ níu vào cột buồm này, thì không những một mình ta chết mà năm người kia cũng không

tài nào thoát khỏi. Nếu ta dùng sức mạnh mà gạt bớt một người ra khỏi cột buồm thì có lẽ cứu được thân ta và bốn người kia nữa. Nhưng việc ác đức ấy ta không nỡ và không thể làm. Chi bằng ta hy sinh ta để cứu những người khổ nạn ấy.

Nghĩ như thế nên người lái buôn thả cột buồm và bị sóng đánh chìm nghiêm. Cột buồm bấy giờ được nhẹ bớt, từ từ nổi lên lại. Năm người kia nhờ thế mà được an toàn, trở về quê hương sum họp với gia đình họ.

Người lái buôn nhân đức và hiền hậu ấy là tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Thiện Châu

Cứu một người bị nạn hơn bố thí tất cả.

Các sao tuy có sáng, chẳng bằng sức sáng của mặt trăng.

